

J. Clyde Turner

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận



Lời nói đầu

Tài liệu này được trình bày cho đại gia đình Cơ đốc ở khắp nơi với niềm hy vọng thiết tha là các độc giả nhờ nó mà có được một sự từng trải quý giá và phong phú trong mối liên hệ với Chúa

Tác giả chính của tài liệu này là Tiến-sĩ Thần Học J. Clyde Turner, một nhà lãnh đạo Báp-tít lỗi-lạc của Mỹ Quốc. Ông đã là một vị mục sư, một nhà quản nhiệm và là một văn sĩ. Ông đã được đặc biệt biết đến trong lãnh vực biên soạn các sách liên quan đến giáo lý và đời sống Cơ đốc.

Xin chúng ta cũng nên nhớ rằng tài liệu này không thể nào nói hết về tất cả những điều mà người Báp-tít tin tưởng, nhưng chỉ nói lên những chân lý căn bản mà người tín đồ Tin Lành Báp Tít thường đồng ý công nhận.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Cuốn Sách Kỳ Diệu

"Chứng cứ Chúa thật lạ lùng" (Thi-thiên 119:129)

" KINH THÁNH " là tên đặt cho toàn bộ nhiều áng văn tôn giáo gọi là " Thánh Thư " có khi cũng nói là " Thánh Kinh " bởi tác giả của bộ sách là

Đức Thánh Linh và sách chép về những điều thiêng liêng.

Chữ "Kinh Thánh" dịch ở chữ Bible của Anh, Pháp, nguyên gốc là chữ "Biblos" của Hy Lạp, có nghĩa là sách. Vậy Kinh Thánh đúng là một Thánh Thư. Trong thế giới có nhiều sách, nhưng Kinh Thánh là sách duy nhất có đủ quyền uy để được gọi là "Thánh Thư". Sách này khác hẳn tất cả các sách khác.

Một nhà trí thức Trung Hoa được trao tay một cuốn Kinh Thánh đã tới thăm giáo sĩ và nói rằng: "Có gì khác thường trong cuốn sách các ông cho tôi vậy? Trong suốt các áng văn chương Trung Quốc tôi đã đọc, tôi được biết nhiều huấn điều hay, nhưng chẳng bao giờ, cho đến khi đọc sách này, tôi cảm thấy tâm hồn bị xao động, khi làm một việc gì quấy. Đến nay thì hẳn lúc nào tôi làm điều không phải, lòng tôi bị lo lắng, bồn chồn. Vì có lẽ nào sách này khác hẳn những sách tôi đã đọc như thế?"

William E. Gladstone, một chánh khách người Anh lỗi lạc, đã nói: "Kinh Thánh có mang dấu tích khởi nguyên đặc biệt và Kinh Thánh cách xa tất cả các sách đời đời, một trời một vực." Kinh Thánh không phải chỉ là một cuốn sách. Đó là một thư viện chứa đựng sáu mươi sáu quyển. Vì thế nên có tên gọi là "Tủ Sách Thiên Thượng." Trong tủ sách này có những sách bàn về luật pháp, sử ký, tiểu sử danh nhân, thi ca, và dự ngôn.

Tác giả Thi-thiên chỉ có được một phần nhỏ của Kinh Thánh Cựu Ước, tuy thế, đối với ông, phần đó là cả một cuốn sách kỳ diệu. "Chúng có Chúa thật lạ lùng." Vậy, toàn bộ Kinh Thánh mà chúng ta có đây còn kỳ diệu đến mức nào!

Những gì làm cho Kinh Thánh kỳ diệu dường ấy?

I. Một cuốn sách được Đức Thánh Linh soi dẫn.

1) Ý nghĩa của sự soi dẫn

Sự soi dẫn bao hàm nhiều ý nghĩa hơn sự soi sáng thuộc linh và phần khích mà nhiều người có thể cảm nhận. Chữ "soi dẫn" dịch ở chữ "Inspire" của Anh, nguyên gốc La tinh là thổi trên hoặc hà hơi vào. Nói Kinh Thánh được soi dẫn là ý nói những người soạn thảo Kinh Thánh đã được Đức Thánh Linh hà hơi. Đó là điều Phi-e-rơ muốn bày tỏ khi nói rằng: "Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời" (II Phi-e-rơ 1:21). Kinh Thánh đã được soạn thảo bởi con người, nhưng đó là những con người đã được dẫn dắt bởi Thánh Linh.

Nói soi dẫn không có nghĩa là nói tất cả những phần trong Kinh Thánh đều có một giá trị quan trọng bằng nhau. Sách Lê-vi Ký bàn về luật lệ, nghi lễ,

không quan trọng bằng sách Rô-ma, đã phát lộ chương trình cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời. Chương mười của Sáng thế Ký liệt kê một bản tên họ, không thể so sách với chương ba của sách Giăng, trình bày tình yêu thương của Đấng Cứu Thế. Nhưng mỗi đoạn trong Kinh Thánh có chỗ đứng riêng biệt của nó và đã góp phần vào sự xây dựng toàn bộ Kinh Thánh. Sự khai thị của Đức Chúa Trời có tính cách tiệm tiến trong thiên nhiên. Kinh Thánh Cựu Ước là bối cảnh của Kinh Thánh Tân Ước.

Sự soi dẫn không có nghĩa là các tác giả Kinh Thánh đã không từng cố gắng thu thập những sự việc các ông đã đề cập đến. Tác giả Lu-ca, trong bài tựa đã nói: “Vây, sau khi đã xét kỹ càng từ đầu mọi việc ấy, tôi cũng tưởng nên theo thứ tự viết mà bày tỏ ra, hỡi The-ô-phi-lơ quý nhân” (lu-ca 1:3). Ông đã hết sức cố gắng để nhận biết sự việc, nhưng phải nói là ông đã được Thánh Linh dẫn dắt trong những cố gắng đó.

Kinh Thánh được soạn thảo bằng tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp- Kinh Thánh Cựu Ước được soạn bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Kinh Thánh Tân Ước bằng tiếng Hy-lạp. Vào thời bấy giờ, muốn sao lại Thánh Thư thì phải chép tay bản thảo, một phương pháp mất nhiều thì giờ và dễ nản. Những bản thảo chánh đã bị thất lạc, và những bản Kinh Thánh chúng ta hiện có, là những bản sao của những bản sao bản thảo chính. Bản Kinh Thánh của chúng ta ngày nay là bản dịch của những bản sao đó. Bản chánh của Kinh Thánh là tác phẩm được soi dẫn vì những người Thánh của Đức Chúa Trời, đã được Thánh Linh trợ giúp. Có những bằng chứng hiển nhiên rằng toàn thể bản chánh của Kinh Thánh đã được bảo tồn một cách kỳ diệu.

2) Phương pháp soi dẫn

Nói về phương pháp soi dẫn, không phải toàn thể tín đồ Cơ-đốc-giáo đều cùng một ý kiến. Và nhiều tín đồ Báp-tít cũng có ý kiến khác nhau về vấn đề này. Nhưng nói chung thì có hai xu hướng nhận định mà chúng ta thử tìm hiểu qua cho biết:

(1) Sự soi dẫn thụ động:

Có người tin ở sự soi dẫn trọn vẹn từng chữ, từng lời, nghĩa là mỗi lời nói trong Kinh Thánh đều do Đức Thánh Linh phán truyền một cách trực tiếp hay gián tiếp. Những người viết đã chép y như lời Chúa dạy phải viết. Trong Xuất-Ê-díp-tô Ký 24:4, chúng ta đọc thấy : “Môi-se chép hết mọi lời của Đức Giê-hô-va.” Tiếp đó, trong Giê-rê-mi 30:1-2, “Có lời của Đức

Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng : Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Hãy chép mọi lời ta đã phán cùng ngươi vào trong sách.” Và Phao-lô đã nói: “Về phần chúng ta, chúng ta chẳng nhận lấy thân thể gian, nhưng đã nhận lấy Thánh Linh từ Đức Chúa Trời đến, hầu được biết những ơn mà chúng ta nhận lãnh bởi Đức Chúa Trời; chúng ta nói về ơn đó, không cậy lời nói mà sự khôn ngoan của loài người đã dạy đâu, song cậy sự khôn ngoan mà Đức Thánh Linh đã dạy” (Cô-rinh-tô 2:12-13).

Có một điều cũng đúng là những tác giả Thánh Thư không phải lúc nào cũng hiểu tất cả ý nghĩa những điều chính mình đã viết ra. Ê-sai và những nhà tiên tri khác đã không hoàn toàn hiểu hết những gì các ông đã viết, về những việc xảy đến trong tương lai. Các ông đã chép những điều Chúa dạy phải viết. “ Về sự cứu rỗi đó, các đấng tiên tri đã tìm tòi suy xét và đã nói tiên tri về ân điển định sẵn cho anh em: nghĩa là tìm cho biết thời kỳ nào và thời kỳ cách nào mà Thánh Linh Đấng Christ ở trong lòng mình đã chỉ cho, là khi làm chứng trước về sự đau đớn của Đấng Christ và về sự vinh hiển sẽ theo sau” (Phi-e-rơ 1:10-11).

(2) Sự soi dẫn linh động:

Điều này có thể gọi là sự soi dẫn có suy tư, đối lại với sự soi dẫn từng chữ, từng lời. Thử theo thuyết này, những chữ dùng trong Kinh Thánh đã được chính các tác giả tự ý chọn lựa, nhưng chân lý được bày tỏ là từ Đức Chúa Trời. Nhờ thế các tác giả mới có dịp phô diễn những đặc tính riêng của người, và chúng ta mới hiểu tại sao có sự khác biệt về bút pháp giữa các áng văn trong Thánh Thư.

Nhưng dù sự soi dẫn có theo phương pháp nào chẳng nữa thì những tác giả của Kinh Thánh cũng đã được Đức Thánh Linh dẫn dắt, nên đã chép ra những điều Chúa dạy phải viết. Tấn sĩ thần khoa A.H. Strong (Tấn sĩ thần khoa lỗi lạc của Mỹ quốc) trong tác phẩm “ Hệ thống Thần Đạo Học” (Systematic Theology) trang 103, đã pháp biểu như sau: “ Các tác giả Thánh Thư đã nhờ Thánh Linh soi dẫn đặc biệt đến nỗi họ tri thức và cảm động mọi lẽ thật mới mẻ sắp bày tỏ, như những tư tưởng chính mình đã khám phá và đã tự do vận dụng tư tưởng để phát huy những lẽ thật đó, với ngoại lệ duy nhất là trong sự chọn lựa từ ngữ, các ông đã tránh được một cách thần tình, những điều sai lầm, và nếu cần tới thì có ngay những từ ngữ chính xác.” Sự soi dẫn vì thế có tính cách từng chữ, từng lời, nếu nói về kết quả mà không nói đến phương pháp.

3) Những chứng cứ hiển nhiên của sự soi dẫn:

Căn cứ vào những bằng chứng hiển nhiên nào, mà chúng ta nói rằng Kinh Thánh là một cuốn sách đã được Thánh Linh soi dẫn?

(1) Kinh Thánh tự chứng minh:

Các tác giả Thánh Thư xác nhận rằng các ông đã nói thay Đức Chúa Trời hay nói cách khác, là Chúa đã phán qua lời các ông. “Hỡi các tầng trời, hãy nghe; hỡi đất hãy lắng tai; vì Đức Giê-hô-va có phán: ‘ (Ê-sai 1:2). “ Giờ đây, có lời Chúa phán cùng tôi...” (Giê-rê-mi 1:4). “ Hỡi anh em, tôi nói cho anh em rằng, Tin Lành mà tôi đã truyền, chẳng phải đến từ loài người đâu; và tôi không nhận mà cũng không học Tin Lành đó với một người nào, nhưng đã nhận lấy bởi sự tỏ ra của Đức Chúa Jêsus Christ” (Ga-la-ti 1:11-12). Phao lô đã nói: “ Mỗi sách trong Kinh Thánh được soi dẫn bởi Đức Chúa Trời, đều có lợi ích” (II Ti-mô-thê 3:16). Bản Kinh Thánh có thẩm quyền viết: “ Cả Kinh Thánh đều bởi Đức Chúa Trời soi dẫn.” Và Tấn sĩ thần khoa A.T. Robertson (giáo sư một Đại học đường Báp-tít tại Mỹ quốc) cho rằng đó là ý nghĩa tự nhiên hơn hết. Còn có nhiều đoạn khác nữa, cũng chứng minh Kinh Thánh đã được soi dẫn.

(2) Tính cách đồng nhất của Kinh Thánh

Kinh Thánh không phải được soạn thảo bởi một mà nhiều người, đại diện cho những tầng lớp xã hội khác nhau: Người chăn cừu, chủ trại, người đánh cá, vua chúa và nông dân. Toàn bộ Kinh Thánh không phải được viết ra cùng một thời kỳ. Có một khoảng cách độ 1.600 năm giữa sự soạn thảo quyển thứ nhất và quyển cuối cùng của Thánh Thư. Và cũng không phải các sách đều được viết ra ở một chỗ. Nhiều đoạn đã được viết ra ở những miền hoang vu xứ Pa-lết-tin và những đoạn khác ở nhiều nơi từ La-mã đến Ba-by-lôn. Những bản thảo chánh mới đầu không phải được viết ra với mục đích làm thành một quyển sách. Mỗi tác giả đã làm việc một cách độc lập, nhưng khi được tập trung dưới sự soi dẫn của Thánh Linh, các bản viết hợp thành một tác phẩm có tính cách thuần nhất phi thường. Chỉ có một lời giải thích cho điều ấy là: bàn tay soi dẫn của Đức Chúa Trời đã ở đó.

(3) Nội dung Kinh Thánh

Kinh Thánh chứa đựng nhiều lẽ thật, nhiều điều dự ngôn và một sứ điệp cho nhân loại mà những bộ óc con người hần không thể đặt ra được.

Trước hết có những sự tiết lộ trong Kinh Thánh loài người không thể nào biết, nếu những sự thật ấy không được Thánh Linh khải thị. Thiên nhiên có cho biết vài điều về Đức Chúa Trời, nhưng tất cả sự thật về tính chất bản nhiên cùng những mục đích của Chúa chỉ có thể được biết qua sự soi dẫn mà Chúa đã ban bố trong lời nói của Ngài. Và còn có những lẽ thật ta không thể hiểu được, nếu những lẽ thật đó không được nhận thức cách thiêng liêng: “Vả, người có tính xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là rồ dại và không thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng” (I Cô-rinh-tô 2:14).

Kể đó sự ứng nghiệm của những điều dự ngôn làm chứng về sự Kinh Thánh đã được soi dẫn. Kinh Thánh Cựu Ước chứa đựng những lời tiên tri hàng thế kỷ sau mới được ứng nghiệm. Chỗ và cách Chúa Jê-sus ra đời đã được dự ngôn 700 năm về trước. Chương thứ 53 của sách Ê-sai có một đoạn tả thực kỳ diệu về những nỗi thống khổ và sự chết của Chúa. Nói về những việc có ghi chép trong các sách Tin Lành, chúng ta gặp nhiều lần câu này: “Như thế để cho ứng nghiệm lời Đấng tiên tri nói về Chúa.” Trong nhà hội ở thành Na-xa-rét, Chúa Jê-sus đọc đoạn thứ sáu mươi một của sách tiên tri Ê-sai; đoạn Ngài xếp và phán: “Hôm nay, lời Kinh Thánh mà các ngươi vừa mới nghe đó, đã được ứng nghiệm” (Lu-ca 4:21). Làm thế nào người ta có thể nhìn về tương lai mà nói cách quả quyết và chính xác về sự việc sẽ xảy ra? Chỉ có mỗi một câu trả lời: Những người đó đã được Thánh Linh soi dẫn.

Sau hết, lời kêu gọi của Kinh Thánh chứng minh sự soi dẫn. Người ta đã nói về Đức Chúa Jê-sus: “Chẳng hề có người nào đã nói như người này!” (Giăng 7:46). Đó là sự thật, bởi vì chẳng có người nào như thế. Cùng một lối, người ta đã nói về Kinh Thánh: “Chẳng hề có cuốn sách nào như cuốn sách này”, bởi vì chẳng hề có cuốn nào nói như cuốn sách này. Kinh Thánh đã nói cho chúng ta biết về Đức Chúa Trời như thế nào; Kinh Thánh đã khải thị về tính chất ghê gớm và kết quả tội lỗi; Kinh Thánh đã chỉ vạch con đường đi đến sự cứu rỗi. Những điều phán dạy trong Kinh Thánh là nguồn gốc những lý tưởng tinh thần và mục thước đạo lý tối cao trong nhân loại. Không có Kinh Thánh, con người sẽ phải lặn dò trong sự tối tăm thuộc linh.

(4) Chúa Jê-sus xác nhận

Những điều Chúa Jê-sus phán, xác nhận sự Kinh Thánh đã được soi dẫn. Chúa đã thường viện dẫn Kinh Thánh Cựu Ước, được coi như có quyền uy

thiên thượng. “ Đức Chúa Jêsus phán cùng họ rằng: các ngươi há chưa hề đọc lời trong Kinh Thánh: hòn đá đã bị người xây nhà bỏ ra, trở nên đá góc nhà; ấy là việc Chúa làm, và là một sự lạ trước mắt chúng ta hay sao?” (Ma-thi-ơ 21:42); “ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: các ngươi lầm vì không hiểu Kinh Thánh, và cũng không hiểu quyền phép Đức Chúa Trời thế nào” (Ma-thi-ơ 22:29). “ Đoạn Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi Đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó, những lời chỉ về Ngài, trong cả Kinh Thánh” (Lu-ca 24:27).

Người ta đã thất vọng về sự soi dẫn trong Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng trong đầu óc Chúa Jêsus, hình như chẳng có gì đáng đặt thành vấn đề. Ngài đã lấy ra, trong Kinh Thánh Cựu Ước, hai điểm mà người ta đã nghi ngờ, và căn cứ vào đấy, Ngài đã giải thích những lẽ thật bất diệt. Nói về trận nước lụt, Ngài đã phán: “ Vì trong những ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường cho đến ngày Nô-ê vào tàu, --và người ta không ngờ chi hết, cho đến khi nước lụt tới mà đưa đem đi hết thảy, -- khi Con Người đến cũng vậy” (Ma-thi-ơ 24:38-39).

Có người đã xuyên tạc chuyện Giô-na và con cá nhưng Đức Chúa Jêsus đã phán: “ Vì Giô-na đã bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, cũng một thể ấy, Con Người sẽ ở trong lòng đất ba ngày, ba đêm” (Ma-thi-ơ 12:40). Trong buổi thuyết giảng cuối cùng cho các môn đồ, trước khi chết, Chúa Jêsus đã phán: “Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, ta đã nói cho các ngươi rồi.” (Giăng 14:2). Ngài sẽ không để cho các môn đồ nuôi hy vọng, nêu những hy vọng đó không được thực hiện. Những lời phán dạy của Ngài có thể đem ứng dụng một cách rộng rãi. Nếu Kinh Thánh mà họ tin tưởng, không là lẽ thật, thì Ngài đã nói cho họ biết rồi.

Lời Đức Chúa Jêsus hứa với các môn đồ chứng minh rằng Kinh Thánh Tân Ước đã được soi dẫn: “ Nhưng Đấng Yên ủi tức là Đức Thánh Linh mà Cha ta sẽ nhơn danh ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự, nhắc lại cho các ngươi nhớ mọi điều ta đã phán cùng các ngươi” (Giăng 14:26). Sự giải thích tại sao các trước giả Thánh Thư có thể dẫn viện những điều thuyết giảng dài của Đức Chúa Jêsus, nhiều năm sau khi các ông đã được nghe.

Và Đức Chúa Jêsus lại phán: “ Ta còn nhiều chuyện nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ, những điều đó cao quá sức các ngươi. Lúc nào Thần lẽ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe, và tỏ bày cho các ngươi những sự sẽ đến” (Giăng 16:12-13).

(5) Ảnh hưởng Kinh Thánh:

Bất cứ nơi nào có Kinh Thánh thì Kinh Thánh đã đem lại sự thay đổi trong đời sống các cá nhân và quốc gia. Nhờ ảnh hưởng của Kinh Thánh, những con người tội lỗi đã được cải hóa thành thánh nhân, và các quốc gia, từ trạng thái dã man, đã trở thành những con cái của Chúa. Kinh Thánh đã đem lại niềm an ủi cho những quả tim đau khổ, và lòng can đảm cho những linh hồn tuyệt vọng.

Những gì hay đẹp nhất trong văn chương, âm nhạc và nghệ thuật có thể nói là nhờ ảnh hưởng của Kinh Thánh. George Washington (Tổng thống Mỹ đầu tiên) đã nói: “Không có Đức Chúa Trời và Kinh Thánh thì không thể nào điều khiển thế giới cách đúng đắn được.”

John R. Green (tác giả sách *Short History of The English People*, lịch sử dân tộc Anh) nói: “Không có cuộc thay đổi quốc gia nào vĩ đại hơn cuộc thay đổi ở Anh-quốc khoảng giữa triều đại nữ hoàng Elizabeth, và lúc nghị viện nhóm họp. Anh-quốc đã trở thành nước của một quyền sách và quyền sách ấy là Kinh Thánh.” *Short History of The English People*(Lịch sử dân tộc Anh): trang 460.

II. Một cuốn sách thuộc về tôn giáo

Kinh thánh không đề cập đến mọi địa hạt của sự thật. Kinh Thánh không có mục đích giảng dạy khoa học hay những ngành học khác. Trước hết, đó là một cuốn sách về tôn giáo, chỉ đường cho con người đến với Đức Chúa Trời, và dạy cho con người lối sống ở đời. Vì là một cuốn sách tôn giáo nên có nhiều chân lý trong Kinh Thánh cần được nhấn mạnh.

1) Có quyền uy

Kinh Thánh có đủ quyền uy trong lãnh vực đạo giáo. Có người đã đặt ngôi vị của quyền uy nơi giáo hội. Họ cho rằng nhà thờ là chỗ pháp xuất những gì người ta phải tin nhận, cùng những cách thức phải sống. Thở theo quan niệm này thì ngôi vị của quyền uy chính ở hành phẩm trật cao cấp trong giáo hội.

Có người cho là Kinh Thánh cũng có một phần quyền uy. Họ nói rằng trong Kinh Thánh cũng có mầm mống chân lý, nhưng cần phải có sự bổ sung của

các sắc luật loài người. Đối với những kẻ bên vực quan điểm này thì Kinh Thánh có quyền uy trong những điều chủ yếu, mà không có quyền uy trong những điều không chủ yếu. Nhưng ai sẽ phân định giới hạn giữa những điều chủ yếu và không chủ yếu? Chính Kinh Thánh cũng không hạn giới như vậy. Kinh Thánh có quyền uy đối với tất cả những điều Kinh Thánh đã đề cập đến.

Lại có người đã bác bỏ quyền uy của Kinh Thánh và chỉ lấy ý thức cá nhân cùng lương tri con người thay cho quyền uy tôn giáo. Những người này quan niệm rằng chỉ những điều nào lý trí công nhận và lương tâm tán thành, những điều ấy mới là sự thật. Quan niệm như thế tức là cho rằng chẳng có quyền uy nào ngự trị con người, ngoài con người ra. Mỗi người có quyền uy riêng của người đó.

Phao lô lúc thuật lại lối sống của mình trước khi tin Chúa, đã nói: “Thật, chính mình tôi đã tin rằng nên dùng đủ mọi cách thế mà chống lại danh Giê-sus ở Na-xa-rét. Thật tôi đã làm sự này tại thành Giê-ru-sa-lem: sau khi đã chịu quyền của các thầy tế lễ cả, thì tôi bỏ tù nhiều người thánh; và lúc họ giết các người đó, tôi cũng đồng một ý” (Công-vụ 26: 9-10). Ông đã vừa theo quyền uy của các nhà chỉ đạo tôn giáo vừa theo quyền uy của lương tâm mình. Ông đã làm những gì các nhân vật chính thức bảo làm, và những gì mình cảm thấy phải làm.

Nếu Kinh Thánh được Thánh Linh soi dẫn thì sứ điệp của nó quả thật có quyền uy. Khi Kinh Thánh nói ra điều gì, điều ấy phải được vâng theo. Hơn một lần, khi đánh đổ những sai lầm của các nhà chỉ đạo tôn giáo, Phao lô đã viện dẫn Kinh Thánh. Khi nói chuyện ở nhà hội thánh Ê-sa-lô-ni-ca, ông đã “lấy Kinh Thánh biện luận với họ.” Chúng ta đọc thấy trong thư gởi cho người Rô-ma, khi bàn về những lẽ đạo vĩ đại của sự cứu rỗi, ông nói như vậy: “Vì Kinh Thánh có dạy chi?” (Rô-ma 4:3). “Vả Kinh Thánh nói rằng:” (Rô-ma 10:11). Vậy, chúng ta cũng phải trở lại với quyền uy của Kinh Thánh. Khi có sự chọn lựa giữa những lời con người và lời Chúa phán, “Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta” (Công-vụ 5:29).

2) Đầy đủ

Kinh Thánh là một cuốn sách chỉ nam đầy đủ về mọi lẽ đạo. Kinh Thánh không khai thị tất cả những chân lý đạo giáo, nhưng khai thị những gì con người cần hiểu biết, để hướng dẫn đời sống mình. Đó là những qui tắc giáo

lý và thực hành có tính cách đầy đủ. Kinh Thánh cho biết những gì cần thiết, để con người tin nhận và những gì con người cần phải làm. Kinh Thánh chỉ vạch con đường cứu rỗi một cách hiển nhiên, để cho “những kẻ lãng du, phải, những kẻ khờ dại, cũng không lầm lạc.” Kinh Thánh khai thị chương trình của Đức Chúa Trời đối với Hội Thánh Ngài và tất cả những hoạt động của nó. Kinh Thánh bày vẽ lối sống nam nữ phải noi theo. Kinh Thánh vén qua một bên, bức màn che phủ, để con người chợt thấy thế giới ngày mai.

Kinh Thánh không còn là cuốn sách của những luật lệ mà là của những nguyên tắc. Đối với mỗi lối sống ở đời, Kinh Thánh không phát biểu là “ngươi phải” hoặc “ngươi chớ”. Hơn thế, Kinh Thánh đã đặt những nguyên tắc căn bản lớn lao cho con người noi theo, để tự quyết định và xây dựng đời sống cá nhân mình.

3) Cuối cùng:

Sẽ chẳng còn có một cuốn Kinh Thánh nào nữa, vì người ta sẽ không cần đến một cuốn sách nào khác. Kinh Thánh chứa đựng tất cả những gì cần thiết cho con người, cho đến ngày tận cùng. Như thế, không có nghĩa là sẽ không có những giải thích mới mẻ về Kinh Thánh, hay những chân lý mới được rút ra từ Kinh Thánh. Kho tàng của Kinh Thánh vô tận. Không có một thời đại nào đã khám phá ra hết chân lý của Kinh Thánh. Nhưng sứ điệp của Kinh Thánh là sứ điệp cuối cùng.

Thế giới sẽ không bao giờ tiến xa hơn Kinh Thánh. Trong một bài thuyết giảng cuối cùng, Đức Chúa Jêsus đã phán: “Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi” (Ma-thi-ơ 24:35). Phi-e-rơ đã tuyên bố: “Lời Chúa còn lại đời đời” (I Phi-e-rơ 1:25). Chúa Jêsus đã phán lời Ngài sẽ tồn tại để làm chứng trong ngày xét đoán cuối cùng: “Người nào bỏ ta ra và không nhận lãnh lời ta, đã có kẻ xét đoán rồi, lời ta đã rao giảng, chính lời đó sẽ xét đoán họ nơi ngày sau cùng” (Giăng 12:48).

III. Một cuốn sách sống động và linh nghiệm

Đó là lời chính Kinh Thánh đã nói ra: “Vì lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm” (Hê-bơ-rơ 4:12). Kinh Thánh sống động và linh nghiệm vì đó là lời của một Đức Chúa Trời hằng sống và tác động. Phi-e-rơ tả rằng: “Bởi lời Đức Chúa Trời, là lời hằng sống và bền vững” (I Phi-e-rơ 1:23).

Những người đã từng theo dõi ở ra-di-ô, lễ tôn vương của tân nữ hoàng Anh-quốc Elizabeth, đều được nghe vị Tổng Giáo chủ nói, khi dâng lên cho người cuốn Kinh Thánh: “ Chúng tôi kính dâng nữ hoàng cuốn sách này, là vật quý báu nhất trên đời.” Tiếp theo đó, vị chủ tịch nghị hội thuộc giáo đoàn Tô-cách-lan, đã nói: “Đây là sự khôn ngoan; là luật pháp của hoàng gia, đây là bản khai thị hằng sống của Đức Chúa Trời.”

Người ta đã cố tình tiêu diệt Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh vẫn sống được.

Không có cuốn sách nào lắm kẻ nghịch thù như Kinh Thánh, những người này đã tìm mọi cách để thủ tiêu Kinh Thánh. Kinh Thánh đã bị những kẻ vô thần chế giễu và những người vô tín cự tuyệt. Voltaire, văn sĩ vô tín người Pháp, đã tiên đoán rằng; Kinh Thánh sẽ là một cuốn sách bị lãng quên, sau một trăm năm. Ingersoll (một văn sĩ vô tín người Mỹ) còn đi xa hơn thế nữa. Ông đã tuyên bố rằng, trong mười năm, chẳng còn ai đọc Kinh Thánh, và trong hai mươi năm, không còn ai nhớ đến Kinh Thánh. Nhưng thể xác của những người này đã bị chôn vùi từ lâu trong cát bụi, và tên tuổi hầu bị xóa mờ, mà Kinh Thánh vẫn sống và vẫn tiếp tục được xuất bản và bán nhiều nhất thế giới.

Qua những hình ảnh diễn tả, quả Kinh Thánh là một cuốn sách sống động.

1) Hột giống

Đó là hình ảnh Đức Chúa Jêsu đã dùng: “ Hột giống là đạo Đức Chúa Trời” (Lu-ca 8:11). Hột giống là một cái gì chứa đựng sự sống. Vài năm trước đây, một câu chuyện được đồn lan ra hải ngoại rằng có mấy hột giống bị bỏ nằm hàng thế kỷ dưới một ngôi mộ xứ Ai-cập, mà hãy còn mầm sống và khi đem gieo, đã mọc lên, rồi trở sanh ra trái. Tôi không biết việc này có thật hay không, nhưng tôi biết rằng hột giống đạo của Chúa, dù trải qua bao nhiêu thế kỷ, vẫn sống động và khi đem trồng vào lòng người, sẽ đem bông kết quả.

Tôi có đọc chuyện một giáo sư thực vật học, tay cầm một hột giống nhỏ màu nâu và nói với cả lớp rằng: “ Tôi biết rõ hợp chất của hột giống này. Nó gồm có hyt-rô, các-bôn và ni-tơ. Tôi biết đúng tỷ lệ và có thể tạo một hột giống trông y như hột giống này. Nếu tôi đem gieo hột giống của tôi thì sẽ không có kết quả gì; những phần tử của nó sẽ bị tan rã vào đất. Nhưng

nếu tôi đem gieo hạt giống mà Đức Chúa Trời làm ra, nó sẽ mọc lên thành cây vì nó chứa đựng nguyên tắc nhiệm mầu mà chúng ta gọi là nguyên tắc sinh tồn.”

Cùng một lối, con người có thể làm ra một cuốn sách trông giống như Kinh Thánh. Nó có thể được in cùng một thứ giấy và đóng bằng một thứ vật liệu. Nhưng giữa hai cuốn có một sự khác biệt quá lớn. Thánh Thư của Đức Chúa Trời có chứa đựng sự sống bên trong và nếu đem gieo vào đất tốt, sẽ mang lại kết quả.

Một hạt giống chẳng những có chứa đựng sự sống, nó còn có sinh lực; nó tác động, vì khi nó mọc lên khỏi mặt đất, nó đẩy ra ngoài tất cả những vật chướng ngại. Chúng ta thường thấy một tảng đá to, một người không nâng lên được vì quá nặng, bị đẩy qua một bên, và có khi lại nứt ra làm hai, bởi một cây mọc thẳng lên từ một hạt giống bé nhỏ, nằm ở kẽ nứt của hòn đá.

2) Ánh sáng

Tác giả Thi thiên đã nói: “ Lời Chúa là ngọn đèn cho chơn tôi, ánh sáng cho đường lối tôi” (Thi-thiên 119:105). Lời của Đức Chúa Trời vừa là ngọn đèn, vừa là ánh sáng. Con người là khách hành hương đi dọc theo một con đường không quen thuộc. Họ cần có một ánh sáng chỉ dẫn lối đi, và một ngọn đèn hay đèn lồng, để soi sáng mặt đất mà họ dẫm bước, để rọi cho thấy những hòn đá có thể làm sẩy chân và những cạm bẫy hiểm hóc. Trong lời của Đức Chúa Trời, họ tìm thấy ánh sáng và ngọn đèn đó. Những người đó chẳng bao giờ bị lạc nẻo hoặc sẩy chân rơi ngã. Robert E. Lee (nhà lãnh tụ chính trị và tướng chỉ huy các quân lực miền nam Hoa-kỳ trong thời nội chiến) có lần đã nói: “ Kinh Thánh là quyển sách, nếu đem so sánh với tất cả những sách khác thì những sách này không có gì quan trọng dưới mắt tôi, và trong lúc tôi hoang mang, bối rối, Kinh Thánh luôn luôn cho tôi ánh sáng và sức mạnh.”

3) Lửa

“ Lời ta há chẳng như lửa sao? Đức Giê-hô-va phán” (Giê-rê-mi 23:29). Lửa là nguyên động lực của sự tẩy sạch và hủy diệt. Khoáng chất được bỏ vào lửa để cho những chất cặn dơ bị cháy tiêu và chất kim khí được lọc sạch. Lời của Đức Chúa Trời là một nguyên động lực vừa tiêu trừ vừa thanh lọc. Đối với những ai chối bỏ lời Chúa, thì lời Ngài sẽ trở thành “ mùi của sự chết làm cho chết”, nhưng đối với những ai vâng phục lời Chúa, thì lời

Ngài sẽ trở thành “mùi của sự sống làm cho sống.”

Nhà tiên tri có lẽ đã nhấn mạnh về quyền phép tẩy lọc của lời Chúa. Tác giả Thi thiên đã thừa nhận quyền phép tẩy sạch của lời Chúa khi nói: “Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch? Phải cẩn thận theo lời Chúa.” (Thi thiên 119:9).

4) Búa

Nhà tiên tri cũng nhận thấy rằng lời Chúa chẳng những như lửa mà còn như búa đập nữa: “Và như búa đập vỡ đá ra từng mảnh” (Giê-rê-mi 23:29).

Tiếng Anh gọi ngày thứ năm trong tuần là “Thursday” nghĩa là ngày của Thor. Thor là một trong những thần vương của dân tộc Bắc Âu. Thần vương này có ba vật lạ là một cái dây nịt làm tăng sức mạnh gấp đôi, một cặp găng tay và một cái búa nặng đến nỗi không người phàm nào có thể đỡ nổi. Với cái búa phi thường đó, thần vương đã hạ những người khổng lồ và chiến thắng.

Đó là chuyện thần thoại, nhưng nói rằng lời Đức Chúa Trời là cái búa phi thường đã đập vỡ ra từng mảnh không phải là kể chuyện thần thoại. Lòng những kẻ vô tín được diễn tả trong lời Chúa như lòng bằng đá. Lời Chúa là cái búa để đập vỡ những tấm lòng như thế. Dưới sức mạnh của lời Chúa, những lòng bằng đá sẽ bị tan vỡ.

Có một người đến nghe ông D.L. Moody (nhà truyền giáo trứ danh người Mỹ) thuyết giảng với ý định tìm cách chỉ trích. Nhưng khi ra đi, người ấy đã trở thành một con người khác. Lúc kể lại chuyện này, người ấy đã nói: “Ông Moody chỉ đứng đấy và đập liên tiếp vào người tôi bằng những câu Kinh Thánh, hết câu này tới câu khác, cho đến khi Kinh thánh đi vào da thịt tôi.”

5) Gươm

“Và cầm gươm của Đức Thánh Linh, là lời Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 6:17). Đó có nghĩa là cây gươm mà Đức Thánh Linh sử dụng hay ban phó. Cả hai ý nghĩa đều đúng với sự thật. Lời Đức Chúa Trời là cây gươm mà Đức Thánh Linh dùng để thuyết phục, tái sinh và làm cho nên Thánh. Với lời Kinh Thánh, Đức Thánh Linh sẽ an ủi những tấm lòng đau khổ và đem lại sự can đảm cho những linh hồn tuyệt vọng.

Nhưng lời Đức Chúa Trời cũng là cây gươm mà Thánh Linh ban phó cho người chiến sĩ Cơ đốc. Đó là một thứ khí giới để phòng vệ và tấn công. Với lời Đức Chúa Trời, con người sẽ chiến thắng sự cám dỗ.

Chúa đã làm gương cho chúng ta. Khi ma quỷ đến tấn công Ngài với những cám dỗ mạnh mẽ nhất, Chúa Jêsus đã chẳng cãi lẽ mà chỉ phán: “Điều này đã được ghi chép”, đoạn Ngài viện dẫn lời Đức Chúa Trời. Sau ba lần cố gắng, ma quỷ đã rút lui vì thất bại. Tác giả Thi thiên đã tìm thấy phương pháp hay nhất để chống lại sự cám dỗ: “Tôi đã giấu lời Chúa trong lòng tôi để tôi không phạm tội cùng Chúa” (Thi-thiên 119:11).

Lời Đức Chúa Trời còn là khí giới tấn công của tín đồ Cơ-đốc-giáo. Với chiếc gươm này, người tín đồ Cơ đốc sẽ thắng tiến và chiến thắng. Năm 1870, một giáo sĩ người gốc ở đảo Hạ-uy-di, đã đứng trước một đám dân chúng đông nghịt, trong số đó có những nhân vật thuộc hoàng tộc và nhiều bậc tước vị khác. Ông đã đưa cao quyển Kinh Thánh đang cầm trong tay và nói: “Không phải với đạn và thuốc súng, không phải với gươm và đại bác, nhưng với lời hằng sống của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh của Ngài, chúng ta thắng tiến chinh phục những hòn đảo này, cho Đấng Christ.” Với cây gươm thiêng mạnh mẽ này Hội Thánh sẽ chiến thắng hoàn cầu cho Đấng Christ. Những lời khích lệ mà Phao lô đã nói với một nhà truyền giáo trẻ tuổi ngày xưa, còn truyền lan qua bao thế kỷ, và đi vào lòng các nhà truyền đạo ngày nay: “Hãy giảng lời Chúa.”

Quả thật Kinh Thánh là cuốn sách kỳ diệu.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Đức Chúa Trời Duy Nhất & Thật Sự

"Vì ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác" (Ê-sai 45:22)

Tin tưởng ở sự thực hữu của một Đấng thiêng liêng là điều rất phổ thông. Có ít người chủ trương không tin tưởng ở sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh cho những người này là kẻ ngu dại: "Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: Chẳng có Đức Chúa Trời." (Thi-thiên 53:1).

Tiền sĩ thần học E.Y. Mullins thường nói: "Họ đã nói như vậy trong lòng, nhưng lý trí họ hiểu nhiều hơn." Mọi vật chung quanh và trên đầu ta đều

chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. " Các từng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Bầu trời giải tỏa công việc tay Ngài làm " (Thi-thiên 19:1).

Người ta kể lại về Nã-phá-luân rằng, có một đêm ông ngồi nghe thảo luận, giữa những sĩ quan của ông. Trong đám có vài sĩ quan đã chế giễu tôn giáo. Có người còn đi xa hơn thế nữa. Họ đã chối bỏ sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Nã-phá-luân tức thì đứng lên giữa đám sĩ quan và nói: " Này các sĩ quan, quan niệm các vị có lẽ đúng; nhưng nếu vậy, ai đã làm ra những vì sao kia? "

Trong lúc phần đông nhìn nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời, quan niệm của họ về Ngài rất hác nhau. Có người tạo ra một ông trời theo trí tưởng tượng riêng và thể theo lòng ước mong của họ. Có người cho Ngài là một Đấng siêu phàm có hình hài và tính chất của con người. Kể lại coi Ngài là một sức mạnh vô hình thâm nhuần vũ trụ. Chỉ có một nơi chúng ta có thể tìm một quan niệm đúng đắn về Đức Chúa Trời, nơi ấy là Kinh Thánh, trong đó Ngài đã tự khai thị.

Kinh Thánh không cố chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh mở đầu với lời tuyên bố " Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất. " Ban đầu là cái gì? Dĩ nhiên là những lời này chỉ sự khởi đầu của cái mà chúng ta gọi là " thời gian ", sự khởi nguyên của vũ trụ vật chất.

Vậy Kinh Thánh khai thị về Đức Chúa Trời như thế nào?

I. DANH HIỆU CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khi chúng ta dùng danh từ Đức Chúa Trời, về ý nghĩa thì không có gì đáng nói. Chúng ta nghĩ đến một Đấng Tối Cao thiêng liêng, Đấng Tạo Hóa và Chủ tể muôn loài. Nhưng theo quan niệm của người thời xưa, thì có nhiều thần lắm. Phao-lô nói: "Thật người ta xưng có các thần khác, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới đất, (bởi đó họ thờ nhiều thần nhiều chúa)" (I Cô-rinh-tô 8:5). Mỗi quốc gia đều có thần riêng của mình. Có nhiều nước thờ nhiều

thần, gọi bằng những tên khác nhau.

Đức Chúa Trời tự xưng danh hiệu mình ra, nhờ đó người ta đã được biết tên Ngài, phân biệt với các thần khác: "Ta là Đức Giê-hô-va: ấy là danh ta" (Ê-sai 42:8). Ngài đã phát lộ danh Ngài cho Môi-se, lần đầu tiên, khi giao phó cho Môi-se nhiệm vụ dìu dắt con cái Y-sơ-ra-ên ra khỏi sự nô lệ ở xứ Ê-díp-tô: "Đức Chúa Trời lại phán cùng Môi-se rằng: Ngươi sẽ nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Giê-hô-va Đức Chúa Trời tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, sai ta đến cùng các ngươi. Ấy đó là danh đời đời của ta, ấy sẽ là kỷ niệm của ta trải qua các đời" (Xuất-Ê-díp-tô Ký 3:15). Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 6:2-3, Chúa phán rằng trước đây chưa ai biết danh Ngài như thế: "Đức Chúa Trời lại phán cùng Môi-se rằng: Ta là Đức Giê-hô-va. Ta đã hiện ra cùng Áp-ra-ham, cùng Y-sác, và cùng Gia-cốp, tỏ mình là Đức Chúa Trời toàn năng; song về danh ta là Giê-hô-va, thì ta chưa hề tỏ cho họ biết." Nhưng họ có biết đôi chút về danh này, vì Áp-ra-ham đã gọi nơi hiến dâng Y-sác làm của lễ thiêu, là "Giê-hô-va Di-rê" (Sáng-thế Ký 22:14). Tuy nhiên, ý nghĩa đầy đủ của danh Ngài như thế nào, thì họ không được rõ. Khi được bày tỏ cho Môi-se, thì danh Ngài mới có một ý nghĩa mới. Đó là danh hiệu Đức Chúa Trời của giao ước, đó là danh hiệu cứu chuộc của Ngài.

1) Một danh hiệu riêng

Vào thời dân Y-sơ-ra-ên, người ta thờ rất nhiều thần. Mỗi nước đều có thần riêng của mình. Và những vị thần đó đều có tên riêng. Thần của dân Mô-a-bai là Kê-mốt. Thần của dân A-mô-nai là Mô-léch. Thần của dân Di-đô-niêng là Ban. Nhưng tên của Đức Chúa Trời dân Hê-bơ-rơ là Giê-hô-va: "Ta là Giê-hô-va, ấy là danh ta."

2) Một danh hiệu miêu tả

Trong thời buổi khai nguyên lúc bấy giờ, danh tánh thường có tính cách miêu tả đặc điểm. Gia-cốp là tên đặt cho đứa con thứ nhì của Y-sác và Rê-bê-ca, bởi vì tên đó diễn tả cá tính của người--một kẻ chiếm vị. Tên này đã được đổi ra là Y-sơ-ra-ên khi người trở thành một nhân vật trọng yếu của Đức Chúa Trời. Ấy vậy, tên Giê-hô-va là tên miêu tả bản tính của Đức Chúa Trời. Danh này có bao hàm ý nghĩa sự hiện hữu vĩnh cửu và sự bất biến của bản tính. Khi Môi-se thưa với Đức Chúa Trời rằng lúc người đi đến dân Y-sơ-ra-ên để nói: "Đức Chúa Trời tổ phụ các ngươi, sai ta đến cùng các ngươi" thì người phải nói với họ danh Chúa là chi, Đức Chúa Trời bèn phán: "Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Đấng Tự hữu đã sai ta đến cùng các ngươi" (Xuất-Ê-díp-tô Ký 3:14). Danh này cũng cùng một căn nguyên như Giê-hô-va. Giê-hô-va là Đấng Tự hữu vĩ đại. Với Ngài không có quá khứ, không có hiện tại, không có tương lai: Tất cả hiện hữu đời đời. Ngài là Đức Chúa Trời vĩnh cửu, Đức Chúa Trời bất biến, Đức Chúa Trời của ngày hôm qua, ngày nay và mãi mãi. "Từ trước vô cùng cho đến đời đời, Chúa là Đức Chúa Trời" (Thi-thiên 90:2).

3) Một danh hiệu thánh

Khi Đức Chúa ban mười điều răn cho dân Y-sơ-ra-ên, thì Ngài truyền rằng: "Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi" (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2). Kế đó, trong điều răn thứ ba, Ngài đã phán: "Ngươi chớ lấy danh Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ngươi mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cầm bằng vô tội, kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi" (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7). Đức Chúa Jê-sus phán dạy lời cầu nguyện kiểu mẫu như sau: "Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, danh Cha được thánh" (Ma-thi-ơ 9:6). Vì danh Chúa là một danh thánh, nên dân Do thái không dám đọc lên ở đầu môi. Họ đã thế vào danh từ "Chúa".

4) Một danh hiệu để ghi nhớ

Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se, khi phát lộ danh Ngài rằng: "Đây là danh ta đòi đòi, và danh để đòi đòi ghi nhớ." Điều này là để ghi nhớ ân điển Ngài đối với con dân Y-sơ-ra-ên, khi đưa họ ra khỏi vòng nô lệ, và cho tất cả các thế hệ về sau. Khi danh Ngài được nêu lên, thì đó sẽ là một kỷ niệm để ghi nhớ công trình cứu chuộc của Chúa ở Ê-díp-tô, điển báo hiệu công trình cứu chuộc của Chúa ở thập tự giá.

II.ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời là một Đấng như thế nào?

1) Vài danh từ để diễn tả

Trong Kinh Thánh có bốn lối nói rõ ràng có tính cách diễn tả Đức Chúa Trời.

(1) Thần Linh:

Đó là lời Chúa Jêsus: "Đức Chúa Trời là Thần" (Giăng 4:24). Đức Chúa Trời không phải là một siêu nhân có cơ thể, da thịt; Ngài là một Thần Linh. Ngài ở ngoài vòng mọi giới hạn của cơ thể vật chất.

Những đoạn trong Kinh Thánh đã qui cho Ngài những bộ phận con người như tay, mắt, bàn tay, đã làm cho nhiều người tưởng rằng Chúa có một hình hài gần như thân thể của chúng ta vậy. Có kẻ lại vẽ Ngài như một ông già cao cả, ngồi trên ngai, ở trên các tầng trời. Đối với đầu óc con người trần tục, thật khó mà tưởng tượng ra Đức Chúa Trời, nếu không qui cho Ngài hình dáng của một phàm nhân. Nhưng nếu là một thân thể như thế, tất phải bị hạn giới nhiều bề. Đức Chúa Trời là Thần Linh, do đó Ngài ở ngoài vòng mọi hạn định vật chất.

Là Thần Linh, Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời hằng sống. Kinh Thánh cũng tả như thế: "Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời thật; Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống" (Giê-rê-mi 10:10); "và thể nào đã trở lại cùng Đức Chúa Trời, bỏ hình tượng đặng thờ Đức Chúa Trời hằng sống và chơn thật" (I Tê-sa-lô-ni-ca 1:9). Là Đức Chúa Trời hằng sống, Ngài chẳng những sống, mà còn là nguồn gốc sự sống.

Là Thần Linh, Ngài là một Đức Chúa Trời riêng biệt, sáng suốt, tự quyết và đầy tâm đức. Chúng ta thường liên hiệp cá tính với thể chất. Một cá nhân là một người chúng ta có thể thấy được. Nhưng cá tính không thuộc ở thể chất mà thuộc ở tinh thần. Vì Đức Chúa Trời là một thực thể có cá tính nên chúng ta có thể thông công với Ngài bằng tinh thần được.

(2) Ánh sáng:

Đó là lời diễn tả của Giăng, khi nói về Đức Chúa Trời: "Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu" (I Giăng 1:5). Sự tối tăm tượng trưng cho sự ngu dốt, sai lầm và tội lỗi. Ánh sáng tượng trưng sự khôn ngoan và thánh khiết. Đức Chúa Trời là một Đấng toàn trí và toàn thiện.

(3) Tình thương:

Danh từ diễn tả khác của Giăng, là "tình thương" (I Giăng 4:8). Đức Chúa Trời vĩ đại và thánh khiết còn là Đức Chúa Trời của sự yêu thương. Đặc tánh này của Đức Chúa Trời đã đem lại hy vọng cho những tâm lòng tội lỗi. Chỉ hiểu biết Đức Chúa Trời là một Đấng đầy quyền năng và thánh thượng có thể làm cho người ta kinh sợ. Nhưng hiểu biết rằng Đấng vĩ đại và thánh thượng kia là Đức Chúa Trời của tình thương, nhen lại hy vọng trong lòng người.

Tình yêu thương của Đức Chúa Trời được thể hiện bằng nhiều cách, nhưng sự thể hiện tối thượng là sự ban cho con Ngài: "Đức Chúa Trời đã sai Con một Ngài xuống thế gian, để chúng ta nhờ Con được sống" (I Giăng 4:9). Có lẽ nhiều trường hợp khiến người ta hoài nghi về tình yêu thương của Đức Chúa Trời, nhưng không ai có thể đứng trước thập tự giá của đồi Gô-gô-tha mà nghi ngờ về điểm gì được. "Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng

Christ vì chúng ta chịu chết" (Rô-ma 5:8).

(4) Ngọn lửa thiêu hủy

Tác giả sách Hê-bơ-rơ trích dẫn sách Phục truyền-luật-lệ Ký 4:24, "Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời người như một đám lửa tiêu cháy." Đức Chúa Trời chẳng riêng chỉ là Đức Chúa Trời của tình thương, mà cũng còn là Đức Chúa Trời của sự công nghĩa. Có người tán dương sự yêu thương mà lại không để ý đến sự công nghĩa của Ngài. Tác giả Thi-thiên diễn tả Ngài là Đức Chúa Trời của tình yêu thương vô cùng: "Đức Giê-hô-va có lòng thương xót, hay ban ơn, chậm nóng giận và đầy sự nhơn từ" (Thi-thiên 103:8). Nhưng ở câu sau, ông nói: "Ngài không bắt tội luôn luôn, cũng chẳng giữ lòng giận đến đời đời." Con người không thể đùa bỡn với Đức Chúa Trời, rồi tránh khỏi sự phán xét công nghĩa của Ngài.

2) Đức Chúa Trời vô cùng

Có lẽ danh từ duy nhất diễn tả Đức Chúa Trời đúng hơn hết là "Vô cùng", nghĩa đen là bất tận hay là vô giới hạn.

(1) Đời đời

Đức Chúa Trời vô thủy vô chung. Ngài là Đức Chúa Trời đời đời: "Từ trước vô cùng cho đến đời đời, Chúa là Đức Chúa Trời" (Thi-thiên 90:2). Vì quan niệm một Đấng hiện hữu vô thủy quá tầm hiểu biết của người ta, cho nên có người đã bị lầm lẫn. Câu hỏi thường được nêu ra là: "Đức Chúa Trời từ đâu đến?" Chúng ta nói về một tương lai vĩnh cửu, một tương lai vô tận. Niệm hy vọng của chúng ta là có thể sống mãi đời đời. Tin tưởng rằng có một quá khứ vô thủy, chẳng khó gì hơn là tin tưởng ở một tương lai vô chung. Hiểu biết rằng Đức Chúa Trời đã sống như thế nào, qua một quá khứ vô tận, cũng không khó gì hơn là hiểu biết rằng làm sao chúng ta sẽ sống mãi mãi, trong một tương lai vĩnh cửu. Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi thời gian--"Vì một ngàn năm trước mắt Chúa khác nào ngày hôm qua đã qua rồi" (Thi-thiên 90:4); "Ở trước mặt Chúa một ngày như ngàn năm, ngàn năm như một ngày" (II Phi-e-rơ 3:8).

(2) Ở khắp mọi nơi

Đức Chúa Trời là Đấng vô sở bất tại. Đó không có nghĩa là Ngài trải mình ra khắp vũ trụ, nhưng là Đức Chúa Trời toàn vẹn hiện hữu khắp mọi nơi. Nhiều đoạn Kinh Thánh hình như đã chỉ định vị trí của Đức Chúa Trời: "Cha chúng tôi ở trên trời" (Ma-thi-ơ 6:9). "Hỡi Đấng ngự trên các tầng trời" (Thi-thiên 123:1); "Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời" (Thi-thiên 103:19). Những đoạn này tuy nhiên, chỉ diễn tả một cách tượng trưng như những đoạn đã nói về bàn tay và cánh tay Ngài. Đức Chúa Trời không thể bị gò bó bởi không gian hay trong không gian.

Có vài câu trong Kinh Thánh đã bày tỏ về sự Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi -- "Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa? Nếu tôi lên trời, Chúa ở tại đó, vì tôi nằm dưới âm phủ, kìa, Chúa cũng ở đó. Nhược bằng tôi lấy cánh hừng đông, bay qua ở tại cuối cùng biển, tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt tôi, tay hữu Chúa sẽ nắm giữ tôi" (Thi-thiên 139:7-10); "Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. Vì tại trong Ngài,

chúng ta được sống, động và hiện hữu" (Công-vụ-các-sứ-đồ 17:27-28).

(3) Toàn tri

Đức Chúa Trời là Đấng toàn tri. Ngài biết hết cả mọi lẽ. Ngài biết tất cả quá khứ, hiện tại và tương lai và Ngài biết mọi điều về mọi việc và mọi loài. Không gì có thể giấu được Ngài. Tác giả Thi-thiên đã nói: "Chúa biết khi tôi ngồi, lúc tôi đứng dậy; từ xa Chúa hiểu biết ý tưởng tôi. Chúa xét nét nẻo đường và sự nằm ngủ tôi, quen biết các đường lối tôi. Vì lời chưa ở trên lưỡi tôi, kìa, hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã biết trọn hết rồi" (Thi-thiên 139:2-4).

(4) Toàn năng

Đức Chúa Trời là một Đấng toàn năng. Tất cả quyền lực đều thuộc về Ngài: "Đức Chúa Trời có phán một lần, tôi có nghe sự nầy hai lần, rằng sự quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời" (Thi-thiên 62:11). Hơn một lần, Kinh Thánh đã bày tỏ rằng đối với Đức Chúa Trời, không có gì là Ngài không thể làm được. Đó là điều chính Ngài đã thừa nhận: "Này, ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của mọi xác thịt; có sự gì khó quá cho ta chăng?" (Giê-rê-mi 32:27). Đức Chúa Trời đã phán: "Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được" (Ma-thi-ơ 19:26).

Dĩ nhiên đó không có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể làm những điều trái với tính chất bản nhiên của Ngài. Phao-lô đã bày tỏ rằng Đức Chúa Trời

không thể nói dối: "Trông cậy sự sống đời đời, --là sự sống mà Đức Chúa Trời không thể nói dối đã hứa từ muôn đời về trước" (Tít 1:2). Đó cũng không có nghĩa là Đức Chúa Trời có thể làm những việc mâu thuẫn nhau. Vì như thế tức là chối bỏ tính chất bản nhiên của Ngài rồi. Tấn sĩ E.Y. Mullins (Tấn sĩ thần khoa, nguyên viện trưởng một Thần học viện Báp-tít ở Mỹ quốc) phát biểu chân lý như vậy: "Nói về sự toàn năng của Đức Chúa Trời, chúng ta phải hiểu đó là quyền năng vô hạn để làm tất cả những việc hợp với tính chất bản nhiên và mục đích của Ngài." *The Christian Religion in its Doctrinal Expression*. (Đạo Cơ Đốc trong sự thể hiện giáo lý) trang 228.

3) Đức Chúa Trời là Cha

Có nhiều đoạn sử trong Kinh Thánh Cựu Ước ghi nhận rằng Đức Chúa Trời là Cha. "Đức Chúa Trời ở nơi thánh Ngài, là Cha kẻ mồ côi, và quan xét của người góa bụa" (Thi-thiên 68:5); "Ta sẽ đưa chúng nó đi học các bờ sông theo đường bằng thẳng, chẳng bị vấp ngã. Vì ta làm Cha cho Y-sơ-ra-ên" (Giê-rê-mi 31:9); "Vậy nếu ta là Cha, nào sự tôn kính thuộc về ta ở đâu?" (Ma-la-chi 1:6). Nhưng Đức Chúa Jêsus đã phô bày sự thật về tư cách làm Cha của Đức Chúa Trời, một cách đầy đủ và đẹp đẽ.

Chúng ta ý thức sự Đức Chúa Trời là Cha như thế nào? Ở đây, sự hiểu lầm hay giải thích sai lầm đã đưa đến nhiều ngộ nhận.

(1) Mỗi tương quan do sự sáng tạo

Nói Đức Chúa Trời là Cha của tất cả, có một ý nghĩa đặc biệt. Phao-lô đã nói: "Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài. Vậy, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngỡ rằng Chúa giống như vàng, bạc, hay là đá, bởi công nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên" (Công-vụ 17:28-29). Đức Chúa Trời là Cha tất cả, với ý nghĩa duy nhất Ngài là Đấng sáng tạo và bảo tồn tất cả. Có người đã rút ra từ chân lý này, giáo lý về sự cứu rỗi toàn thể, trái ngược với lời của Đức Chúa Trời.

(2) Mọi tương quan do sự cứu chuộc

Với ý nghĩa đặc biệt, Đức Chúa Trời là Cha của những ai đã có sự thông công thiêng liêng với Ngài bởi Chúa Jêsus Christ: "Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài" (Giăng 1:12).

Kinh Thán ghi nhận ba cách trở nên con cái của Đức Chúa Trời, hay nói đúng hơn là có ba khía cạnh của sự từng trải.

Trước hết, chúng ta trở thành con cái của Chúa bởi đức tin. "Vì chúng anh em bởi tin Đức Chúa Jêsus Christ, nên hết thấy đều là con trai của Đức Chúa Trời" (Ga-la-ti 3:26). Không một ai thật sự là con của Đức Chúa Trời, nếu chưa đặt đức tin vào Chúa Jêsus Christ.

Thứ đến, chúng ta là con cái Đức Chúa Trời bởi một sự sanh ra thiêng

liêng. "Là kẻ chẳng sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng bởi Đức Chúa Trời vậy" (Giăng 1:13). Người ta chỉ có thể trở nên con cái Đức Chúa Trời nhờ từng trải tái sanh hay tái tạo.

Sau hết, chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời bởi sự nhận chịu. "Thật anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi đặng còn ở trong sự sợ hãi; nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: A-ba! Cha!" (Rô-ma 8:15).

Tư cách làm Cha của Đức Chúa Trời đối với tín đồ Cơ-đốc, là một trong những lễ đạo của Kinh Thánh đã đem lại an ủi nhiều nhất. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời vĩ đại, toàn trí, toàn năng, là Cha của chúng ta. Là con cái Ngài, chúng ta được Ngài yêu thương và gìn giữ một cách vững bền: "Ta sẽ làm Cha các người, các người làm con trai, con gái ta, Chúa toàn năng phán như vậy" (II Cô-rinh-tô 6:18). Là con cái Đức Chúa Trời, chúng ta là kẻ "kế tự Đức Chúa Trời và là kẻ đồng kế tự với Đấng Christ" (Rô-ma 8:17).

III. BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Kinh Thánh bày tỏ Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời gồm có ba ngôi, một tam vị nhất thể. Chữ "tam vị nhất thể" không có trong Kinh Thánh. Danh từ này được Tertullain (nhà thần học thời đế quốc La mã khoảng cuối thế kỷ thứ II) dùng lần đầu tiên hồi thế kỷ thứ hai để xác định chân lý Đức Chúa Trời gồm có ba ngôi. Tam vị nhất thể là một trong những điều bí ẩn nhất. Chúng ta sẽ không bao giờ biết đến điều này, nếu Kinh Thánh không khai thị cho ta được hiểu. Lễ đạo này đã được đề cập đến trong Kinh Thánh Cựu Ước và đã được khai thị rành rẽ trong Kinh Thánh

Tân Ước. Về điểm tam vị nhất thể, ta có thể nhận định hai chân lý.

1) Một Đức Chúa Trời

Chân lý này đã được bày tỏ nhiều lần trong Kinh Thánh: "Hỡi Y-sơ-ra-ên! Hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai" (Phục truyền luật-lệ Ký 6:4). "Đức Giê-hô-va là Vua và Đấng cứu chuộc của Y-sơ-ra-ên, là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán như vậy: Ta là đầu tiên và cuối cùng; ngoài ta không có Đức Chúa Trời nào khác" (Ê-sai 44:6); "Chúng ta biết thần tượng trong thế gian thật là hư không, chỉ có một Đức Chúa Trời, chớ không có thần nào khác" (I Cô-rinh-tô 8:4). Ấy vậy, lẽ đạo "tam vị nhất thể" không có nghĩa là chúng ta có ba vị thần.

2) Bày tỏ trong ba vị cách

Đức Chúa Trời duy nhất có thật và tự biểu lộ trong ba vị cách: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Muốn dùng chữ một cách chính xác hơn, chúng ta nói có ba ngôi trong Đức Chúa Trời. Ba ngôi trong một bản thể nhưng có vị cách khác nhau.

Một ngôi trong Đức Chúa Trời không tác động độc lập đối với hai ngôi kia, nhưng chính Ngài đã giao tiếp với loài người qua ba sự biểu lộ.

(1) Đức Cha

Chúng ta được biết một phần về sự biểu lộ này trong Cựu Ước. Có sự biểu lộ đặc biệt của Đức Thánh Linh và có lẽ, của Đức Con, trong hiện thân của "thiên sứ của Chúa", nhưng đó là Giê-hô-va Đức Chúa Trời, đã trực giao với loài người. Sự biểu lộ này được thể hiện dưới ba khía cạnh:

Trước hết, Đức Chúa Trời vô hình. Con người không thể thấy được Ngài. Thỉnh thoảng Ngài sai thiên sứ xuống nói chuyện cùng loài người, nhưng chẳng bao giờ Ngài cho con người được thấy Ngài. Môi-se cầu xin đặc ân đó, nhưng chỉ được đứng trong khe đá và nhìn sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đi ngang qua mà thôi (Xuất Ê-díp-tô Ký 33:18-23). Trong Giăng 1:18 có chép rằng: "Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời."

Thứ đến, Đức Chúa Trời không đến gần con người. Ngài giao thông cùng loài người từ đằng xa. Ngài giáng lâm xuống đỉnh núi và ở đấy, được che phủ bởi một màn mây khói, Ngài đã phán cùng Môi-se. Về toàn thể dân chúng, Ngài đã phán: "Khá giữ mình đừng leo lên núi, hoặc đứng đến chân núi: hễ kẻ nào đụng đến núi thì sẽ bị xử tử" (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:12). Khi đền thờ được xây dựng, thì Đức Chúa Trời đã hứa rằng Ngài sẽ ngự ở nơi chí thánh, mà không ai có thể vào được, trừ thầy tế lễ thượng phẩm, và đặc ân này chỉ dành riêng cho người, mỗi năm một lần mà thôi.

Điểm thứ ba, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là một đặc tính thiên thượng đã được nhấn mạnh. Tác giả Thi-thiên đã nói: "Nguyện chúng ngợi khen danh rất lớn và đáng sợ của Chúa: Ngài là Thánh! (Thi-thiên 99:3). Và tiếp theo: "Hãy tôn cao Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, và thờ lạy

trước bệ chôn Ngài: Ngài là Thánh!" (Thi-thiên 99:5). Khi Ê-sai thấy Chúa trong đền thờ, người nghe các sê-ra-phim hát rằng: "Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân!" (Ê-sai 6:3).

(2) Đức Con

Chúng ta được biết sự kiện này có chép trong bốn sách Tin Lành. Trong sự khải thị này, chính Đức Chúa Con đã giao thiệp trực tiếp với loài người. Thời kỳ đó cũng được đánh dấu về ba phương diện.

Thứ nhất, sự ra đời của Đấng Christ làm cho loài người có thể thấy một Đức Chúa Trời có hình dáng, Đấng họ có thể nhìn xem. Chúa Jêsus đã phán cùng các môn đồ rằng: "Ai đã thấy ta tức là đã thấy Cha" (Giăng 14:9). Và trong Giăng 1:18, "Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết" Thế là trong Christ, Đức Chúa Trời vô hình trở nên hữu hình.

Thứ hai, Đức Chúa Trời đã đến gần người. Trong hiện thân của con Ngài, Đức Chúa Trời đã bước xuống khỏi các tầng mây, đến giao thông thân mật cùng loài người. "Ngôi Lời đã trở nên xác thịt ở giữa chúng ta, đầy ơn và lễ thật; chúng ta ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con một, đến từ nơi Cha" (Giăng 14:14). Trong Chúa Jêsus Christ, Đức Chúa Trời đã đến sống cùng loài người, và đối diện với họ mà trò chuyện.

Thứ ba, tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã được biểu dương. Câu

quan trọng nhất diễn tả thời kỳ này là Giảng đoạn 3:16: "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài. " Đức Chúa Trời với "danh rất lớn và đáng sợ", theo lời tác giả Thi-thiên, đã trở thành người Cha yêu thương của đám con cái tin cậy Ngài.

(3) Đức Thánh Linh

Sự biểu lộ này đã bắt đầu với những sự việc được ghi chép trong chương II sách Công-vụ-các-sứ đồ, và còn đang tiếp diễn cho đến ngày nay. Khi Chúa Jêsus phán cùng các môn đồ về sự Ngài sắp lià thế gian. Ngài đã bảo rằng: "Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng yên ủi khác, để ở với các người đời đời, tức là Thần lễ thật" (Giăng 14:16-17).

Trong hiện thân Đức Thánh Linh, Đức Chúa Trời đã đến thông công với các con cái Ngài, một cách gần gũi hơn nữa. Ngài chẳng những đã ở cùng họ, mà còn ngự trong họ: "Vì Ngài vẫn ở với các người, và sẽ ở trong các người" (Giăng 14:17).

Với Đức Thánh Linh quyền năng Đức Chúa Trời trở nên phi thường. Chúa sống lại phán cùng các môn đồ, "Khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép" (Công-vụ-các-sứ-đồ 1:8).

IV. CÔNG TRÌNH ĐỨC CHÚA TRỜI

Công trình của Đức Chúa Trời có thể ghi nhận dưới ba điểm chính.

1) Sự sáng tạo

Kinh Thánh mở đầu với lời tuyên bố: "Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất", rồi kể đó, tả sự sáng tạo với những giai đoạn khác nhau. Sự sáng tạo chia ra làm hai loại: Các vật không có sự sống, và vật có sự sống. Sinh vật gồm hai loại: cây cỏ và muông thú, thực vật và động vật. Động vật gồm có hai loại: hạ đẳng và cao đẳng, thú vật và con người.

Về sự sáng tạo, có hai vấn đề được nêu ra.

(1) Phương pháp sáng tạo

Đức Chúa Trời đã tạo ra thế giới và muôn loài như thế nào? Nhiều thuyết đã được đề ra, nhưng chúng ta bị kéo về điều ghi nhận đơn sơ này: Đức Chúa Trời đã sáng tạo ra trời đất muôn vật. Chữ sáng tạo bao gồm ý nghĩa làm cho hiện hữu những cái từ trước không có. Trong Kinh Thánh điều này chỉ về Đức Chúa Trời mà thôi, chứ Kinh Thánh chẳng bao giờ nói tới sự con người đã tạo ra cái gì.

Chữ sáng tạo được đề cập đến ba lần trong lịch sử sáng thế, đó là một điều đầy ý nghĩa. Thứ nhất, nói về điểm vật chất--"Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất" (Sáng-thế Ký 1:1). Không có lời giải thích nào khác về căn nguyên của vật chất. Thứ nhì, nói về sự sống của động vật--"Đức Chúa Trời dựng nên các loài cá lớn, các vật sống hay động nhờ nước sanh nhiều ra, tùy theo loại, và các loài chim hay bay, tùy theo loại" (Sáng-thế Ký 1:21). Chẳng có lời giải thích nào khác về căn nguyên của động vật. Thứ ba, nói về con người--"Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài" (Sáng-thế Ký 1:27). Chẳng có lời giải thích nào khác về căn nguyên loài người. Đức Chúa Trời đã dựng nên vũ trụ vật chất, sự sống của động vật và loài người.

Nhưng Ngài đã sáng tạo muôn vật như thế nào? Kinh Thánh chỉ ghi chép sự việc, không khai thị phương pháp mà chỉ nói: "Đức Chúa Trời đã phán và sự việc xảy ra như thế."

"Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng: thì có sự sáng" (Sáng-thế Ký 1:3). "Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có một khoảng không ở giữa nước để phân rẽ nước cách với nước. Ngài làm nên khoảng không phân rẽ nước ở dưới khoảng không với nước ở trên khoảng không; thì có như vậy" (Sáng-thế Ký 1:6-7). "Đức Chúa Trời lại phán rằng: Những nước ở dưới trời phải tụ lại một nơi, và phải có chỗ khô cạn bày ra; thì có như vậy" (Sáng-thế Ký 1:9). "Đức Chúa Trời lại phán rằng: Đất phải sanh cây cỏ, cỏ kết hạt giống, cây trái kết quả, tùy theo loại mà có hạt giống trong mình trên đất; thì có như vậy" (Sáng-thế Ký 1:11). Đó là lời ghi chép trong suốt cả lịch sử sáng thế: "Đức Chúa Trời đã phán, thì có như vậy."

Tác giả Thi-thiên giải thích về sự sáng tạo như vậy: "Các tầng trời được làm nên bởi Đức Giê-hô-va, cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có" (Thi-thiên 33:6); "Vì Ngài phán thì việc liền có; Ngài biểu, thì vật

bền đứng vững bền" (Thi-thiên 33:9).

Tác giả Hê-bơ-rơ đồng ý với tác giả Thi-thiên về lời giải thích vũ trụ sau này; "Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, cho đến những việc bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến" (Hê-bơ-rơ 11:3).

(2) Thời gian sáng tạo

Đức Chúa Trời đã dùng bao nhiêu thời giờ để dựng nên muôn vật? Kinh Thánh đã ghi chép rằng chỉ trong sáu ngày: "Vì trong sáu ngày, Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời đất, biển và muôn vật ở trong đó" (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11). Nhưng những ngày đó có phải dài bằng những ngày gồm hai mươi bốn giờ của chúng ta ngày nay, hay là những khoảng thời gian vô hạn định?

Danh từ "buổi chiều và buổi sáng" đã được giải thích cho hiểu là những ngày lúc bấy giờ cũng dài bằng những ngày trong tuần. Tuy nhiên, còn có lối giải thích khác có lẽ theo sát với những sự việc đã xảy ra hơn. Chữ "ngày" đã được dùng nhiều lần trong Kinh Thánh để chỉ một khoảng thời gian vô hạn định, như "ngày của Chúa", "ngày cứu chuộc", "ngày thanh nộ" v.v... Trong Sáng-thế Ký 2:4 "ngày" được dùng để chỉ bao gồm tất cả công trình sáng thế: "Trong lúc Giê-hô-va Đức Chúa Trời dựng nên trời đất" Công trình sáng thế đã được thực hiện như thế nào và lúc nào, không quan trọng bằng sự kiện Đức Chúa Trời đã làm công việc đó theo phương pháp và trong thời giờ của Ngài.

2) Sự bảo tồn

Đức Chúa Trời chẳng những dựng nên muôn loài mà thôi, Ngài còn duy trì và kiểm soát mọi vật. Ngài chẳng sáng tạo vũ trụ để rồi lại rút lui ra khỏi đó. Ngài đã lập ra một vài luật lệ, nguyên tắc, để vũ trụ được điều dẫn, nhưng Ngài không bị giới hạn bởi những luật phép đó. Nếu vì một lý do đặc biệt nào, Ngài thấy cần không theo các luật lệ đó, thì Ngài có thể làm được như vậy. Trong chương trình của Đức Chúa Trời có chỗ cho những phép lạ.

Đức Chúa Trời có một mục đích phải thành toàn bởi sự sáng tạo của Ngài. Tay Ngài nắm vững ta lái của vũ trụ. Vài điều Ngài thực hiện trông có vẻ lạ lùng. Những công trình do ý của Ngài ra, không phải lúc nào cũng được hiểu biết. Nhưng chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời hiểu và "chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời" (Rô-ma 8:28).

Vấn đề thường được nêu thành câu hỏi là: "Tại sao Đức Chúa Trời để cho tội lỗi được đi vào sự sáng tạo của Ngài, và tại sao Ngài lại để cho điều xấu tiếp diễn ở thế gian? Đó là một trong những câu hỏi mà lý trí hạn giới của con người không thể trả lời, và Đức Chúa Trời hình như cũng không cần khai thị sự trả lời đó. Nhưng có ba việc chúng ta có thể nhận định chắc chắn được.

Thứ nhất, điều xấu không thể đi quá những luật lệ qui định bởi Đức Chúa Trời. Ma quỷ không thể làm cho Gióp đau khổ, nếu không được Đức Chúa Trời cho phép. Thứ nhì, Đức Chúa Trời định giới hạn cho những điều

gian ác xấu xa. Trong lúc phá khuấy Gióp, ma quỷ chỉ có thể hành động trong giới hạn mà Đức Chúa Trời đã cho phép. Thứ ba, Đức Chúa Trời thường biến những ý định tai hại thành điều phúc lợi. Giô-sép đã nói với mấy người anh: "Các anh toan hại tôi, nhưng Đức Chúa Trời lại toan làm điều ích cho tôi, hầu cho cứu sự sống cho nhiều người, y như đã xảy đến ngày nay, và giữ gìn sự sống của dân sự đông đảo" (Sáng-thể Ký 50:20). Và tác giả Thi-thiên chép: "Con giận loài người hăn sẽ ngợi khen Chúa" (Thi-thiên 76:10).

Khi bàn về thiên lý của Đức Chúa Trời, tưởng cũng nên nói vài lời về thiên sứ. Các thiên sứ đã được dựng tạo trước thể gian và số lượng rất nhiều. Các thiên sứ đã được diễn tả như là thần hầu việc Đức Chúa Trời: "Các thiên sứ há chẳng phải đều là thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi hay sao?" (Hê-bơ-rơ 1:14). Đức Chúa Trời đã dùng các thiên sứ để thực hiện kế hoạch theo thiên ý. "Vì Ngài sẽ ban lệnh cho thiên sứ Ngài, bảo gìn giữ người trong các đường lối người. Thiên sứ sẽ nâng người trên bàn tay mình, e chân người vấp nhằm hòn đá chẳng?" (Thi-thiên 91:11-12).

3) Sự cứu rỗi

Công trình sáng tạo đầu tiên của Đức Chúa Trời quả thật là kỳ diệu, nhưng công trình sáng tạo mới của Ngài lại còn kỳ diệu hơn. "Vậy nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới" (II Cô-rinh-tô 5:17).

Con người mà Đức Chúa Trời đã dựng nên theo hình Ngài, đã phạm tội đối với Ngài, sa xuống từ một địa vị cao cả, đem theo sự hư hoại cho chính bản thân mình và toàn thể nhân loại. Nhưng Đức Chúa Trời bởi sự thương

xót, đã không bỏ rơi con người với số phận của họ. Ngài đã ban cho loài người một con đường cứu rỗi bằng cách cho Con một của Ngài xuống thế gian để cứu loài người khỏi tội lỗi, bởi sự chết chuộc tội của Con ấy trên thập tự giá.

Toàn thể vấn đề cứu rỗi sẽ được đề cập đến trong một chương mục khác, nhưng ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng sự cứu rỗi là công trình của Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã có sáng kiến trong sự cứu rỗi; đã hoạch định chương trình cứu rỗi và chính Ngài đã cứu rỗi bởi ân điển của Ngài. Tác giả Thi-thiên đã nói: "Sự cứu rỗi thuộc về Đức Giê-hô-va" (Thi-thiên 3:8). Và thánh Phao-lô đã tuyên bố: "Vả, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 2:8). Và cũng trong đoạn ấy, câu mười, chúng ta có lời này: "Vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jê-sus Christ."

"Nguyện người ta khen ngợi Đức Giê-hô-va vì sự nhơn từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho loài người!" (Thi-thiên 107:8).

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Tuyệt Điểm Của Sự Sáng Tạo

" Đức Chúa Trời phán rằng: Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta " (Sáng-thế-ký 1:26)

Người là tên Đức Chúa Trời đặt cho tạo vật cao đẹp nhất của Ngài. Tiếng Hê-bơ-rơ là "A-đam." Đó không phải là một tên riêng như Ca-in và A-bên, mặc dầu thỉnh thoảng được dùng như thế, trong Sử-ký 1:1. "A-đam" là một danh từ Hê-bơ-rơ, được dịch ra tiếng Việt là " Con người. "

A-đam không có nghĩa là đàn ông, khác biệt với đàn bà; Nếu muốn nói là đàn ông thì phải dùng một tiếng khác. Riêng tiếng A-đam bao gồm cả nam và nữ. Đó là tiếng dùng với nghĩa là loài người. Sự này hiển nhiên, vì có lời

ghi chép trong Sáng-thế-ký 1:27 " Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ. "

Chân lý này cũng được bày tỏ thêm trong Sáng-thế-ký 5:1-2: " Đây là sách chép dòng dõi của A-đam. Ngày mà Đức Chúa Trời dựng nên loài người thì Ngài làm nên loài người giống như Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ, ban phước cho họ, và trong ngày đã dựng nên, đặt tên là người. " Nghĩa chánh gốc của chữ A-đam là đất đỏ, có lẽ ngụ ý con người đã được dựng nên bằng bụi đất.

Câu chuyện trong sách Sáng-thế-ký này đã khai thị nhiều chân lý về con người.

I. NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

Con người đã xuất hiện từ đâu? Khoa học không trả lời dứt khoát về điều này. Có nhiều lý thuyết đã được đề ra, nhưng đó chỉ là lý thuyết, không lấy gì làm căn cứ. Chỉ có sự khai thị mới có thể trả lời chắc chắn được, và câu trả lời là: Đức Chúa Trời dựng nên con người. Trong Sáng-thế-ký 1:27, sự Đức Chúa Trời dựng nên con người đã được ba lần bày tỏ.

1) Sự kiện sáng tạo

Nội dung Sáng-thế-ký có ghi chép ba điểm về sự sáng tạo con người. Điểm thứ nhất, trong Sáng-thế-ký 1:27 có bàn về sự kiện sáng tạo. Điểm thứ nhì, trong Sáng-thế-ký 2:7 có khai thị vài điều về phương pháp sáng tạo. Điểm thứ ba, trong Sáng-thế-ký 2:21-22 có chép về sự sáng tạo con người đã được nhắc lại trong Sáng-thế-ký 5:1-2.

2) Phương pháp sáng tạo

Trong khi sự kiện sáng tạo con người đã được đề cập đến nhiều lần, thì phương pháp Đức Chúa Trời dùng để sáng tạo không được bày tỏ rõ rệt. Hầu hết những điều chúng ta biết đã được ghi chép trong Sáng-thế-Ký 2:7 : "Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sinh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh."

Trong sự sáng tạo có ẩn tàng giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất chỉ thân thể con người: "Và Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã dựng nên con người từ bụi đất." Thân thể con người đã được sáng tạo từ những chất liệu đã có sẵn rồi. Thân thể con người có thể phân tích được, và tỷ lệ chính xác các nguyên tố cấu thành, đã được chứng minh. Nhưng Đức Chúa Trời đã sáng tạo cơ thể

con người ra sao, thì điều này ta không được khảo thí cho biết.

Giai đoạn thứ nhì của sự sáng tạo nói về linh hồn hay bản chất thuộc linh của con người: "Và hà sanh khí vào lỗ mũi, thì con người trở nên một loài sanh linh." Dĩ nhiên là động vật hạ đẳng không thể có sự sống như vậy được. Đối với con người, Đức Chúa Trời đã truyền sang cho họ một phần nào của Ngài.

Trong lúc nghe đề cập đến hai giai đoạn sáng tạo con người, thì chúng ta không có ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã chất bụi thành đồng, nắn thành hình người, rồi thổi sanh khí vào. Delitzsch (nhà thần đạo người Đức) đã luận giải như sau: "Ta không nên hiểu một cách máy móc sự dựng nên con người bằng bụi đất và sự hà sinh khí vào, như rằng Đức Chúa Trời trước hết đã làm thành hình dáng con người từ bụi đất, và lúc bấy giờ mới hà sinh khí vào cục đất mà Ngài đã nắn thành hình người, làm cho nó trở thành một sanh linh. Nhờ sự toàn năng thiên thượng con người đã chỗi dậy từ bụi đất; và đồng thời khi bụi đất, nhờ sự toàn năng sáng tạo của Ngài, đã tự chuyển biến thành hình người, thì luồng sinh khí thiên thượng đã thấm vào, và đã tạo nên một sanh linh, do đó ta không thể nói rằng xác thí có trước linh hồn."

Những nhà tư tưởng theo thuyết tiến hoá, cho rằng toàn thể sự sáng tạo là kết quả của những thời kỳ phát triển lâu dài và con người đã tiến hoá từ trạng thái sinh vật hạ đẳng. Những nhà tư tưởng theo thuyết tiến hoá duy vật, đã để Đức Chúa Trời hoàn toàn ra ngoài, trong khi có những nhà tư tưởng theo thuyết tiến hoá khác, tin ở tất cả những giai đoạn dưới sự chi phối của Đức Chúa Trời. Nhưng dầu sao, giữa các nhà tư tưởng theo thuyết tiến hoá cũng không có sự đồng ý với nhau, và lý thuyết đã nêu lên nhiều câu hỏi, hơn là câu trả lời, và đã đặt ra nhiều vấn đề, hơn là giải quyết. Tín đồ Cơ đốc nói chung, đã thỏa mãn với sự tin tưởng chắc chắn rằng Đức Chúa Trời đã dựng nên con người, và họ đã dừng lại ở điểm đó.

II. BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Bản chất của giống sinh vật, gọi là con người, mà Đức Chúa Trời đã dựng nên theo hình Ngài, như thế nào?

1) Hai khía cạnh: Xác thịt và linh hồn

Như vừa trình bày trong cuộc thảo luận nói trên, chúng ta biết rằng bản chất con người gồm có hai mặt: vật chất và tinh thần. Con người có thể xác

và linh hồn.

Vài học giả Kinh Thánh diễn tả con người như một tam-thể-xác thịt, tâm hồn và tâm linh. Trong I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23, Phao lô đã viết: "Nguyên xin chính Đức Chúa Trời bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn, và nguyện xin tâm thần, linh hồn, và thân thể của anh em đều được giữ vẹn, không chỗ trách được, khi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta đến!" Tác giả Hê-bơ-rơ nói đến: "Sự chia tâm linh và tâm hồn." (Hê-bơ-rơ 4:12). Thể theo sự nhận định này "tâm hồn" chỉ về con người như một sinh vật có ý thức, trong khi "tâm linh" chỉ về con người có linh tánh nhận biết Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, hai danh từ "tâm hồn" và "tâm linh", trong Kinh Thánh không được phân biệt rành rẽ. Thỉnh thoảng có chỗ lại được dùng lẫn lộn. Tân sĩ A.H. Strong, trong tác phẩm "Hệ thống thần đạo học", trang 246, nhận xét: "Bản chất con người không phải là một cái nhà ba tầng, mà là hai tầng, với cửa sổ ở tầng trên, nhìn ra hai phía--đất và trời."

Những điều ghi chép ở Sáng-thế-ký diễn tả con người với bản chất chia ra làm hai mặt--thân thể và linh hồn. Cả hai được phối hợp lại để làm thành một vị cách. Dầu linh hồn là phần quan trọng hơn hết trong con người, thì xác thịt cũng không thể coi khinh được. Thân thể phải được coi trọng vì giá trị thật sự và phẩm cách của nó. Thân thể của tín đồ Cơ đốc được coi là đền thờ của Đức Thánh Linh. "Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, là Đấng mà anh em đã nhận bởi Đức Chúa Trời, và anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? Vì chưng anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời" (I Cô-rinh-tô 6:19-20). Chúng ta không nên coi thường hoặc lạm dụng thân thể, nhưng phải được gìn giữ cho được sạch sẽ, khỏe mạnh, để hầu việc Đức Chúa Trời.

2) Theo hình của Đức Chúa Trời

Trong tất cả những công trình mà Đức Chúa Trời sáng tạo, chỉ riêng cho con người là mang hình ảnh Ngài, Đức Chúa Trời phán rằng: "Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta, và theo tượng ta" (Sáng-thế-Ký 1:26). Ở đây dường như không có sự phân biệt rõ ràng giữa mình và sự giống nhau. Con người là một sinh vật sáng tạo giống như Đức Chúa Trời. Nhưng con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời như thế nào? Chắc chắn đó không phải là sự giống nhau về cơ thể, vì Đức Chúa Trời là Thần

Linh, Ngài không có hình thể con người. Sự giống nhau là ở chỗ bản chất thiêng liêng của con người.

Tân sĩ E.Y. Mullins, trong tác phẩm "Đạo Cơ đốc trong sự thể hiện giáo lý", trang 258-260, đề xướng tám điểm hệ trọng trong sự sáng tạo con người, theo hình ảnh Đức Chúa Trời: một bản chất hợp lý, một bản chất khả dĩ phân biệt thiện ác, một bản chất tình cảm, sự làm chủ ý chí, một con người tự do, sự thiên về công nghĩa, sự được ngự trên các vật loại hạ đẳng và sự bất diệt.

(1) Vị cách: Con người là một sinh vật thông minh có ý thức và có tinh thần tự quyết. Các động vật hạ đẳng cũng có đời sống sinh động, nhưng không có vị cách. Chúng có một số bản năng hướng dẫn chúng làm một vài điều gì đó, nhưng chúng không có khả năng suy tưởng và bày vẽ kế hoạch. Tác giả Thi-thiên đã nói: "Chớ như con ngựa và con lừa, là vật vô tri" (Thi-thiên 32:9).

Con người là một nguyên động lực tự do, có năng lực chọn lựa đường hướng của mình. Đức Chúa Trời không bắt buộc con người phải ngay thật hay hạn chế con người khi họ chọn lựa con đường quấy. Quyền tự do lựa chọn là một phần của hình ảnh thiên thượng trong con người.

Vì bởi con người là một sinh vật có trí tuệ, có ý thức và tinh thần tự quyết, nên con người có khả năng liên lạc với kẻ đồng loại và với Đức Chúa Trời. Là người, con người có thể có sự giao thông với người đồng loại, cũng như với Đức Chúa Trời.

(2) Bản chất tinh thần: Sự giống Đức Chúa Trời có nghĩa là con người có một bản chất tinh thần như Ngài. Con người có thể phân biệt được điều phải, điều quấy, và có năng lực chọn lựa giữa hai điều. Sự này không đúng với loài động vật hạ đẳng. Chúng không có ý thức về điều thiện và điều ác.

Con người, như Đức Chúa Trời đã tạo ra, rất toàn thiện về bản tính và hoàn toàn không tội lỗi. Sau khi con người được sáng tạo, ta biết có điều ghi chép này: "Đức Chúa Trời thấy các việc Ngài đã làm thật rất tốt lành" (Sáng-thể Ký 1:31). Đó đúng là những gì Chúa muốn phải được như thế, kể cả con người. Một Đức Chúa Trời toàn thiện không thể sáng tạo một sinh vật bất toàn.

(3) Sự bất diệt: Con người, dựng nên theo hình Đức Chúa Trời, là một sinh

vật bất diệt. Khi ta hiểu rằng sự giống Đức Chúa Trời không phải là một sự giống vật chất, nhưng là một sự giống về tinh thần, thì ta cũng hiểu rằng, sự bất diệt không chỉ thân thể con người, mà chỉ phần thuộc linh. Thân thể chết đi, nhưng linh hồn bất diệt. Diễn tả sự chết, tác giả Truyền đạo nói: "Và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó" (Truyền đạo 12:7). Thân thể chết mất, thần linh tiếp tục sinh tồn.

Vì con người là một sinh vật có bản chất hợp lý và tinh thần, nên Đức Chúa Trời đã cho ngự trị cả muôn loài: "Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sanh sản thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất" (Sáng-thể Ký 1:28).

Tiếp theo, trong Thi-thiên 8:4-6: "Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? Con loài người là chi, mà Chúa thăm viếng nó? Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, đội cho người sự vinh hiển và sang trọng. Chúa ban cho người quyền cai trị công việc tay Chúa làm, khiến muôn vật phục dưới chân người."

Vì con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, nên nhân vị của họ có một phẩm cách cần được tôn trọng. Đức Chúa Trời đã thấy cần phải cấp cho con người những ân tứ và tài ba to lớn hơn những cái Ngài đã cho giống loài khác, nhưng thế không có nghĩa là những ai đã được ban cho nhiều đặc ân, có quyền xem thường các bạn đồng loại xấu số hơn mình. Tất cả đều đã được dựng nên theo hình ảnh Chúa, và phải được đối xử xứng đáng. Sự nô lệ, trực tiếp hoặc gián tiếp, không thể dung thứ được. Sự độc tài chuyên chế, coi cá nhân như răng bánh xe trong một bộ máy vĩ đại, cũng không có chỗ đứng trong tình giao hữu giữa con người với nhau. Phi-e-rơ nói rằng: Người đã lãnh hội được bài học lớn ở Sê-sa-rê, đại ý: "Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai" (Công-vụ 10:34).

III. CHỖ Ở CỦA CON NGƯỜI

Chỗ ở Đức Chúa Trời đã dành cho con người, được diễn tả trong Sáng-thể Ký 2:8-17. Đó là một cảnh vườn Ngài lập ra: "Đoạn Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập một cảnh vườn tại Ê-đen, ở hướng đông, và đặt người mà Ngài mới vừa dựng nên ở đó" (Sáng-thể Ký 2:8).

1) Địa điểm

Có vài người nghiên cứu Kinh Thánh cho rằng toàn thể câu chuyện về sự sáng thế chỉ là một chuyện ngụ ngôn. Đối với họ, cảnh vườn là một biểu tượng, dựng nên để bày tỏ một vài chân lý. Nhưng sự việc ghi chép trong Kinh Thánh là để miêu tả sự thật.

Cảnh vườn có vị trí nhất định, "tại Ê-đen, về phía đông." Cảnh vườn và Ê-đen không đồng nghĩa với nhau. Ê-đen có nghĩa sự lạc thú, là vùng đất mà cảnh vườn được chọn làm địa điểm. Còn vùng đất này ở nơi nào, thì chúng ta không được khai thị cho biết. Nhưng cứ theo lời diễn tả, và những con sông được ghi chép, thì địa điểm có lẽ là một vùng nào đó, thuộc trung bộ Á-châu.

2) Sự dự bị

Trong khu vườn mà Đức Chúa Trời đã dựng nên này, có sự đẹp đẽ và sung túc: "Giê-hô-va Đức Chúa Trời khiến đất mọc lên các thứ cây đẹp mắt, và trái thì ăn ngon" (Sáng-thế Ký 2:9). Có hai cây kỳ diệu trong vườn: cây của sự sống, để cứu người khỏi chết, nếu họ không phạm tội lỗi; và cây của sự hiểu biết điều lành dữ, để thử sự trung thành của con người đối với Đức Chúa Trời. --"Nhưng về cây biết điều thiện và điều ác, thì người chớ hề ăn đến: vì một mai người ăn, chắc sẽ chết" (Sáng-thế Ký 2:17).

3) Công việc của con người

Không có sự nhàn rỗi trong chương trình Chúa đã vạch ra cho con người: "Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen, để trồng và giữ vườn" (Sáng-thế Ký 2:15). Con người không phải vào ngồi trong khu vườn để ăn quả và thưởng thức cảnh đẹp. Con người phải trông nom khu vườn. Đức Chúa Trời chẳng bao giờ có ý định để con người sống trong sự nhàn rỗi, ở đây và từ nay về sau. Trong sự diễn tả chỗ ở tốt đẹp trên trời, trong mấy chương cuối cùng của Kinh Thánh, tác giả được soi dẫn, đã chép: "Các tôi tớ Ngài sẽ hầu hạ Ngài" (Khải huyền 22:3).

IV. SỰ SA NGÃ CỦA CON NGƯỜI

Con người đã không gìn giữ trạng thái đầu tiên hoàn toàn không lỗi lầm của mình. Con người đã không nghe lời Đức Chúa Trời và đã rơi xuống từ trạng thái cao cả và hạnh phúc đó. Sự sa ngã của con người đã được nói đến trong chương ba của sách Sáng-thế Ký.

1) Nguyên động lực của sự sa ngã

Kinh Thánh chép rằng con rắn là nguyên động lực của sự sa ngã: "Vả, trong các loài thú đồng ma Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm nên, có con rắn là giống quỷ quyệt hơn hết. Rắn nói cùng người nữ rằng..." (Sáng-thế Ký 3:1). Còn Sa-tan là nguyên động lực của sự cám dỗ, thì đã được bày tỏ về sau, như là "Con rắn xưa, dỗ dành cả thiên hạ" (Khải huyền 12:9).

Còn nói về hình dáng và đặc điểm của con rắn trước lúc xảy ra sự sa ngã của con người, thì đó là một vấn đề trong vòng ước đoán. Có người đã phác họa ra một sinh vật đẹp, đi thẳng người thay vì bò trên bụi đất. Nhưng Kinh Thánh đã chép đó là một sinh vật quỷ quyệt và xảo trá hơn hết tất cả mọi sinh vật. Vì lẽ đó, ma quỷ đã chọn con rắn làm trung gian để cám dỗ.

Còn Sa-tan là ai? Kinh Thánh khai thị Sa-tan là chủ của ác quỷ, mà ác quỷ là có nhiều lắm. Nguồn gốc chúng ra sao, chúng ta không được rõ mấy. Theo vài đoạn Kinh Thánh đã khai thị đôi chút về chúng, thì chúng ta suy luận rằng chúng trước vốn là những sinh vật đã được dựng nên không có tội lỗi. Dưới sự cầm đầu của Sa-tan, chúng đã chống lại Đức Chúa Trời và đã bị đuổi đi khuất mắt Ngài.

Kinh Thánh nói về sự sa đoạn của chúng: "Còn các thiên sứ không giữ thứ bậc và bỏ chỗ riêng mình..." (Giu-đe 6). Phi-e-rơ nói: "Vả, nếu Đức Chúa Trời chẳng tiếc các thiên sứ đã phạm tội, nhưng quăng vào trong vực sâu, tại đó họ bị trói buộc bằng xiềng nơi tối tăm để chờ sự phán xét..." (II Phi-e-rơ 2:4). Đức Chúa Jêsu đã phán cùng các môn đồ: "Ta đã thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp" (Lu-ca 10:18). Lý do sự sa đoạn của ma quỷ và các thiên sứ như thế nào, thì không thấy nói đến. Phao-lô cho rằng có lẽ vì tánh tự phụ kiêu căng: "Người mới tin đạo không được làm giám mục, e người tự kiêu mà sa vào án phạt của ma quỷ chẳng" (I Ti-mô-thê 3:6).

Vì thế, Sa-tan đã trở thành kẻ thù ghê gớm của Đức Chúa Trời và đã chỉ huy quân binh đồng bọn, chống lại Ngài bằng mọi cách. Cho nên, đến khi Đức Chúa Trời sáng tạo loài người, ma quỷ đã tìm cách phá hại. Phương pháp của Sa-tan lúc bấy giờ chính là phương pháp nó đang dùng hôm nay. Nó đã lừa dối phỉnh gạt; nó đã che đậy tông tích thật sự; nó đã gieo sự nghi ngờ về lòng tốt của Đức Chúa Trời; nó đã xuyên tạc lời Đức Chúa Trời.

Ma quỷ đã đến gần người nữ, là người có lẽ dễ tin nghe hơn hết, trong

hai người. Nàng đã để cho bị cám dỗ và ăn quả cấm. Rồi nàng lại còn làm cho A-đam tin theo, để hiệp cùng nàng làm trái lời Đức Chúa Trời. Phao-lô nói người nữ đã bị phỉnh gạt, chứ không phải người nam. A-đam thì biết rõ những điều mình làm: "Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đàn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi" (I Ti-mô-thê 2:14).

Vấn đề tự nhiên được đặt ra là tại sao Đức Chúa Trời lại để cho tội lỗi vào thế gian. Sự tìm hiểu nguyên do và mục đích hành động của Ngài, không đem lại ích lợi gì nhiều. Nhưng có thể nói là, con người, nếu không có cơ hội chọn lựa điều thiện và điều ác, sẽ không còn là một vị cách tự do. Sự làm điều thiện của con người sẽ là một sự bắt buộc.

2) Hậu quả của sự sa ngã

Hậu quả của con người không vâng lời Đức Chúa Trời thật là bi thảm. Những hậu quả đó tai hại về ba phương diện:

(1) Đối với đàn ông và đàn bà:

Bởi sự sa ngã của mình, đàn ông và đàn bà đã làm hỏng mất hình ảnh của Đức Chúa Trời trong họ, và đã mất luôn tình giao hữu với Ngài. Họ đã bị sợ hãi và xấu hổ, và đã cố lẩn trốn trước mặt Đức Chúa Trời. Có lời rửa sả họ rằng: "Ngài phán cùng người nữ rằng: Ta sẽ thêm cưu khổ bội phần trong con thai nghén; ngươi sẽ chịu đau đớn mỗi khi sanh con; sự dục vọng ngươi phải xu hướng về chồng, và chôn sẽ cai trị ngươi" (Sáng-thế Ký 3:16).

"Ngài lại phán cùng A-đam rằng: Vì ngươi theo lời vợ mà ăn trái cây ta đã dặn không nên ăn, vậy, đất sẽ bị rửa sả vì ngươi, trọn đời ngươi phải chịu khó nhọc mới có vật từ đất sanh ra mà ăn. Đất sẽ sanh chông gai và cây tật lê, và ngươi sẽ ăn rau của đồng ruộng, ngươi sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào ngươi trở về đất, là nơi mà có ngươi ra; vì ngươi là bụi, ngươi sẽ trở về bụi" (Sáng-thế Ký 3:17-19).

Người nam và người nữ bị đuổi ra khỏi khu vườn: "Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn đuổi loài người ra khỏi vườn Ê-đen đặt cây cây đất, là nơi có người ra" (Sáng-thế Ký 3:23).

Nhưng hậu quả ghê gớm nhất của tội lỗi con người, được tóm tắt trong chữ "chết": "Vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết" (Sáng-thế Ký 2:17). Sự chết này vừa là cái chết của thân thể, vừa là cái chết của linh hồn.

Từ ngày con người không vâng lời Đức Chúa Trời thì họ trở thành một sinh vật đang đi về sự chết. Thề xác con người không chết ngay lúc phạm tội, nhưng đã phải chịu đựng sự đau ốm bệnh tật cho đến khi chết. Tuy nhiên con người, từ ngày phạm tội với Đức Chúa Trời, thì phần thuộc linh đã chết. Sự chết không có nghĩa là chấm dứt đời sống, mà là sự chia cách hay tan biến.

Sự chết của cơ thể là sự chia cách giữa linh hồn và xác thịt. Có lời diễn tả rằng đó là sự "trút linh hồn" "Áp-ra-ham tắt hơi..." (Sáng-thế Ký 25:8); "A-na-nia nghe bấy nhiều lời, thì ngã xuống, và tắt hơi" (Công-vụ 5:5).

Sự chết thuộc linh là sự chia cách phần hồn với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi người ở đời, trong trạng thái tự nhiên, đều chết về phần hồn. Tin Chúa là đi từ sự chết đến sự sống: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống" (Giăng 5:24). Điều này sẽ được bàn rộng hơn trong chương sau.

(2) Đối với nhân loại

Vì sa ngã, con người chẳng những làm hư hại đời mình mà còn lại di hại cho hậu thế. Là tổ tông của giống người, A-đam đã truyền ảnh hưởng tội lỗi của mình cho con cháu. Họ đã trở nên những kẻ thừa tự bản chất sa ngã của A-đam.

Chân lý này đã được hoàn toàn chứng minh trong Kinh Thánh Tân và Cựu Ước. Đa-vít đã nói: "Kìa, tôi sanh ra trong sự gian ác, mẹ tôi hoài thai tôi trong tội lỗi" (Thi thiên 51:5). Không phải Đa-vít lên án mẹ mình tội lỗi, nhưng muốn nói rằng mình sanh ra với bản chất hư hỏng. Nhưng chính trong Tân Ước, chân lý này mới bày tỏ rõ ràng hơn.

Trong chương năm của sách Rô-ma, chúng ta thấy chép: "Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội" (câu 12); "Vả, nếu bởi tội một người mà sự chết đã cai trị bởi một người ấy" (câu 17); "...bởi chỉ một tội mà sự đoán phạt rải khắp hết thảy mọi người..." (câu 18); "Vì, như bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội" (câu 19).

Trong Ê-phê-sô 2:3, Phao-lô nói: "Chúng ta hết thảy cũng đều ở trong số ấy, trước kia sống theo tư dục xác thịt mình, làm trọn các sự ham mê của xác thịt và ý tưởng chúng ta, tự nhiên làm con của sự thịnh nộ, cũng như mọi người khác."

Bởi tội lỗi, con người đã trở nên hư hỏng trong bản chất. Nhiều năm sau đó, Đức Chúa Jê-sus đã phán: "Cây nào xấu thì sanh trái xấu. Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt" (Ma-thi-ơ 7:17-18). Tổ tông hư hỏng không thể sản xuất một nòi giống vô tội được.

Chân lý này không những chỉ được khai thị trong Kinh Thánh mà thôi, nó còn được chứng minh bằng sự từng trải. Các con cái A-đam sanh ra đều biểu lộ bản chất hư hỏng của chúng. Xu hướng con cháu A-đam không đi về sự cải thiện, mà đi về sự suy đồi của tinh thần, cho đến khi "Đức Giê-hô-ra thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn" (Sáng-thế Ký 6:5).

Các thế hệ sau không thể sản xuất nổi lấy một người tốt. "Đức Chúa Trời từ trên trời ngó xuống con loài người, đặt xem thử có ai thông sáng, tìm kiếm Đức Chúa Trời chẳng? Chúng nó thay thảy đều lui lại, cùng nhau trở nên ô uế, chẳng có ai làm điều lành đâu một người cũng không" (Thi-thiên 53:2-3). Mỗi đứa trẻ sanh ra trên thế gian sớm bắt đầu biểu lộ những dấu hiệu của một bản chất tội lỗi.

"Sự sa đọa hoàn toàn" là từ ngữ dùng để diễn tả trạng huống của giống người. Nhưng đó không có nghĩa là con người càng cố sức làm xấu, và trong lòng không có sót lại một thiện ý nào; cũng không phải là tất cả mọi người đều hư hỏng như nhau. Chính ra là toàn thể con người đã bị ảnh hưởng của tội lỗi, và toàn thể bản chất con người cũng bị hư hỏng lây.

Theo tư tưởng đó tự nhiên có câu hỏi rằng: Thế còn trường hợp những đứa trẻ chết lúc sơ sinh, hay trước lúc đến tuổi biết nhận thức? Chúng có bị hư mất không? Trước đây nhiều năm, có người tin rằng trẻ con sơ sinh chết sẽ bị hư mất, nếu người ta không làm gì chúng, đã đưa dẫn đến lễ báp têm cho hài nhi.

Chúng ta tin rằng, những ai chết trước tuổi biết nhận thức đều được cứu dù có làm lễ báp têm hay không. Trước lúc đến tuổi biết nhận thức họ không bị xử phạt. Nước báp têm không có hiệu lực tẩy sạch một bản chất

tội lỗi. Những kẻ chết trong thời kỳ sơ sinh, được cứu rồi nhờ lòng thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời. Đa-vít đã biết chắc như vậy. Về đứa con nhỏ đã chết, người nói rằng: "Ta sẽ đi đến nó, nhưng nó không trở lại cùng ta" (II Sa-mu-ên 12:23).

Riêng về điểm lúc nào và như thế nào đứa bé được cứu, thì không thấy Kinh Thánh khai thị rõ ràng. Tấn sĩ A.H. Strong, trong tác phẩm "Hệ thống thần đạo học" trang 357, luận giải như sau: "Vì không có gì chứng rằng con trẻ con sơ sinh, được tái sinh trước lúc chết, dù có áp dụng các hình thức lễ nghi hay không, nên rất có thể, sự tái sinh thực hiện bởi Đức Thánh Linh, lúc linh hồn đứa bé nhìn thấy Đấng Christ ở bên kia thế giới. Cũng như tính chất sa đọa tự nhiên còn sót lại của người tín đồ Cơ Đốc, được trừ khử, không phải bởi sự chết mà là trong sự chết, bởi mình thấy Đấng Christ và liên hiệp cùng Ngài, phút đầu tiên đứa bé nhận biết Cứu Chúa Jêsus Christ là lúc Ngài thực hiện sự thánh hoá hoàn toàn cho bản chất nó."

(3) Đối với muôn loài khác

Trong Kinh Thánh có nhiều câu hình như đã chỉ rằng sự rửa sả tội lỗi con người cũng đổ trên với muôn loài khác.

Sự rửa sả đã giáng trên thế giới loài vật. Với con rắn thì Đức Chúa Trời đã phán: "Vì đã làm điều như vậy, mày sẽ bị rửa sả trong vòng các loài súc vật, các loài thú đồng, mày sẽ bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn cả đời." (Sáng-thế Ký 3:14). Toàn thể thế giới loài vật đã bị ảnh hưởng bởi sự sa đọa. Các loài thú ra mặt chống lại nhau, cắn xé và tiêu diệt lẫn nhau. Chắc chắn là lúc nguyên sơ, chúng không phải được dựng nên như vậy.

Sự rửa sả còn giáng xuống các vật chất. Đức Chúa Trời đã phán cùng A-đam: "Vì người nghe lời vợ mà ăn trái cây ta đã dặn không nên ăn, vậy đất sẽ bị rửa sả vì người; Trọn đời người phải chịu khó nhọc mới có vật đất sanh ra mà ăn; đất sẽ sanh chông gai và cây tật lê" (Sáng-thế Ký 3:17-18). Trong thư Rô-ma 8:20-22, Phao-lô nói: "Vì muôn vật đã bắt phục sự hư không, chẳng phải tự ý mình, bèn là bởi có Đấng bắt phục. Muôn vật mong rằng mình cũng sẽ được giải cứu khỏi làm tội sự hư nát, đặt dự phần trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều than thở và chịu sự khó nhọc cho đến ngày nay."

Vì tất cả muôn loài đều ở dưới sự rửa sả do tội lỗi gây ra cho nên muôn loài sẽ được dự phần vinh hiển của sự cứu chuộc. Khi diễn tả sự vinh hiển ở

nước của Đấng Mê-si, Ê-sau đã nói: "Bấy giờ muông sói sẽ ở với chiên con, beo nằm với dê con; bò con, sư tử con với bò nuôi mập cùng chung một chỗ, một đứa con trẻ sẽ dắt chúng nó đi. Bò cái sẽ ăn với gấu, các con nhỏ chúng nó nằm chung, sư tử ăn cỏ khô như bò. Trẻ con đương bú sẽ chơi kẻ ỏ rắng hổ mang, trẻ con thôi bú sẽ thò tay vào hang rắng lục. Nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của ta, vì thế gian sẽ đầy đầy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như dòng nước che lấp biển" (Ê-sai 11:6-9).

Phê bình đoạn vừa rồi, Mục sư Tấn sĩ Alexander Maclaren nói: "Chúng ta không thể quyết đoán về một vấn đề mà chúng ta không thấu triệt, hay chắc chắn về điểm tượng trưng bao quát, được biểu hiện trong hình ảnh phác họa. Biết chắc rằng có một thời kỳ Vua của loài người và Chúa của muôn vật sẽ đem lại hoà bình giữa người và vật, và phục hồi "âm nhạc êm dịu mà muôn loài trời mừng tôn vinh Chúa mình, là đủ rồi." Expositions on the book of Isaiah). (Thuyết trình về sách Ê-sai, trang 62-63).

Giăng, khi nói về một trong những sự hiện thấy kỳ diệu đã chép: "Tôi lại nghe mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất, trên biển, cùng mọi vật ở đó đều nói rằng: Chúa cho Đấng ngồi trên ngai cùng Chiên con được ngợi khen, tôn quý, vinh hiển và quyền phép cho đến đời đời!" (Khải huyền 5:13).

Nhưng, như Mục sư Tấn sĩ đã nhắc nhở chúng ta: "Chúng ta không thể quyết đoán về một vấn đề mà chúng ta không thấu triệt."

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Tính Chất Của Tội Lỗi

" Tội lỗi như điều răn, trở nên cực ác " (Rô-ma 7:13)

Trong Kinh Thánh có nhiều danh từ đã được dùng để chỉ sự tuyệt giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Đó là sự vi phạm, sự độc ác, sự hung dữ, sự xúc phạm, sự trái lệnh và bất tuân luật pháp. Nhưng chữ được dùng thường nhất để nói về sự hư hỏng của con người là " tội lỗi ". Đó là chữ chính Đức Chúa Trời đã dùng. Khi cảnh cáo Ca-in, Ngài phán rằng: " Còn như chẳng làm lành, thì tội lỗi rình đợi trước cửa " (Sáng-thế-ký 4:7)

Nghĩa gốc của chữ được dịch ra thành " tội lỗi " là " mất dấu " hay " thiếu kém ". Có tội lỗi là không đạt đến mục tiêu Đức Chúa Trời đã đặt để. Phao

lô bày tỏ trong Rô-ma 3:23: " Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. " Họ không đạt đến điểm Đức Chúa Trời đã dự định cho họ.

I. Kẻ gây ra tội lỗi

Vài điều về khởi điểm của tội lỗi, đã được đề cập đến, ở chương vừa qua. Tất cả những điều chúng ta biết về tội lỗi, đã được ghi chép trong bảy câu đầu của chương III Sáng-thế-ký. Tuy tên Sa-tan không được nêu ra, nhưng hiển nhiên Sa-tan chính là kẻ gây ra tội lỗi. Câu chuyện ghi chép đã khai thị vài phương cách nó đã dùng lúc đầu, và còn đang tiếp tục dùng đến.

1) Che giấu tung tích:

"Vả trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm nên, có con rắn là giống quỷ quyet hơn hết" (Sáng-thế-ký 3:1). Đó là lý do khiến Sa-tan đã chọn con rắn, trong các loài thú khác--vì rắn là vật xảo quyet nhất.

Sa-tan có nhiều lối trá hình, để ẩn mình. Chẳng bao giờ nó lộ ra, trước mặt người và tự giới thiệu rằng: "Ta là ma quỷ đây." Phao lô nói nó thường xuất hiện như một thiên sứ sáng láng: "Nào có gì lạ, chính quỷ Sa-tan mạo làm thiên sứ sáng láng" (II Cô-rinh-tô 11:14).

2) Gieo hoài nghi về lòng thương yêu của Đức Chúa Trời

"Rắn nói cùng người nữ rằng: Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán dặn các ngươi không được phép ăn trái cây trong vườn sao?" (Sáng-thế-ký 3:1). "Nhưng Đức Chúa Trời biết rằng hễ ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác" (Sáng-thế-ký 3:5). Nó muốn nói rằng Đức Chúa Trời giấu không cho hai người biết, những gì họ có thể có được.

3) Xuyên tạc lời Đức Chúa Trời

"Rắn bèn nói với người nữ rằng: Hai người chẳng chết đâu" (Sáng-thế-ký 3:4). Ma quỷ đã thắng trận lớn, khi làm cho người ta hoài nghi sự thật của lời Đức Chúa Trời. Ngài phán: "Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết" (Ê-xê-chi-ên 18:4). Ma quỷ nói: "Các người sẽ chẳng chết đâu." Ngài phán: "Tiền công của tội lỗi là sự chết." (Rô-ma 6:23); ma-quỷ nói: "Các người sẽ chẳng chết đâu."

4) Khêu gọi lòng ham muốn tự nhiên của đàn bà

"Người nữ thấy trái của cây đó ăn ngon, lại đẹp mắt và quý vị để mở trí khôn, bèn hái ăn" (Sáng-thế-ký 3:6). Nhiều năm sau đó, Giăng đã viết về "sự mê-tham của mắt và sự kiêu ngạo của đời" (I Giăng 2:16). Chúng ta nhớ lại ma-qui đã cám dỗ Chúa ba lần.

5) Dụ dỗ đàn bà để làm xiêu lòng đàn ông

"... rồi trao cho chồng đứng gần mình, chồng cũng ăn nữa" (Sáng-thế-ký 3:6). Chúa Jêsu phán cùng người đã dâng đời mình cho Ngài rằng: "... và làm chứng về ta..." (Công-vụ-các-sứ-đồ 1:8); và ma quỷ đã nói với những kẻ đã giao đời mình cho nó rằng: "Các ngươi sẽ làm chứng cho ta". Ma quỷ có nhiều nhân chứng ở trên thế gian hơn Chúa, và đã nhiều lần, những nhân chứng này tỏ ra nhiệt thành hơn nhân chứng của Đấng Christ nhiều lắm.

II Bản chất của tội lỗi

Trên thế gian, có nhiều quan niệm khác nhau về tội lỗi. Có người phủ nhận sự hiện hữu của tội lỗi, nhưng sự phủ nhận sự hiện hữu của tội lỗi không làm cho nó bị tiêu diệt. Về thái độ này, Đức Chúa Trời có nhấn mạnh vài điều: "Ví bằng chúng ta nói mình không có tội chi hết, ấy là chính chúng ta lừa dối mình, và lẽ thật không ở trong chúng ta" (I Giăng 1:8).

"Nhược bằng chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội, ấy là chúng ta cho Ngài là kẻ dối, lời Ngài không ở trong chúng ta" (I Giăng 1:10).

Có người cười cợt khi nghe nói đến tội lỗi. Đức Chúa Trời cho những kẻ này là ngu dại: "Kẻ ngu dại phỉ báng tội lỗi" (Châm-ngôn 14:9). Quả thật, không có gì ngu dại nhất trên đời cho bằng cười cợt tội lỗi.

Có người lại khoe khoang tự phụ về tội lỗi của họ. Ê-sai khi tả tội lỗi của Giê-ru-sa-lem và Giu-đa đã nói: "Bộ mặt họ làm chứng nghịch cùng mình; họ nêu tội rõ ràng như thành Sô-đôm chẳng giấu chút nào" (Ê-sai 3:9). Tục ngữ có câu: "Kẻ nào mắc phải tội lỗi là con người, kẻ nào khổ sở vì tội lỗi là thánh; kẻ nào tự phụ về tội lỗi mình là ma-quỉ."

Nhưng có lẽ thái độ nguy hiểm nhất đối với tội lỗi là chế giễu nó

đi, để cho nó trở thành không lấy gì làm xấu cho lắm. Sự này được gọi bằng nhiều tên, chẳng hạn như sự không thích hợp, điều hợp, điều sai lầm thất cách, hoặc cả bệnh tật nữa, vì con người không phải chịu trách nhiệm về những điều này. Nhưng dù có đổi tên một vật gì, thì bản chất nó vẫn còn đó.

Thần khoa Tân sĩ Chapman thường kể chuyện một mục sư, đã thuyết giảng về đề tài tội lỗi một cách sốt sắng. Một trong những chức viên Hội Thánh, sau đây đã đến nói với ông ta rằng: "Chúng tôi không muốn ông bàn về tội lỗi một cách quá rõ ràng, bởi vì nếu con cái chúng, trai và gái, được nghe ông nói về tội lỗi như thế, chúng sẽ dễ trở nên phạm tội. Tùy ý ông muốn gọi tội lỗi là điều lầm lẫn hay gì đó, nhưng chớ nói rõ ràng về nó."

Ông mục sư bèn lấy một chai nhỏ đựng chất si-trích-nin (Strychnine) ngoài có nhãn đề "thuốc độc" và đưa cho ông kia mà nói rằng: Tôi hiểu ông muốn bảo tôi làm gì. Ông muốn tôi đổi cái nhãn. Bây giờ giả như tôi bóc cái nhãn này và thế vào một cái nhãn khác đề "dầu thơm bạc hà" chẳng hạn, ông biết sự gì sẽ xảy ra không? Ông làm cái nhãn càng ngọt ngào bao nhiêu, thì chất thuốc độc bên trong càng nguy hiểm bấy nhiêu." Có muốn gọi tội lỗi bằng gì đi nữa thì nó cũng là điều gớm ghiếc mà Đức Chúa Trời thù ghét.

Chúng ta quen diễn tả tội lỗi như một vật gì đen tối. Chúng ta nói đến những tội ác mờ ám người ta đã phạm. Nhưng đó không phải là chữ của Đức Chúa Trời dùng để diễn tả tội lỗi. Ngài đã gọi nó là đỏ, là hồng điều: "Đức Giê-hô-va phán: Bây giờ hãy đến, cho chúng ta biện luận cùng nhau. Dầu tội các ngươi như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết; dầu đỏ như son, sẽ trở nên trắng như lông chiên" (Ê-sai 1:18).

Một người chuyên môn về ngành nhuộm vải, cũng cho kinh nghiệm về điều này. Người ấy nói rằng họ có thể đổi hàng vải từ màu này sang màu kia, không khó khăn gì, trừ trường hợp màu đỏ. Màu đen đổi ra màu khác rất dễ. Nhưng với màu đỏ thì không thế. Họ có thể làm thay màu một lúc, nhưng sớm muộn gì màu hồng điều cũng lòi ra.

Đức Chúa Trời diễn tả tội lỗi không bằng màu đen mà bằng màu đỏ. Tội lỗi là màu nhuộm ăn sâu và khó thay đổi. Trên khắp thế gian, vật duy nhất có thể tẩy sạch tội lỗi là máu của Đấng Christ: "Huyết của Đức Chúa Jêsus, Con Ngài, làm sạch mọi tội chúng ta" (I Giăng 1:7).

Hình như Phao-lô không tìm ra chữ mà người ta cho là có đủ sức mạnh mẽ để diễn tả tánh chất ghê gớm của tội lỗi. Sau khi tìm kiếm suốt cả trong

từ ngữ, ông chỉ có thể nói về tội lỗi như là "điều vi phạm quá độ." Và ông không diễn tả một tội lỗi riêng biệt nào. Phao lô không chỉ rõ một trọng tội nào, và nói: "Đó là điều vi phạm quá độ." Tất cả mọi tội lỗi, bất cứ tội gì, đều vi phạm quá độ. Như thế không có nghĩa là, có vài tội lỗi không nặng hơn các tội lỗi khác. Chắc chắn phải có những tội lỗi nặng hơn chứ. Nhưng Phao-lô đã có ý nhấn mạnh ở sự kiện là tất cả mọi tội lỗi, trong bản chất đều ghê gớm cả.

1) Những gì chống lại với Đức Chúa Trời

Chúng ta bàn về sự phạm tội đối với người đồng loại và chính chúng ta cũng đã phạm tội lỗi ấy. Nhưng tất cả mọi tội lỗi đều chống lại Đức Chúa Trời, Giăng nói: "Còn ai phạm tội tức là trái luật pháp" (I Giăng 3:4). Kinh Thánh, bản "Kinh James", chép rằng: "Tội lỗi là sự phạm pháp." Nhưng luật pháp của ai? Đó không phải là luật pháp của loài người. Chúng ta không nói đến sự phạm luật lệ do con người đặt ra là tội lỗi. Chúng ta không nói đến sự phạm luật lệ do con người đặt ra là tội lỗi. Chúng ta có những danh từ khác để ám chỉ điều đó, như khinh tội, trọng tội, tội ác v.v... Danh từ tội lỗi được dành riêng để chỉ sự phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.

Điều làm cho tội lỗi ghê gớm như vậy là vì nó chống lại một Đức Chúa Trời thánh khiết và đầy tình yêu thương. Sự nhận thấy lẽ thật đó làm cho lòng Đa-vít bị đau đớn. Khi đã được biết chắc mình phạm tội lớn, Đa-vít bèn kêu to rằng: "Ta đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va" (II Sa-mu-ên 12:13). Quả đúng như vậy, Đa-vít đã phạm tội đối với U-ri và vợ người, nhưng điều ghê gớm nhất là Đa-vít đã phạm tội cùng Đức Chúa Trời. Sự thật này, đã làm tan nát quả tim Đa-vít; nên khi cầu nguyện sám hối người đã nói: "Tôi đã phạm tội cùng Chúa, chỉ cùng một mình Chúa thôi, và làm điều ác trước mặt Chúa" (Thi-thiên 51:4).

Ma quỷ đã dẫn dắt người đàn bà đầu tiên vào con đường tội lỗi, không phải vì nó chú ý đến sự họ được cứu rỗi hoặc bị hư mất. Mục đích trước tiên của họ là lợi dụng tội lỗi của họ để có thể công kích Đức Chúa Trời. Đó là ý định sơ khởi của nó khi gây nên mọi tội lỗi. Mới ban đầu nó không chú trọng đến sự bạn và tôi được cứu chuộc hay bị hư mất. Mục đích chính của nó là dẫn dắt chúng ta vào đường tội lỗi, để có thể dùng chúng ta đặng chống lại Đức Chúa Trời. Tội lỗi có nghĩa là như thế--chúng ta tự đặt mình vào tay của Sa-tan để nó có thể dùng chúng ta làm cho Đức Chúa Trời đau lòng.

Để có một ý niệm đầy đủ về bản chất thật sự của tội lỗi, chúng ta phải đi đến thập tự giá. Tội lỗi đã đóng đinh Con Đức Trời trên thập tự giá. Chính tội lỗi đã cầm roi quất vào lưng Ngài cho đến khi chảy máu ra; chính tội lỗi đã kết vòng gai và đè vòng ấy lên trán Ngài; chính tội lỗi đã dùng búa đóng đinh vào tay chân Ngài; chính cái mà chúng ta gọi là tội lỗi đã đóng đinh Con Đức Chúa Trời vào thập tự giá.

Tội lỗi của ai đã đóng đinh Đức Chúa Trời Jê-sus Christ trên thập tự giá? Có người sẽ nói: "Đó là tội lỗi của Giu-đa Ích-ca-ri-ốt đã phản bội đưa Ngài vào tay kẻ thù Ngài", hoặc "Đó là tội lỗi của những nhà cầm quyền Do-thái đã lên án tử hình Ngài", hoặc "Đó là tội lỗi của Bon-xơ Phi-lát đã giao Ngài cho bọn lính La-mã", hoặc "Đó là tội lỗi của bọn lính La-mã đã đóng đinh Ngài trên thập tự giá". Đành rằng tội lỗi của những kẻ trên đây đã dự phần vào sự đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá, nhưng chẳng phải chỉ có họ là những kẻ phạm tội mà thôi.

Chính tội lỗi của thế gian này đã đóng đinh Đức Chúa Trời Jê-sus Christ. Tội lỗi của các bạn và tôi cũng có dự phần trong đó. Đối với chúng ta, thập tự giá là một sự kiện lịch sử; nhưng đối với Đức Chúa Trời đó là một sự diễn tiến đời đời.

Kinh Thánh đã nói đến sự Con Đức Chúa Trời bị đóng đinh trên thập tự giá một lần nữa. "Vì họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường" (Hê-bơ-rơ 6:6). Đó là điều mà con người làm, khi họ chối bỏ tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, và buông mình trong tội lỗi. Họ đã chứng minh bằng việc làm, chứ không phải chỉ bằng lời nói rằng: "Hãy để cho tôi cầm roi đặng tôi có thể quất vào lưng Ngài; hãy để cho tôi cầm vòng gai, để tôi có thể ép lên trán Ngài; hãy để cho tôi cầm búa đặng tôi có thể đóng đinh vào tay chân Ngài."

2) Tính cách bao trùm thế gian của tội lỗi

Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước đều chứng minh rằng tội lỗi có tánh cách bao trùm toàn thể nhân loại. Sa-lô-môn đã nói: "Không có người nào chẳng phạm tội" (I Các Vua 8:46). Tác giả Thi-thiên đã tuyên bố: "Chẳng có ai làm điều lành dẫu một người cũng không" (Thi-thiên 53:3). Lời nói của Giăng đanh thép hơn: "Nhược bằng chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội, tức chúng ta cho Ngài là kẻ nói dối, lời Ngài không ở trong chúng ta" (I Giăng 1:10). Và Phao-lô tóm tắt điều này như sau: "Vì mọi người đều đã

phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời" (Rô-ma 3:23).

Chữ "mọi" hay "tất cả" là một danh từ rất ngắn nhưng bao trùm vô số người, từ thuở khai nguyên cho đến mọi thế hệ đã sinh tồn trên quả đất, xuyên qua đại dương và lục địa, và bao gồm mỗi con người, trong thế gian ngày nay. Chữ "tất cả" còn bao trùm thời gian cho đến ngày tận thế, và lôi cuốn tất cả những thế hệ mai sau.

Đây chẳng những là sự chứng dẫn của Kinh Thánh mà còn là sự làm chứng do kinh nghiệm bản thân của mỗi người. Không bao giờ có một người đàn ông hay đàn bà công nghĩa hoàn toàn. Những người đã đạt đến tột đỉnh của sự từng trải trong cuộc đời làm tín đồ Cơ-đốc, là những người sẵn sàng công nhận những khuyết điểm và thiếu sót của họ hơn hết. Tất cả không phạm tội lỗi như nhau. Có người đã đi sâu vào tội lỗi hơn những người khác, nhưng không có ai là không phạm tội lỗi.

Có người không tự sắp họ vào loại phạm tội lỗi vì họ không phạm vào những tội lỗi thô tục của xã hội. Họ không phải là những người ghiền rượu, trộm cắp, ngoại tình hay làm điều độc ác. Nhưng họ có thể phạm tội lỗi khác mà những tội lỗi này, đối với Đức Chúa Trời, cũng là điều xấu không kém. Đó là điều lầm lẫn của người Pha-ri-si trong đền thờ. "Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác, tham lam, bất nghĩa, gian dân..." (Lu-ca 18:11).

Người Pha-ri-si đã nghĩ rằng vì họ không phạm những tội lỗi thường tục của thế gian, nên họ không phải là người tội lỗi. Nhưng họ đã phạm tội giả đạo đức là một trong những tội xấu xa nhất đối với Đức Chúa Trời. Không lúc nào Chúa Jê-sus tỏ vẻ tức giận một cách chánh đáng hơn, khi Ngài nói với những kẻ giả đạo đức. "Khốn cho các người thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ giả hình!" (Ma-thi-ơ 23:15).

Sự vô tín được Kinh Thánh coi là tội lỗi nặng hơn hết. Khi nói về sự Đức Thánh Linh sẽ đến, Chúa Jê-sus phán rằng: "Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công bằng và về sự phán xét. Về tội lỗi, vì họ không tin ta" (Giăng 16:8-9). Trước giả Hê-bơ-rơ đưa ra lời cảnh cáo rằng: "Hỡi anh em, hãy giữ lấy, kẻ ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin mà trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống chẳng" (Hê-bơ-rơ 3:12). Chúa Jê-sus chẳng phán: "Ngài sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, vì họ là những kẻ say sưa, sát nhân, tà dân", v.v... nhưng "bởi vì họ không tin ta." Trước giả Hê-bơ-rơ không nói: "Sợ e trong anh em có lòng dạ hung dữ, giết người, tà

dâm" hay tội lỗi nào khác, nhưng "lòng dạ, hung dữ, chẳng tin tưởng gì."

Mấy năm trước đây, theo lời tường thuật của tờ "Sun day School Times" (Trường Chúa nhật thời báo). Bác-sĩ Eugene Lyman Fisk, nhà khảo sát y-lý của viện Phát-triển sinh tằm, đã phát biểu: "Đúng về phương diện thể chất, tất cả chúng ta đều bị thiếu sót. Sự hoàn thị về thể chất, là điều khó thể có được ở đời này. Người ta đã bỏ rơi mọi hy vọng, tìm thấy một cơ thể hoàn toàn, và tôi còn có thể nói thêm rằng cơ thể hoàn toàn là điều không đạt được nữa rồi. Trong những người tôi khám bệnh về loại A. Những người thuộc về loại B cũng rất hiếm. Trẻ em mới sanh ra đời cũng không có một cơ thể hoàn toàn."

Nếu điều này đúng với cơ thể vật chất của con người, thì đối với bản chất tinh thần của họ còn đúng đến đâu. Chẳng có kiểu mẫu nào hoàn toàn cả. Nhà vật lý học vĩ đại: "từ trên trời nhìn xuống con loài người, đặng xem thử có ai thông sáng, tìm kiếm Đức Chúa Trời chẳng"; Lời phán quyết là: "Chúng nó thay thay đều lui lại cùng nhau trở nên ô uế, chẳng có ai làm điều lành, dầu một người cũng không" (Thi-thiên 13:2-3).

3) Tội lỗi không tha thứ được

Kinh Thánh có nói đến một tội lỗi không thể tha thứ được. Đức Chúa Jêsus phán: "Ấy vậy, ta phán cùng các người, các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu. Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha" (Ma-thi-ơ 12:31-32).

Trong Hê-bơ-rơ 10:26 chúng ta có lời chép: "Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa." Và trong I Giăng 5:16 chúng ta đọc: "Vì có kẻ thấy anh em mình phạm tội, mà tội không đến nỗi chết, thì hãy cầu xin, và Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho, tức là ban cho những kẻ phạm tội mà chưa đến nỗi chết. Cũng có tội đến nỗi chết, ấy chẳng phải vì tội đó mà ta nói nên cầu xin."

Vì Đức Chúa Jêsus đã phán rằng chỉ có một tội lỗi không thể tha thứ được, những đoạn trên đã ám chỉ điều đó. Tội lỗi nhắc đến trong những đoạn Kinh Thánh trên, không tha thứ được, chẳng phải vì Đức Chúa Trời không muốn tha thứ, nhưng bởi tâm hồn kẻ phạm tội đã thành cứng cỏi đến nỗi không còn có thể đáp lại ảnh hưởng thiên thượng. Sự sợ hãi của những

người tưởng mình đã phạm tội lỗi không thể tha thứ, chứng minh rõ ràng họ không có phạm tội lỗi đó. Vì khi ai đã phạm tội lỗi ấy họ không còn cảm thấy nữa. Điều đó cũng giống như chất xi-măng đã dần dần cứng lại.

Tội lỗi không thể tha thứ được ấy là gì? Kinh Thánh không khai thị nhiều về điều này. Chúa Jêsus đã lên án người Pha-ri-si, vì họ đã cho rằng Ngài làm phép lạ bởi quyền năng của quỷ Sa-tan, chứ không phải của Đức Thánh Linh. Nhưng đó tốt độ của thời kỳ lâu dài chai lòng đối với Đấng Christ. Và cuối cùng, họ đã chối bỏ Ngài một cách có ý thức, cố ý và hiểm độc.

Vậy đoạn Kinh Thánh trên và nhiều đoạn khác nữa, có lẽ rằng tội lỗi không thể tha thứ kia là sự cứng cõi trường kỳ chống lại ảnh hưởng thiên thượng để kết tụ thành một hành động chối bỏ dứt khoát và cố định.

Tân sĩ A. H. Strong đã trích dẫn lời Tân sĩ J.P. Thompson giải thích về tội lỗi không thể tha thứ được như sau: "Tội lỗi không thể tha thứ được là sự chối bỏ cách ý thức, cố tình, ngoan cố, khinh bỉ và có ác tâm, những chân lý và ân điển thiêng thượng mà quyền năng cảm động và soi sáng của Đức Thánh Linh bày tỏ ra cho linh hồn." (Hệ thống Thần đạo học trang 350).

III. Hậu quả của tội lỗi

Những hậu quả của tội lỗi có tính cách vừa tức khắc vừa xa xôi, vừa vật chất vừa tinh thần. Tội lỗi đem lại hậu quả tức khắc trong trường hợp A-đam và Ê-va. Họ đã bị đặt trong tình trạng sầu khổ và chết chóc. Họ đã bị đuổi ra khỏi vườn và bị xa cách Đức Chúa Trời.

Còn có vài tội lỗi nữa cũng đem lại hậu quả tức khắc. Có nhiều người thể xác và tinh thần, bị dày vò bởi tội lỗi của họ. Đó là những kẻ kéo dài cuộc đời sau chấn song nhà tù bởi tội lỗi của họ. Và có thể nói rằng tất cả những nỗi thống khổ trên thế gian này đều kết quả trực tiếp hay gián tiếp của tội lỗi, vì nếu không có tội lỗi, những điều đó sẽ không hề xảy ra.

Chữ hay nhất và hay dùng nhất để diễn tả hậu quả của tội lỗi là: "Sự chết". Tội lỗi là sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Luật pháp mà không đem sự trừng phạt đến những kẻ phạm tội thì còn giá trị gì? Những cơ quan lập pháp có thể biểu quyết luật lệ, nhưng nếu không có gì trừng phạt sự phá vỡ những luật lệ đó, thì những kẻ hung ác sẽ chà đạp luật lệ đó dưới chân, và cười vào mặt những người đã đặt ra luật lệ ấy. Luật pháp của Đức

Chúa Trời phải mang sự trừng phạt đến kẻ vi phạm. Nếu không vậy, con người sẽ phá bỏ luật pháp và cười vào mặt Ngài.

Luật pháp Đức Chúa Trời mang lại sự chết để trừng phạt. Với A-đam và Ê-va Ngài đã phán: "Một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết" (Sáng-thế-ký 2:17). Nhà tiên tri Ê-xê-chi-ên, nhân danh Đức Chúa Trời đã nói: "Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết" (Ê-xê-chi-ên 18:4). Gia-cơ, em của chúa Jêsus đã nói: "Tội ác đã trọn sanh ra sự chết" (Gia-cơ 1:15). Và Phao-lô tóm tắt điều này bằng câu: "Tiền công của tội lỗi là sự chết" (Rô-ma 6:23).

Thỉnh thoảng trong những thời kỳ sút kém, tiền công phải bị giảm bớt. Nhưng tiền công của tội lỗi không khi nào bị giảm bớt. Giá biểu tiền công đã đặt ra từ lúc mới sáng thế, và từ ấy đến nay vẫn không thay đổi.

Có hai sự chết và cả hai đều là hậu quả của tội lỗi.

1) Sự chết của thể xác

Sự chết của cơ thể là một phần tội lỗi bị trừng phạt. Nếu không có tội lỗi thì ắt sẽ không có sự chết của cơ thể. Đức Chúa Trời đã dự liệu một cách kỳ diệu để tránh cho A-đam và Ê-va khỏi phải chết, nếu họ không phạm tội. Ngài đã để họ ở trong khu vườn cây của sự sống mà trái họ có thể ăn được, và sống đời đời. Chúng ta có thể hiểu điều này theo nghĩa bóng hay nghĩa đen, nhưng chân lý vẫn là một. Đức Chúa Trời đã ban cho loài người một lối đi, để họ có thể tránh được sự chết.

Kinh Thánh nói rằng A-đam và Ê-va bị đuổi ra khỏi vườn, chẳng phải vì họ đã phạm tội lỗi, nhưng để họ khỏi ăn trái cây của sự sống. Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng: "Này, về sự phân biệt điều thiện và điều ác, loài người đã thành một bụi như chúng ta; vậy bây giờ, ta hãy coi chừng, e loài người giơ tay lên cũng hái trái cây sự sống mà ăn và được sống đời đời chẳng. Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn đuổi loài người ra khỏi vườn Ê-đen dựng cây cây đất, là nơi có người ra. Vậy, Ngài đuổi loài người ra khỏi vườn, rồi đặt tại phía đông vườn Ê-đen các thần Chê-ru-bin với gươm lưỡi chói loà, để giữ con đường đi đến cây sự sống" (Sáng-thế-ký 3:22-24).

Từ ngày đó đến nay, sự chết đã ngự trị ở thế gian. Tất cả những người đã sống trên quả đất đều phải chết trừ hai ngoại lệ thần kỳ là trường hợp của hai ông Hê-nóc và Ê-li. Toàn thể địa cầu đã trở nên một nghĩa địa vĩ đại. Trong vài trường hợp, sự chết là hậu quả trực tiếp của một tội lỗi nhất định,

hay của nhiều tội lỗi, nhưng tất cả mọi sự chết đều là hậu quả gián tiếp của tội lỗi loài người.

2) Sự chết của linh hồn

Ý nghĩa chính của sự chết chẳng phải là tắt nghỉ mà là sự chia cách, với sự tiêu tàn, kéo theo nó. Sự chết của cơ thể, có nghĩa là sự chia cách giữa linh hồn và thân thể, mà kết quả là sự chết nát của xác thịt. Xác thịt trở về cát bụi và linh hồn trở về Đức Chúa Trời. Khi nói về sự chết Sa-lô-môn chép: "Và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó" (Truyền đạo 12:7). Sự chết thuộc linh là sự cách biệt của linh hồn với Đức Chúa Trời mà kết quả là sự tiêu diệt của linh hồn.

Trong trạng thái tự nhiên con người đã chết về phần thuộc linh, xa cách Đức Chúa Trời. Phao lô đã diễn tả trạng thái thuộc linh của người Ê-phê-sô trước khi họ tin Chúa như: "Chết vì làm lỗi và tội ác mình" và "Tự nhiên làm con của sự thịnh nộ" (Ê-phê-sô 2:1,3). Họ đã phân cách với Đức Chúa Trời. "Bởi sự ngu muội ở trong họ, và vì lòng họ cứng cõi nên trí khôn tối tăm, xa cách sự sống của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 4:18).

Sự chết thuộc linh lên đến cực điểm trong sự chết đời đời, sự xa cách Đức Chúa Trời đời đời, sự tiêu diệt của linh hồn đời đời, trừ phi người ta tìm đến để nhận biết Chúa: "Những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời... sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài" (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:8-9).

Sự tiêu diệt đời đời của linh hồn đã được nói đến như sự chết lần thứ hai: "Phước thay và thánh thay những kẻ được phần về sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ nhì không có quyền gì trên những người ấy" (Khải huyền 20:6). "Còn những kẻ hèn nhát, kẻ chẳng tin, kẻ đáng gớm ghét, kẻ giết người, kẻ dâm loạn, kẻ phù phép, kẻ thờ thần tượng, và phạm kẻ nào nói dối, phần của chúng nó ở trong hồ lửa và diêm cháy bùng bùng: đó là sự chết thứ hai" (Khải huyền 21:8).

Có một cái chết thứ nhất và một cái chết thứ nhì, cũng như có sự sanh ra lần thứ nhất và sự sanh ra lần thứ nhì. Có sự sanh ra thể xác và sự sanh ra của linh hồn--sự sanh ra của thân thể và sự tái sanh của linh hồn. Cùng một lỗi, có sự chết thứ nhất và sự chết thứ nhì--sự chết của thân thể và sự chết của linh hồn. Cả hai đều là tiền công của tội lỗi. Và vì sự sanh ra của linh

hồn vinh hiển hơn sự sanh ra của thể xác nhiều, cho nên sự chết của linh hồn ghê gớm hơn sự chết của xác thịt.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Đấng Cứu Thế

"Người sẽ sanh một trai, người kia đặt tên là Jêsus, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội" (Ma-thi-ơ 1:21)

Khi A-đam phạm tội, làm cho chính mình và toàn thể nhân loại bị hư hoại, thì Đức Chúa Trời có ba lối đối xử -- kết tội tất cả loài người cách không thương xót, cứu chuộc tất cả nhân loại, hoặc dọn sẵn con đường cứu chuộc cho những ai ăn năn tội lỗi mà trở về với Đức Chúa Trời. Lối sau cùng là cách thức duy nhất của Đức Chúa Trời công bình và thương yêu. Bởi vậy Ngài đã hứa ban cho một Đấng Mê-si sẽ đến cứu dân mình ra khỏi tội.

Trong lời rửa sả con rắn, có lời hứa ban Mê-si: "Ta sẽ làm cho dòng dõi mây cùng người nữ, dòng dõi mây cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ giày đạp đầu mây, còn mây sẽ cắn gót chơn người" (Sáng-thế-ký 3:15). Hằng thế kỷ sau đó, lời hứa này đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Con người nhìn vào tương lai với niềm hy vọng và tin tưởng một Đấng Cứu Thế sẽ ra đời.

Khi hạn kỳ đã được trọn, Chúa bèn xuất hiện: "Nhưng kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài bởi một người nữ sanh ra, sanh ra dưới luật pháp, để chuộc những kẻ dưới luật pháp và cho chúng ta được làm con nuôi của Ngài" (Ga-la-ti 4:4-5)

Tên riêng của Đức Chúa Trời đặt cho Con Ngài là Jêsus -- "Người sẽ gọi tên Ngài là Jêsus." Đó là tiếng đồng nghĩa với tiếng Hê-bơ-rơ "Giô-suê" có nghĩa: Đức Giê-hô-va là sự cứu chuộc. Danh hiệu chánh thức của Jêsus là "Christ" nghĩa là được xức dầu. Đó là tiếng Hy-lạp đồng nghĩa với tiếng Hê-bơ-rơ "Mê-si." Điều này chỉ rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng đã thực hiện mọi hy vọng của Đấng Cứu Thế. Trong những thơ tín của Kinh Thánh, tên riêng và danh hiệu chánh thức thường được phối hợp thành Jêsus Christ hay Christ Jêsus.

Một danh hiệu khác của Đấng Christ là "Chúa." Đó là một tước vị cao trọng, đầy vinh dự và uy nghiêm. Chữ Chúa dùng trong Tân Ước thường riêng chỉ Đức Chúa Jêsus Christ. Có khi Ngài được gọi là "Chúa Jêsus", có khi cả ba danh hiệu nhập lại thành "Đức Chúa Jêsus Christ".

I. Sự hiện hữu từ trước của Đấng Christ

Sự hiện hữu của Đấng Christ không như trường hợp của một người thường bắt đầu khi Ngài ra đời. Ngài đã hiện hữu từ một quá khứ vô tận.

1) Tân Ước đã chép rõ ràng

Ở đây, chỉ cần trích dẫn vài đoạn. Chúng ta bắt đầu với Giăng 1:1-2: "Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời." Những chữ dùng ở đây, chúng ta đã gặp trong câu đầu của Kinh Thánh: "Ban đầu." Trước lúc sáng thế, Đấng Christ đã có mặt với Đức Chúa Cha.

Giăng lại tiếp tục nói rằng Đấng Christ là nguyên động lực của sự sáng tạo. "Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài" (Giăng 1:3). Phao-lô đã ghi chép chân lý này trong Cô-lô-se 1:16 "Vì muôn vật đã được dựng nên trong Ngài, bất luận trên trời, dưới đất, vật thấy được, vật không thấy được, hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc chấp chánh, hoặc cầm quyền, đều là bởi Ngài và vì Ngài mà được dựng nên cả." Và trong câu 17 người nói tiếp: "Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài."

2) Sự hiện hữu từ trước đã được Chúa Jêsus xưng nhận

Hơn một lần, Đức Chúa Jêsus đã nói về sự hiện hữu của Ngài, trong một quá khứ vô tận. Đối với những người Do Thái vô tín, Ngài đã phán: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có ta" (Giăng 8:58). Áp-ra-ham đã sống gần hai ngàn năm trước khi Đức Chúa Jêsus ra đời, nhưng Ngài đã phán: "Trước khi Áp-ra-ham ra đời đã hằng có ta." Trong một buổi cầu nguyện thay, Ngài đã phán: "Cha ôi! bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha" (Giăng 17:5).

II. Sự hiện thân của Đấng Christ

Sự hiện thân có nghĩa là hóa thân thành một con người bằng xương bằng thịt. Con đời đời của Đức Chúa Trời đã đến thế gian và hiện thân trong một cơ thể phàm tục: "Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta" (Giăng 1:14). Phao-lô đã ghi nhận điều này như sau: "Ngài vốn có hình Đức Chúa Trời, song chẳng coi sự bình đẳng mình, với Đức Chúa Trời là sự nên nắm

giữ, chính Ngài đã tự bỏ mình đi lấy hình tội tớ và trở nên giống như loài người" (Phi-líp 2:6-7). Đó là điều đã xảy ra khi "Hài nhi" Jê-sus ra đời tại Bết-lê-hem.

Có hai chân lý liên quan đến sự hiện thân của Đấng Christ.

1) Một người thật

Tên mà Đức Chúa Jê-sus thường dùng nhất để chỉ Ngài, là "Con người." Toàn thể sách Tin Lành trình bày Ngài như một con người. Ngài đã sống như một con người và đã biểu lộ những đặc tính của con người. Ngài lớn lên trong một cơ thể con người: "Đức Chúa Jê-sus khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đ(c)p lòng Đức Chúa Trời và người ta" (Lu-ca 2:52). Chúa Jê-sus đã bị mệt và đói: "Nhơn đi đường mỗi mệt, Đức Chúa Jê-sus ngồi gần bên giếng" (Giăng 4:6); "Và sau khi đã kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm, Ngài bèn thấy đói" (Ma-thi-ơ 4:2). Ngài đã bị đau đớn về thể xác, Ngài đã khóc, đã đi ngủ, đã chết. Tất cả những sự từng trải đó, minh chứng tánh chất con người thật của Đức Chúa Jê-sus.

2) Một Đức Chúa Trời thật

Chúa Jê-sus không những chỉ là con người mà còn là Con của Đức Chúa Trời. Ngài đã xưng nhận thần tính của Ngài: "Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha" (Giăng 14:9). "Ta với Cha là một" (Giăng 10:30). Ngài đã sử dụng quyền năng của Đức Chúa Trời. Ngài đã tha thứ tội lỗi: "Đức Chúa Jê-sus thấy đức tin họ, bèn phán cùng kẻ bại rằng: Hỡi con ta, tội lỗi ngươi đã được tha" (Mác 2:5). Những kẻ thù nghịch đã kết Ngài vào tội tử hình, bởi Ngài đã xưng nhận mình là Con của Đức Chúa Trời: "Dân Giu-đa lại nói rằng: chúng tôi có luật, chiếu luật đó hấn phải chết; vì hấn tự xưng là Con Đức Chúa Trời" (Giăng 19:7).

Ấy vậy, trong Đấng Christ, chúng ta có "Đức Chúa Trời--Người", hai bản thể hợp lại trong một vị cách. Chúa là một con người thật nên Ngài đã bị đói; Chúa là Đức Chúa Trời thật nên Ngài đã làm cho vô số con người khỏi đói bằng năm ổ bánh mì và hai con cá nhỏ. Chúa là người thật nên Ngài bị nhọc mệt; Chúa là Đức Chúa Trời thật, nên Ngài ban sự nghỉ ngơi cho những kẻ mệt mỏi. Ngài là người thật nên Ngài đã bị buồn ngủ; Ngài là Đức Chúa Trời thật nên Ngài đã thức và khiển trách giông tố. Ngài là người thật nên Ngài đã chết; Ngài là Đức Chúa Trời thật nên Ngài đã sống dậy từ kẻ chết. Chính ở trong vị cách Đức Chúa Trời--Người, mà Ngài trở thành Đấng

Cứu Thế cho nhân loại.

Chúng ta có thể hiểu được điều này chăng? Dĩ nhiên là không. Và bởi có nhiều người không hiểu được điều này nên họ đã không công nhận đó là sự thật. Một ngày kia có người hỏi ông Daniel Webster (Chính trị gia và nhà hùng biện ở Mỹ-quốc 1782-1852) như vậy: "Ông có hiểu Đức Chúa Jêsus Christ?" Ông bèn trả lời: "Không. Tôi rất lấy làm xấu hổ mà nhận Ngài làm Cứu Chúa của tôi, nếu tôi có thể hiểu được Ngài. Tôi cần một Cứu Chúa siêu nhân--một Đấng tôi vĩ đại và tôi vinh hiển mà tôi không thể hiểu được."

III. Thần tính của Đấng Christ

Những điều vừa trình bày đã đặt ra vấn đề thần tính của Đấng Christ. Theo cách dùng từ ngữ ngày nay, có điểm khác nhau giữa danh từ thiên tính và thần tính: Thiên tính là cái mà ai cũng có thể xưng nhận, vì họ đã được tạo ra theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Trong họ có cái gì giống Đức Chúa Trời. Nhưng không có người thường nào có thể xưng nhận thần tính cho mình. Đó là điểm để phân biệt thuộc về Đức Chúa Jêsus, con Người của xứ Ga-li-lê. Lời của Giám mục Durham thường được trích dẫn như sau: "Một Đấng Christ mà không phải là Đức Chúa Trời thì cũng như cây cầu gãy ở đầu bên kia."

1) Tánh chất sự giáng sanh của Chúa

Không có sự giáng sanh nào như sự giáng sanh của Hài nhi ở Bết-lê-hem. Ma-thi-ơ nói: "Vả, sự giáng sanh của Đức Chúa Jêsus Christ đã xảy ra như vậy: Khi Ma-ri, mẹ Ngài, đã hứa gả cho Giô-sép, song chưa ăn ở cùng nhau, thì người đã chịu thai bởi Đức Thánh Linh. Giô-sép, chồng người, là người có nghĩa, chẳng muốn cho người mang xấu, bèn toan đem để nhẹm. Song đang ngẫm nghĩ về việc ấy, thì thiên sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong giấc chiêm bao, mà phán rằng: Hỡi Giô-sép, con cháu Đa-vít, người chớ ngại lấy Ma-ri làm vợ, vì con mà người chịu thai đó là bởi Đức Thánh Linh" (Ma-thi-ơ 1:18-20).

Lu-ca chứng thật lời của Ma-thi-ơ và diễn tả lại có phần nhấn mạnh hơn: " Đến tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gáp-ri-ên đến thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, tới cùng một nữ đồng trinh tên là Ma-ri, đã hứa gả cho một người nam tên là Giô-sép, về dòng vua Đa-vít. Thiên sứ vào chỗ người nữ ở, nói rằng: Hỡi người được ơn, mừng cho người; Chúa ở cùng người. Ma-ri nghe nói thì bối rối, tự hỏi rằng lời chào ấy có ý nghĩa gì.

Thiên sứ bèn nói rằng: Hỡi Ma-ri đừng sợ, vì ngươi đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. Nay, ngươi sẽ chịu thai và sanh một con trai mà đặt tên là Jêsus" (Lu-ca 1:26-31). Rồi trong câu 35, Lu-ca giải thích cách thức Chúa giáng sanh như thế nào: "Thiên sứ truyền rằng: Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ ngươi dưới bóng mình, cho nên Con thánh sanh ra, phải xưng là con Đức Chúa Trời."

Những ai phủ nhận sự giáng sanh từ một trinh nữ của Chúa Jêsus tức là phủ nhận lẽ thật của lời Chúa.

2) Cách sống của Chúa

Đức Chúa Jêsus đã sống một cuộc đời hoàn toàn. Trước giả Hê-bơ-rơ nói về Ngài: " Có một thầy tế lễ bị thử thách mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội" (Hê-bơ-rơ 4:15). Chúa Jêsus có thể đứng trước mặt những kẻ nghịch của Ngài và thách họ thử hỏi ra một tội lỗi một mà Ngài phạm phải: "Trong các ngươi có ai bắt ta thú tội được chăng?" (Giăng 8:46). Lời tuyên bố của Phi-lát là điều phán quyết qua bao thời đại: "Ta không thấy người này có tội gì." (Lu-ca 23:4). Ông Ramanes đã nói về Ngài: "Sự kiện lạ kỳ nhất về Đức Chúa Jêsus là hai mươi thế kỷ đã thất bại trong sự tìm kiếm trong Ngài một tội lỗi nhỏ." Chỉ có Con của Đức Chúa Trời mới có thể sống một đời sống như thế.

3) Tính chất những lời giáo huấn của Chúa

Khi bọn người được lệnh từ Giê-ru-sa-lem đi kiếm bắt Chúa Jêsus và đưa Ngài ra trước tòa công luận, họ đã trở về không có Ngài. Lúc bị hỏi tại sao thất bại, chúng bèn trả lời: "Chẳng hề có người nào đã nói như người này" (Giăng 7:46). Chẳng hề có người nào đã nói như người này, vì chẳng hề khi nào đã có một người như người này. Có những diễn giả nói lời vàng, làm ảnh hưởng đám quần chúng, với lời hùng biện của mình; có những đại học giả đã làm ngạc nhiên người ta với sự hiểu biết của mình; nhưng không có ai đã nói như Chúa Jêsus. Lời nói của Ngài vừa giản dị, và sâu xa, Người bình dân nghe Ngài phán một cách sung sướng, và người thông thái nhất cũng kinh ngạc vì lời nói của Ngài. Những nguyên lý Ngài chủ xướng, đã là ngọn đèn dìu dắt nhân loại qua bao thế kỷ.

4) Sự kỳ diệu của lời Chúa

Khi Ni-cô-đem, người cai trị dân Giu-đa, đang đêm đến cùng Đức Chúa

Jêsus, người bèn nói với Chúa rằng: "Thưa thầy, chúng tôi biết thầy là giáo sư từ Đức Chúa Trời đến; vì những phép lạ thầy đã làm đó, nếu Đức Chúa Trời chẳng ở cùng, thì không ai làm được" (Giăng 3:2). Đó cũng là lời giải thích của Chúa Jêsus về những phép lạ của Ngài. Đứng trước vô số quần chúng thành Giê-su-sa-lem, Ngài phán: "Nhưng ta có một chứng lớn hơn chứng của Giăng; vì các việc Cha đã giao cho ta làm trọn, tức là các việc ta làm đó, làm chứng cho ta rằng Cha đã sai ta" (Giăng 5:36).

5) Sự sống lại vinh diệu của Chúa

Phao-lô đã bày tỏ rằng sự sống lại của Chúa Jêsus là bằng chứng chắc chắn nhất về thần tính Ngài. "về Con Ngài, theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đa-vít sanh ra, theo thần linh của thánh đức, thì bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép, tức là Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta" (Rô-ma 1:3-4). Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự giá và bị treo ở đấy cho đến chết. Xác Ngài đã được lấy xuống khỏi thập tự giá và đem chôn ở một ngôi mộ bằng đá xây.

Một hòn đá to đã được lăn đến lấp cửa mộ và đóng dấu triện Rô-ma, và để cho chắc chắn rằng xác chết không bị phá động, một toán lính người Rô-ma đã được bố trí canh phòng ở đó. Nhưng đến ngày thứ ba, thì xác chết đã ra khỏi mộ và sống lại trong hình thức vinh hiển. Phao-lô nói rằng đó là bằng chứng chắc chắn nhất về thần tính của Đấng Christ.

IV. Sự chết của Đấng Christ

Trải qua bao thời đại, sự đóng đinh Chúa Jêsus là một tội ác lớn nhất. Tuy nhiên, đó là sự bày tỏ tốt độ tình yêu thương của Đức Chúa Trời: "Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết" (Rô-ma 5:8). Đó là điều thể hiện đẹp đẽ nhất của Đức Chúa Trời, thay đổi những lời nguyện rửa thành phúc lành. Giô-sép đã nói cùng các anh người rằng: "Các anh toan hại tôi, nhưng Đức Chúa Trời lại toan làm điều ích cho tôi, hầu cứu sự sống cho nhiều người, y như đã xảy đến ngày nay, và giữ gìn sự sống của dân sự đông đảo" (Sáng-thế-ký 50:20). Những kẻ thù nghịch của Chúa đã tưởng rằng sự đóng đinh Ngài là thắng lợi lớn nhất của chúng, nhưng Đức Chúa Trời đã chuyển hóa sự này thành điều bại lớn nhất của chúng. Bởi thập tự giá, Đức Chúa Trời đã thực hiện sự cứu rỗi cho thế gian bị hư mất.

Có nhiều chân lý liên hệ đến sự chết của Đấng Christ.

1) Sự tình nguyện

Đức Chúa Jêsus không phải đi đến thập tự giá vì Ngài bắt lực, lúc ở trong tay bọn thù nghịch Ngài. Phi-e-rơ rút kiếm ra để bảo vệ thầy mình ở vườn Ghết-sê-ma-nê, Chúa Jêsus đã phán cùng người rằng: "Hãy nạp gươm vào vỏ; vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết về gươm. Người tưởng ta không có thể xin Cha ta lập tức cho ta hơn mười hai đạo thiên sứ sao?" (Ma-thi-ơ 26:52-53).

Chẳng phải tất cả những mưu cơ của bọn cầm quyền Giu-đa, tất cả quyền uy của các quan cai trị Rô-ma, tất cả khí giới mạnh mẽ của Rô-ma, đã có thể đóng đinh Đức Chúa Jêsus trên thập tự giá. Nói về cái chết của Ngài, Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại. Chẳng có ai cất sự sống ta đi, nhưng tự ta phó cho" (Giăng 10:17-18). Ngài đã từng tuyên bố rằng Ngài xuống trần gian để chịu chết: Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người" (Ma-thi-ơ 20:28).

2) Sự thay thế

Điều quan hệ không phải cách chết của Đấng Christ mà là ý nghĩa của sự chết đó. Đã từng có người bị đóng đinh trên thập tự giá. Nhưng trong cái chết của Ngài, Đấng Christ đã mở đường cứu chuộc con người.

Lời của Đức Chúa Trời phán: "Tiền công của tội lỗi là sự chết" (Rô-ma 6:23). Sau có đoạn nói rằng tất cả đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời: "Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời" (Rô-ma 3:23).

Ấy vậy, Đức Chúa Trời làm thế nào cứu chuộc con người, gìn giữ sự công nghĩa và duy trì luật pháp Ngài?

Thập tự giá của Đấng Christ trả lời về điều này: "Và họ nhờ ân điển Ngài mà được xưng công bình nhưng không, bởi sự chuộc tội đã làm trọn trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng Đức Chúa Trời đã lập làm của lễ chuộc tội, bởi đức tin trong huyết Đấng ấy. Ngài đã bày tỏ sự công bình mình như vậy, vì đã bỏ qua các tội phạm trước kia, trong buổi Ngài nhậm nhục; tức là Ngài đã tỏ sự công bình Ngài trong thời hiện tại, tỏ ra mình là công bình và xưng công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus" (Rô-ma 3: 24-

26).

Có nhiều lý thuyết về sự chuộc tội đã được đề ra, nhưng giáo lý trong Kinh Thánh chứng minh sự chết của Đức Chúa Jêsus là sự thay thế. Ngài đã dành lấy chỗ con người đã phạm phải luật pháp của Đức Chúa Trời, và chịu đau đớn thay cho họ. Điều này đã được dự ngôn trong Cựu Ước.

Đức Chúa Trời đã vén bức màn cho Ê-sai nhìn thấy suốt bảy thế kỷ về sau, để có một hình ảnh về thập tự giá. Đây là điều ông đã thấy: " Nhưng người đã vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương. Bởi sự sửa phạt người chịu, chúng ta được bình an, bởi lần roi người chúng ta được lành bệnh. Chúng ta thấy đều như chiên đi lạc, ai theo đường nầy: Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của hết thảy chúng ta đều chất trên người" (Ê-sai 53: 5-6).

Sự chết thay của Đấng Christ đã được bày tỏ rõ ràng trong Tân Ước. Không có lời giải thích nào khác hơn những đoạn sau này: "Đấng vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời" (Cô-rinh-tô 5:21).

"Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rửa sả của luật pháp, bởi Ngài đã trở nên sự rửa sả vì chúng ta" (Ga-la-ti 3: 13).

"Ngài gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ, hầu cho chúng ta là kẻ đã chết vì tội lỗi, được sống cho sự công bình; lại hơn những lần đòn của Ngài mà anh em đã được lành bệnh" (I Phi-e-rơ 2:23).

"Ấy vậy, bởi ân điển của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jêsus đã vì mọi người nếm sự chết" (Hê-bơ-rơ 2:9).

"Ấy chính Ngài làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta, không những vì tội lỗi chúng ta thôi đâu, mà cũng vì tội lỗi cả thế gian nữa" (I Giăng 2:2). Đức Chúa Jêsus đã mang thế gian trong Ngài, khi đi đến thập tự giá.

3) Chỉ một lần thôi

Sẽ không bao giờ có một Đấng Cứu Thế khác, bởi vì thế gian sẽ không còn cần một Đấng Cứu Thế nào nữa. Đối với mọi người, và bất cứ lúc nào, Đấng Christ đã đủ cho họ. Sẽ không bao giờ có một đời Gô-gô-tha khác, vì sự chuộc tội diễn ra ở đây đã thỏa mãn sự đòi hỏi của những kẻ tội lỗi ở

khắp mọi nơi. Chúa đã chết một lần thôi: "Nhưng hiện nay đến cuối cùng các thời đại, Ngài đã hiện ra chỉ một lần, dâng mình làm tế lễ để cất tội lỗi đi. Cũng vậy Đấng Christ đã dâng mình chỉ một lần để cất tội lỗi của nhiều người" (Hê-bơ-rơ 9:26,28).

V. Sự sống lại của Đấng Christ

Đấng Christ đã chết trên thập tự giá và đã được chôn ở phần mộ của Giô-sép A-ri-ma-thê, nhưng ngày nay Ngài không chết. Đến ngày thứ ba, Ngài đã sống dậy từ ngôi mộ, và sống mãi mãi muôn đời.

Đó là một trong những điểm đặc biệt của Cơ-đốc giáo làm cho đạo này khác với tất cả mọi tôn giáo. Chúng ta có một Đấng Cứu Thế hằng sống. Đức Phật đã sống nhiều thế kỷ trước Đấng Christ. Đức Phật đã xây dựng hệ thống giáo lý của Ngài và trong vài năm, Ngài đã viên tịch. Và hiện nay Đức Phật đã không còn nữa. Thở xác của Ngài vẫn còn nằm dưới đất. Đức Ma-hô-mét đã sống sau Đấng Christ nhiều thế kỷ. Ngài cũng thế, đã xây dựng tôn giáo mình và đã chết. Ngài cũng thế, hiện nay vẫn còn chết. Thở xác Đức Ma-hô-mét nằm trong một ngôi mộ ở Trung Đông.

Đấng Christ đã chết nhưng ngày nay Ngài không chết. Dấu niêm phong của người Rô-ma và toán lính canh Rô-ma không thể giữ thân thể Ngài lại dưới mộ. Ngài đã phá bỏ những ràng buộc của sự chết để trở lại sống đời đời--" Bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài" (Rô-ma 6:9).

Trong lịch sử không có sự kiện nào được chứng minh rõ ràng hơn sự sống lại của Đấng Christ. Ngôi mộ trống không, quần áo trong ngôi mộ, sự khai thật của những người chứng đáng tin, và nhiều sự kiện hiển nhiên khác, đã chứng minh rằng Đấng Christ đã sống dậy từ kẻ chết. Ảnh hưởng của Ngài trong thế giới ngày nay, chứng minh Ngài hãy còn sống.

Một tín đồ Cơ-đốc sùng đạo đã bị một người vô tín hỏi tại sao tin rằng Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết. Người tín đồ già trả lời: "Ấy, một trong những lý do, là tôi đã hầu chuyện với Ngài nửa giờ sáng hôm nay."

Có vài chân lý quý báu liên hệ đến sự sống lại của Đấng Christ.

1) Hoàn thành công việc ở thập tự giá

Một Đấng Christ đã chết đi, không thể là một Đấng Cứu Thế. Sự sống lại của Ngài đã đem lại sự bảo đảm rằng Đức Chúa Trời đã công nhận công trình Cứu chuộc của Chúa trên thập tự giá--" Ngài đã bị nạy vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta" (Rô-ma 4:25). Phao-lô đã nói: "Và nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại, thì đức tin anh em cũng vô ích, anh em còn ở trong tội lỗi mình" (I Cô-rinh-tô 15:17).

Sự chết và sống lại của Đấng Christ là phần cốt yếu của nội dung sách Tin Lành mà thánh Phao lô thuyết giảng: "Hỡi anh em, tôi nhắc lại cho anh em Tin Lành mà tôi đã rao giảng và anh em đã nhận lấy, cùng đứng vững vàng trong đạo ấy, và nhờ đạo ấy, anh em được cứu rồi, miễn là anh em giữ lấy y như tôi đã giảng cho; bằng không, thì anh em dầu có tin cũng vô ích. Vả, trước hết tôi đã dạy dỗ anh em điều mà chúng tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn đến ngày thứ ba, Ngài sống lại, theo lời Kinh Thánh" (I Cô-rinh-tô 15:1-5).

2) Cung cấp bằng chứng về sự sống bên kia mộ địa

Con người, trong suốt các thời đại đã đi tìm những bằng chứng cụ thể về sự bất diệt. Gióp đã kêu to lên rằng: "Nếu loài người chết, có được sống lại chẳng!" (Gióp 14:14). Sự sống lại của Đấng Christ là câu trả lời cho tiếng kêu trải qua suốt bao thế kỷ ấy.

Phao lô đã nói: "Ấy chính Chúa đã cứu chúng ta, đã gọi chúng ta bởi sự kêu gọi thánh, chẳng phải theo việc làm chúng ta, bèn là theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta, trong Đức Chúa Jêsus Christ, từ trước muôn đời vô cùng, mà bây giờ mới bày ra bởi sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta, Ngài đã hủy phá sự chết, dùng Tin Lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng" (II Ti-mô-thê 1:9-10).

Sự sống lại của Đấng Christ bày tỏ rằng sự chết không kết thúc câu chuyện. Bên kia mộ địa, còn có sự sống.

3) Ban lời hứa hẹn và mẫu mực của sự sống lại cho con cái Ngài

Tron I Cô-rinh-tô 15:20, chúng ta có lời ghi chép của Phao-lô rằng: "Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ."

Những trái đầu mùa được dâng lên cho Chúa là lời hứa hẹn và là trái mầu của mùa hái sắp tới. Khi hiến dâng những trái đầu mùa của họ, dân chúng đã bày tỏ rằng, với sự ban phúc lành của Đức Chúa Trời, họ bảo đảm chắc chắn sẽ có một mùa hái, và những trái đầu mùa kia là những trái mầu của mùa hái sắp tới. Ấy vậy, sự sống lại của Đấng Christ là một bảo đảm cho sự sống lại của kẻ chết: "Như trong A-đam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ, mọi người đều sẽ sống lại, nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi tới ngày Đấng Christ đến, những kẻ thuộc về Ngài sẽ sống lại" (I Cô-rinh-tô 15:22-23). "Hỡi sự chết, sự thắng của mày ở đâu?" (I Cô-rinh-tô 15:55).

Sự sống lại của Đấng Christ đã ban hiến một mẫu mực cho sự sống lại của cơ thể: "Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy là từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài" (Phi-líp 3:20-21). Và Giăng nói: "Hỡi kẻ rất yêu dấu, chính lúc bấy giờ chúng ta la con cái Đức Chúa Trời, còn về sự chúng ta sẽ ra thể nào, thì điều đó chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng, khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy" (I Giăng 3:2).

VI. Sự xưng tụng Đấng Christ

Sau khi sống lại, Đấng Christ còn ở lại thế gian bốn mươi ngày. Thỉnh thoảng Ngài lại xuất hiện cùng các môn đồ. Rồi Ngài thăng thiên và ngự bên phải Đức Chúa Trời.

Những câu chót trong sách Tin Lành Lu-ca, đã diễn tả về sự Ngài ngự lên trời: "Kế đó, Ngài đem môn đồ đi đến nơi xung quanh làng Bê-tha-ni, giơ tay lên mà ban phước cho. Đương khi ban phước, Ngài lìa môn đồ mà được đem lên trời" (Lu-ca 24:50-51).

Trong chương đầu của sách Công-vụ-các-sứ-đồ, Lu-ca nhắc lại chỗ đoạn sách Tin Lành đã chấm dứt, và nói tiếp thêm về sự thăng thiên: "Ngài phán bấy nhiêu lời rồi, thì được cất lên trong lúc các người đó nhìn xem Ngài, có một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không thấy nữa" (Công-vụ 1:9).

Nhiên đoạn khác của Kinh Thánh cho chúng ta biết vài điều về những gì đã xảy ra phía bên kia vùng mây: "Cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều

quì xuống, và mọi lưỡi thầy đều xưng Jêsus-Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha" (Phi-líp 2:9-11).

"Còn như Đấng này, đã vì tội lỗi dân chỉ một của lễ, rồi ngồi đời đời bên hữu Đức Chúa Trời" (Ê-phê-rơ 10:12); "Nhìn xem Đức Chúa Jêsus, là cội rễ và cuối cùng của đức tin, tức là Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá, khinh điều sỉ nhục, và hiện nay ngồi bên hữu ngai Đức Chúa Trời" (Ê-phê-rơ 12:2). Bên phải là chỗ ngự của vinh dự và quyền năng. Điều này hợp với những lời Chúa Jêsus phán cùng các môn đồ: "Hết cả quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho ta" (Ma-thi-ơ 28:18).

Đối với môn đồ Đấng Christ, sự xưng tụng Ngài có nghĩa gì?

1) Đấng biện hộ ở nơi Đức Chúa Cha

Có một Đấng ngự bên phải Đức Chúa Trời bênh vực cho chúng ta: "Nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng công bình" (I Giăng 2:1). "Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy" (Ê-phê-rơ 7:25).

Tín đồ Cơ-đốc có hai Đấng cầu thay cho mình: Đức Thánh Linh ở trong lòng và Đấng Christ ngự bên phải Đức Chúa Trời. Phao-lô nói với chúng ta về hai Đấng cầu thay trong chương tám sách Rô-ma: "Đức Thánh Linh lấy sự thở than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta" (câu 26). "Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã chết, và cũng đã sống lại nữa, Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta" (câu 34).

Đấng Christ có thể biện hộ cho ta như thế nào? Ở tòa án thế gian, nhà biện hộ, đứng thay mặt thân chủ, có thể bào chữa, "vô tội"; hoặc "vì không biết luật pháp" Nhưng Đức Chúa Jêsus, nhà biện hộ của chúng ta, không bào chữa về những điều đó. Tất cả chúng ta đều phạm tội và đã phạm tội nhiều lần, và chúng ta đã biết mà vẫn còn vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Chỉ có một lời bào chữa mà Đấng biện hộ cho chúng ta có thể đưa ra, ấy là sự chết để cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá.

2) Một Cứu Chúa tại vì

Nhân ngày lễ Ngũ tuần trong bài thuyết giảng, Phi-e-rơ đã nói: "VẬY, cả

nhà Y-sơ-ra-ên khá biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã tôn Jêsus này, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá, làm Chúa và Đấng Christ" (Công-vụ 2:36).

Có vài điều cần nhớ về sự tại vị của Đấng Christ.

(1) Sự tại vị tuyệt đối: Sự tại vị này không có giới hạn hay bị hạn chế, mà có tánh cách tối thượng và oai quyền. Khi lời Ngài đã phán thì mọi cuộc tranh luận phải chấm dứt.

Ngài là đầu của Hội Thánh. Trong tổ chức, trong hàng chức viên, các nghi lễ, công tác và sứ mạng truyền giảng, Hội Thánh chịu sự lãnh đạo của Chúa là Đấng Christ.

Mỗi tín đồ Cơ đốc chỉ biết có Đấng Christ là Chúa mà thôi. Chúa Jêsus đã phán cùng các môn đồ rằng: "Cũng đừng chịu ai gọi mình là chủ; vì các người chỉ có một Chủ, là Đấng Christ" (Ma-thi-ơ 23:10). Và Ngài lại phán: "Các người gọi ta bằng Thầy Chúa; các người nói phải, vì ta thật vậy" (Giăng 13:13).

(2) Sự tại vị trên toàn khắp vũ trụ

Sự tại vị của Đấng Christ bao gồm toàn thể vũ trụ trên nhiều mặt. Tính cách bao gồm toàn thể này, đạt tới và kiểm soát tất cả mọi lãnh vực của cuộc sống. Người ta không thể nhận chân sự tại vị của Đấng Christ ở một phương diện nào của đời sống mình, và phủ nhận nó ở phương diện khác. Ngài là Chúa trong tất cả mọi lãnh vực. Ngài là Chúa trong đời sống tôn giáo của chúng ta; Ngài là Chúa trong đời sống gia đình ta; Ngài là Chúa trong đời sống hoạt động của ta; Ngài là Chúa trong đời sống xã hội của ta. Ngài là Chúa ngày thứ hai cũng như Ngài là Chúa ngày Chúa nhật. Ngài là Chúa ở trong nhà cũng như Ngài là Chúa ở Thánh đường. Ngài là Chúa trong công việc làm ăn của ta cũng như Ngài là Chúa ở trong tôn giáo. Ngài là Chúa tất cả thời gian và bao giờ Ngài cũng là Chúa cả. Ngài là Chúa ở khắp mọi nơi, và ở nơi đâu Ngài cũng là Chúa cả.

Sự tại vị của Ngài có tánh cách bao trùm mọi quốc gia và mọi dân tộc. Chúa Jêsus, không có đối thủ ở bất cứ nơi nào trên quả đất này. Các đạo giáo có các nhà lãnh đạo và giáo sư của họ, nhưng Đức Chúa Jêsus đứng biệt lập trên tất cả. Ngài chẳng phải chỉ là Chúa của nhân loại mà Ngài chính là Chúa duy nhất của nhân loại. Sự tại vị của Ngài có tánh cách bao quát vì nó

gồm toàn thể vũ trụ. Phao lô đã tuyên bố rằng: "Nghe đến danh Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, thấy đều quì xuống." Ngài là Chúa trên mặt đất, và Ngài là Chúa trên trời. Ngài là Chúa của loài người, và Ngài là Chúa các thiên sứ. Ngài là Chúa của sự hằng sống và Ngài là Chúa của sự chết. Ngài là Chúa ở khắp mọi nơi và của mọi loài.

(3) Sự tại vị cuối cùng

Đấng Christ sẽ là Chúa cho đến ngày tận cùng. Ngài là Chúa hôm nay và sẽ là Chúa ngày mai. Trên thế gian thỉnh thoảng các vị vua chúa bị lật đổ và được thay thế bằng những vị khác. Chẳng bao giờ ai có thể thay thế Đức Chúa Jêsus được. "Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi" (Ê-phê-rơ 13:8).

Tôi có đọc chuyện một người, trên mặt đồng hồ của ông ta thay vì viết số, có mấy chữ: "Đấng Christ là Chúa." Khi người ta hỏi về điều này, ông bèn trả lời: "Như thế nhắc tôi nhớ Đấng Christ là Chúa trong bất cứ thời gian nào."

3) Một vị vua chinh phục

Ê-sai khi tả về Đấng Mê-si sắp đến đã nói: "Người chẳng mòn mỏi, chẳng ngã lòng, cho đến chừng nào lập xong sự công bình trên đất; các cù lao sẽ trông đợi luật pháp người" (Ê-sai 42:4). Và trong I Cô-rinh-tô 15:25, chúng ta đọc: "Vì Ngài phải cầm quyền cho đến chừng đặt những kẻ thù nghịch dưới chân mình." Suốt con đường đi, có thể có những trường hợp dường như thất bại, nhưng cuối cùng Chúa Jêsus sẽ thắng tất cả.

Trong đoạn 19 của sách Khải huyền, Giăng đã mô tả hình ảnh kỳ diệu mà ông được mục kích. Ông thấy trời mở ra và có một Đấng cỡi ngựa bạch. Mặt Ngài như ngọn lửa, và trên đầu Ngài có nhiều mào triều thiên. Ngài mặc áo nhúng trong huyết và theo sau Ngài có những đạo binh trên trời cỡi ngựa bạch và mặc vải gai trắng. Có lưỡi gươm bén ở miệng Ngài ra. Trên áo và trên đùi Ngài có đề: "VUA CỦA CÁC VUA, VÀ CHÚA CỦA CÁC CHÚA."

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Sự Cứu Rỗi Vĩ Đại

"Nếu ta còn trễ nải sự cứu rỗi lớn đường ấy, thì làm sao tránh cho khỏi được?" (Hê-bơ-rơ 2:3).

Trong chương vừa qua, chúng ta đã thảo luận về sự dự bị của Đức Chúa Trời để cứu rỗi loài người bị hư mất, bởi sự ban cho Con Ngài. Đấng Christ trong sự chết cứu chuộc và sự sống lại vinh hiển, đã mở đường cứu rỗi cho tất cả nhân loại. Nhưng thế không nghĩa là tất cả mọi người đều sẽ được cứu. Có vài điều kiện cần thiết trước khi mọi người được cứu.

I. Kinh nghiệm của sự cứu rỗi

Đức Chúa Trời chỉ có một kế hoạch duy nhất để cứu chuộc loài người; "Vả ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời" (Ê-phê-sô 2:8). Sự cứu rỗi là nhờ ân điển Đức Chúa Trời và được thực hiện bởi sự tin Đức Chúa Jêsus Christ, trong lòng mỗi người. Đức Chúa Trời không có kế hoạch cứu rỗi nào khác nữa.

Có người muốn cho chúng ta tin rằng trong suốt thời kỳ Cựu Ước, con người đã được cứu nhờ tuân theo luật pháp. Trong thư gửi cho người Ga-la-ti và những đoạn văn khác, Phao-lô đã đính chánh quan niệm sai lầm ấy. Ông đã tuyên bố: "Dẫu vậy, đã biết rằng người ta được xưng công bình, chẳng phải bởi các việc luật pháp đâu, bèn là cậy đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ... Vì chẳng có ai được xưng công bình bởi các việc luật pháp" (Ga-la-ti 2:16).

Sau đó Phao-lô đã bày tỏ sự Áp-ra-ham và những thánh nhân khác trong Cựu-Ước đã được cứu rỗi bởi sự tuân theo luật pháp: "Như Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, thì đã kể là công bình cho người" (Ga-la-ti 3:6). Chúa Jêsus đã phán: "Cha các ngươi là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta; người đã thấy ngày của ta; người đã thấy rồi, và mừng rỡ" (Giăng 8:56).

Trong Hê-bơ-rơ 11:24-26, chúng ta thấy lời chép về Môi-se như sau: "Bởi đức tin, Môi-se lúc đã khôn lớn, bỏ danh hiệu mình là con trai của công chúa Pha-ra-ôn, đành cùng dân Đức Chúa Trời chịu hà hiếp hơn là tạm hưởng sự vui sướng của tội lỗi".

Những người này đã được cứu bởi đức tin trong Đấng Christ, Đấng sẽ đến cũng như chúng ta được cứu, bởi đức tin trong Christ, Đấng đã đến.

II. Vài Chân Lý Về Sự Cứu Rỗi

Trong sự nghiên cứu cẩn thận và suy nghĩ thấu đáo những lời dạy trong Kinh Thánh, ta cần đặc biệt chú tâm đến một vấn đề quan trọng. Về điểm này nhiều người thường hiểu lầm.

1. Một sự ban cho

" Sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta" (Rô-ma 6:23). Con người không thể mua sự cứu rỗi, cũng như không thể lãnh được nó bởi những công việc làm tốt đẹp của mình: " Vả, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình; vì chúng là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sẵn sàng trước cho chúng ta làm theo" (Ê-phê-sô 2:8-10).

Chúng ta không phải được cứu nhờ những việc làm tốt đẹp, nhưng được cứu để làm việc tốt đẹp. Đó là một bài học khó hiểu đối với con người. Con người đã cố gắng tìm kiếm sự cứu rỗi bằng đức tánh của họ. Nhưng sự cứu rỗi là điều ban cho của Đức Chúa Trời, và không một người nào có thể có được, trừ phi họ bằng lòng nhận đó là một món quà ban tặng.

Nhưng có người sẽ nói: " Phao-lô đã chẳng bảo lấy lòng sợ sệt làm nên sự cứu chuộc mình là gì" (Phi-líp 2:12). Chúng ta nên nhớ rằng những điều này nói với những người đã là tín đồ Cơ-độc trong câu tiếp theo đây, Phao-lô nói: " Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn, vừa làm theo ý tốt Ngài." Đức Chúa Trời tác động bên trong, con người phải tác động bên ngoài.

Việc cũng tỉ như chuyện người cha cho trai mình một miếng ruộng. Miếng ruộng không tốn kém cho người con một tí gì, vì đó là vật người cha đã ban cho. Nhưng người con có thành công trong sự khai thác miếng ruộng không, là tùy ở sự gia công của mình vào đấy. Nếu người con bỏ lơ không săn sóc đến miếng ruộng mình, thì cỏ dại sẽ không sản xuất được gì. Nhưng nếu người con cố gắng trồng trọt, thì mùa gặt hái sẽ được tốt đẹp.

Cùng một lối, sự cứu rỗi là một tặng phẩm của Đức Chúa Trời. Người nhận lãnh không phải hao tốn gì cả. Nhưng sự người ấy có thành công hay

không, trong đời sống của mình, còn tùy thuộc nơi sự đóng góp của anh. Nếu người ấy hờ hững và không chú tâm, thì đời sống thuộc linh của anh nghèo nàn lắm. Nhưng nếu anh cố gắng hết lòng, anh sẽ nhận được phần thưởng dồi dào. Đó là điều Phao-lô muốn bày tỏ khi nói: " Ví bằng công việc của ai xây trên nền được còn lại, thì thợ đó sẽ lãnh phần thưởng. Còn về phần người đó, sẽ được cứu, song dường như qua lửa vậy" (I Cô-rinh-tô 3:14-15).

2. Một từng trải cá nhân riêng-biệt

Lời Đức Chúa Trời ca ngợi giá trị cá nhân cả phẩm cách của nhân vị. Trong kinh nghiệm cứu rỗi, Đức Chúa Trời không tiếp nhận từng gia đình hay đoàn nhóm. Cùng một lúc, có thể có một số người được cứu, nhưng mỗi người phải từng trải sự cứu rỗi của riêng mình. " Như vậy, mỗi người trong chúng ta sẽ khai trình việc mình với Đức Chúa Trời" (Rô-ma 14:12). Đó là lời Phao-lô cảnh cáo các tín đồ Cơ đốc thành Rô-ma.

Và điều này là sự thật, nên có hai chân lý liên hệ cần được nhấn mạnh:

1) Khả năng thông công của linh hồn

Mỗi cá nhân, tự mình có khả năng giao tiếp với Đức Chúa Trời. Điều này có khi được gọi là khả năng thông công của linh hồn. Khi thông công với Đức Chúa Trời, mỗi người không cần có mục sư hay người đỡ đầu nào làm trung gian. Tự cá nhân mình có thể trực tiếp với Ngài không cần có sự giúp đỡ của con người hoặc cơ sở thờ phượng. Mỗi cá nhân chỉ có thể thông công với Đức Chúa Trời cho chính bản thân mình thôi, vì không có ai khác có thể trả lời thay cho mình trước mặt Chúa. Trong tôn giáo không thể có sự uỷ nhiệm. Cha mẹ hay bạn bè có thể giúp cho cá nhân tiến gần Đức Chúa Trời, nhưng không thể thay mặt cá nhân mà trực giao với Ngài.

2) Sự tự do của linh hồn

Cá nhân có quyền thông công với Đức Chúa Trời cho riêng mình, một quyền mà không ai có thể phủ nhận được. Điều này được gọi là sự tự do của linh hồn. Cá nhân phải được tự do để đọc và suy nghiệm lời Đức Chúa Trời cho bản thân mình, và cá nhân có quyền thờ phượng Đức Chúa Trời, thể theo lời kêu gọi của lương tâm mình.

Không một người nào hay một cơ sở nào có quyền đứng giữa một linh

hồn và Đức Chúa Trời, để ngăn cản linh hồn không cho tiến gần Ngài. Nếu một cá nhân phải chịu trách nhiệm cho riêng mình trước Đức Chúa Trời, thì cá nhân ấy phải được tự do gần gũi Ngài cho riêng mình. Người khác có thể giúp cho cá nhân ấy mà không có quyền ngăn cản.

3) Một từng trải gồm ba phần

Sự cứu rỗi gồm có ba phần. Từng trải thứ nhất--Sự tái sanh; kế đến sự từng trải lớn lên--Sự nên thánh; và sự từng trải tuyệt điểm--Sự vinh hiển. Đó là sự cứu khỏi sự trừng phạt của tội lỗi, sự cứu khỏi quyền lực của tội lỗi và cuối cùng là sự cứu khỏi sự hiện diện của tội lỗi. Sự cứu rỗi gồm có ba thời kỳ: Thời kỳ quá khứ, chúng ta đã được cứu--đó là sự tái tạo (Ê-phê-sô 2:5, 8); thời kỳ hiện tại, chúng ta đang được cứu--đó là sự nên thánh (Phi-líp 2:12); thời kỳ tương lai, chúng ta sẽ được cứu--đó là sự vinh hiển (Rô-ma 5:9; 13:11).

4) Một sự cứu rỗi đời đời

Khi một người đã được cứu rỗi thật sự, người ấy được cứu rỗi đời đời. Đức Chúa Jêsus phán rằng: "Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta. Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. Cha ta là Đấng lớn hơn hết đã cho ta chiên đó, và chẳng ai cướp nổi chiên đó khỏi tay Cha" (Giăng 10:27-29).

Về phía con người, sự này được gọi là sự bền gan của các thánh đồ. Về phía Đức Chúa Trời, đó là sự gìn giữ thiêng liêng. Các thánh đồ rất bền gan, và Đức Chúa Trời bảo tồn: "Tôi tin chắc rằng Đấng đã khởi làm việc lành trong anh em, sẽ làm trọn hết, cho đến ngày của Đức Chúa Jêsus Christ" (Phi-líp 1:6); "Là kẻ bởi đức tin, nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời giữ cho, để được sự cứu rỗi gần hiện ra trong kỳ sau rốt!" (I Phi-e-rơ 1:5).

Điều này chẳng những phù hợp với lời hứa của Đức Chúa Trời, mà còn phù hợp với những lời được dùng để mô tả sự cứu rỗi. Đó là một sự tái sanh. Khi một người được cứu, người ấy Được sanh ra từ Đức Chúa Trời. Đó là sự từng trải chỉ có một lần mà thôi. Khi một người tin cậy Đức Chúa Jêsus Christ, người ấy nhận được sự ban cho cuộc sống đời đời: "Ai tin Con thì được sự sống đời đời" (Giăng 3:36). Đã là đời đời thì không thể ngừng nghỉ được, và kéo dài vô tận.

5) Lời kêu gọi xưng nhận nơi công cộng

Chúng ta có lời của Phao-lô như sau: "Vậy nếu miệng người xưng Đức Chúa Jêsus ra và lòng người tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì người sẽ được cứu; vì tin ở trong lòng mà được sự công bình, còn bởi miệng làm chứng mà được sự cứu rỗi" (Rô-ma 10:9-10).

Người ta không biết rằng một người không xưng nhận đức tin của mình nơi Đấng Christ một cách công khai có được cứu hay không. Nhưng có điều rất đúng sự thật là người nào từ chối sự xưng nhận công khai của đức tin mình, người ấy không bao giờ kinh nghiệm được những sự vui thỏa đầy đủ của sự cứu rỗi.

6) Thái độ vâng phục biểu lộ sự cứu rỗi

Đây là lời phán của Chúa chúng ta: "Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta" (Giăng 14:23); và Ngài tiếp: "Còn kẻ nào chẳng yêu mến ta, thì không vâng giữ lời ta; " (câu 24). Và trước giả sách Hê-bơ-rơ nói: "Và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi, thì trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài" (Hê-bơ-rơ 5:9). Sự cứu rỗi được thể hiện bằng thái độ vâng phục.

Sự vâng phục có tính cách vừa thụ động vừa chủ động. Điều này có nghĩa là sự giữ gìn không phạm mọi điều ác, và giữ mình khỏi sự ô uế của thế gian (Gia-cơ 1:27). Điều này còn có nghĩa là sự thực hành những việc tốt đẹp, và hiến dâng đời mình để hầu việc Chúa.

Hai khía cạnh của sự vâng phục đã được bày giải trong sách Rô-ma 12:12: "Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của anh em. Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào."

7) Sự cứu rỗi sẵn dành cho mọi người

Kinh Thánh tuyên bố rằng Đức Chúa Trời "lấy lòng nhịn nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn" (II Phi-e-rơ 3:9); và "Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi, và hiểu biết lẽ thật" (I Ti-mô-thê 2:4).

Vì Đức Chúa Trời thương yêu thế gian, nên Ngài đã ban Con một Ngài xuống thế gian: " Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy, không bị hư mất mà được sự sống đời đời" (Giăng 3:16).

Chính vì để cứu chuộc thế gian mà Đức Chúa Jêsus đã đi đến thập tự giá và chịu chết: Ấy chính Ngài làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta, không những vì tội lỗi của chúng ta thôi đâu, mà cũng vì tội lỗi cả thế gian nữa" (Giăng 2:2).

Đức Chúa Trời đã uỷ thác cho giáo hội đem Tin Lành đến khắp thế gian: "Vậy hãy đi dạy dỗ muôn dân" (Ma-thi-ơ 28:19).

Dân Giu-đa đã chấp nhận chân lý này cách khó khăn. Họ cứ tưởng rằng sự cứu rỗi chỉ dành riêng cho người Giu-đa mà thôi. Khi Phi-e-rơ nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh, đã mang sứ điệp Tin Lành đến nhà Cột-nây, điều này đã gây ra sự phẫn nộ trong giáo hội thành Giê-ru-sa-lem, lúc bấy giờ chỉ gồm toàn những tín đồ người Giu-đa. Nhưng Đức Chúa Trời không thiên vị ai cả. Đối với muôn dân các nước, Ngài không ưa thích riêng ai. Đối với một số người, Ngài ban cho nhiều cơ hội thuận tiện hơn đối với một số người khác, nhưng cơ hội thuận tiện nhiều thì luôn luôn đòi hỏi những trách nhiệm lớn.

III. Giáo thuyết của sự lựa chọn

Giáo thuyết của sự lựa chọn trong Kinh Thánh vốn là một hòn đá đã làm hụt chân nhiều người. Kinh Thánh đã tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã chọn lấy một vài người để cứu rỗi, có khi trước lúc họ ra đời: " Vì, khi hai con chưa sanh ra, chưa làm điều chi lành hay dữ--hầu cho được giữ vững ý chỉ Đức Chúa Trời, là ý định sẵn bởi sự kén chọn tự do của Ngài, chẳng cứ việc làm, nhưng cứ Đáng kêu gọi-- thì có lời phán cho mẹ của hai con rằng: Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau" (Rô-ma 9:11-13).

Trong Ê-phê-sô 1:4-5, ý kiến này được phát biểu mạnh mẽ hơn: "Trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đáng Christ, đặt làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời, bởi sự yêu thương của Ngài đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài bởi Đức Chúa Jêsus Christ, theo ý tốt của Ngài."

Và trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13: " Hỡi anh em yêu dấu của Chúa, còn

nếu chúng tôi, phải vì anh em tạ ơn Đức Chúa Trời không thôi, vì vừa lúc ban đầu, Ngài đã chọn anh em bởi sự nên thánh của Thánh Linh, và bởi tin lễ thật, dâng ban sự cứu rỗi cho anh em." Chúng ta có thể trích dẫn nhiều đoạn Kinh Thánh khác, có bàn đến giáo thuyết của sự lựa chọn. Một giáo thuyết như thế này, có chứng tỏ sự thiên vị của Đức Chúa Trời và sự hủy diệt tự do của cá nhân không? Không ai chối cãi là trong giáo thuyết có điều bí ẩn. Và chắc là không ai đòi một sự giảng giải đầy đủ. Nhưng Kinh Thánh đã ghi chép rằng sự lựa chọn đã căn cứ trên sự biết trước của Đức Chúa Trời: "Vì những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài" (Rô-ma 8:29); "Những người được chọn, theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, và được nên thánh bởi Đức Thánh Linh, dâng vâng phục Đức Chúa Jêsu Christ và có phần trong sự rải huyết Ngài" (I Phi-e-rơ 1:1-2).

Đức Chúa Trời không bị hạn giới bởi thời gian. Với Ngài không có hiện tại, quá khứ và tương lai, nhưng có một sự hằng hữu đời đời. Vì thế sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không thủ tiêu sự lựa chọn tự do của con người. Đức Chúa Trời biết sự chọn lựa của con người sẽ như thế nào. Những đoạn Kinh Thánh trên đây rọi ít ánh sáng vào điểm khó hiểu của giáo thuyết, nhưng không hoàn toàn giải thích nó.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Quyền Năng Đức Thánh Linh

"Nhưng khi Đức Thánh Linh giảng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép " (Công-vụ. 1:8)

Trong Kinh Thánh lời đề cập đầu tiên về Đức Thánh Linh là câu thứ nhì, chương một của Sáng-thế Ký: "Thần của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước." Đức Thánh Linh được nhắc đến trong suốt toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước, và thường được đề cập mỗi khi có vấn đề liên quan bởi ân tứ hay quyền năng.

Đức Thánh Linh đã ban cho con người sự khôn ngoan và khéo léo: "Ta đã làm cho người đầy dẫy thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết để làm mọi thứ nghề thợ" (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:3)

Đức Thánh Linh đã ban phó quyền năng trong trường hợp đặc biệt: "...thấy một con sư tử tơ đến đón găm hết. Thần của Đức Giê-hô-va cảm động Sam-sôn rất mạnh, tuy tay chẳng cầm vật chi, song người xé con sư tử đó như xé con dê con vầy" (Các Quan Xét 14:5-6).

Đức Thánh Linh đã soi dẫn các Đấng tiên tri để rao truyền sứ điệp của Đức Chúa Trời: "Ngài vừa phán cùng ta như vậy, thì thần vào trong ta, làm cho chơn ta đứng lên; và ta nghe Đấng đã phán cùng ta" (Ê-xê-chi-ên 2:2).

Phi-e-rơ đã tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã hướng dẫn những trước giả của Kinh Thánh Cựu Ước: "Nhưng đây là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời" (II Phi-e-rơ 2:21).

Nhưng chính trong Tân Ước chúng ta mới tìm thấy giáo lý đầy đủ về Đức Thánh Linh.

I. Vị cách của Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh là vị cách thứ ba trong ba Ngôi Đức Chúa Trời.

1) Đức Thánh Linh là một vị cách

Danh từ "vị cách" có liên quan đến thuyết "Tam vị nhất thể," không có trong Kinh Thánh. Dĩ nhiên là khi được dùng như thế, tiếng vị cách có một ý nghĩa đặc biệt. Khi chúng ta nói về một người nào, chúng ta nghĩ đến một cá nhân khác biệt với những cá nhân khác. Nhưng khi nói về ba Ngôi trong Tam-vị nhất thể, chúng ta nói về sự phân biệt có tính cách "nội thuộc" trong một Đức Chúa Trời.

Tân sĩ Thần học Mullins nói: "Một vị cách thiêng liêng không kém một cá nhân, đó là một cái gì cao hơn." Tánh chất sự phân biệt trong Ngôi vị Đức Chúa Trời không thể giải thích bằng lý trí bị hạn giới được.

Kinh thánh trình bày Đức Thánh Linh như một Đấng hiện hữu chứ không phải chỉ là một thể lực hay quyền năng, tác động trên thế gian.

(1) Công tác của Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh được thể hiện như một cá nhân đang công tác. Đó là một Đấng chứng nhận, khiển trách, an ủi, dạy dỗ, hướng dẫn, chiến đấu và

giúp đỡ. Những chữ này chỉ có thể dùng cho một cá nhân mà thôi.

(2) Ảnh hưởng hành động con người đối với Đức Thánh Linh

Như một cá nhân, Đức Thánh Linh cũng bị ảnh hưởng bởi hành động của những cá nhân khác. Đức Thánh Linh có thể bị phản đối, làm cho buồn, bị lãng mạ, xúc phạm. Đức Thánh Linh phải là một vị cách mới có thể bị ảnh hưởng bởi hành động của kẻ khác như vậy.

2) Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời

Kinh Thánh chẳng những thể hiện Đức Thánh Linh là một vị cách mà còn là một vị cách thiêng liêng.

(1) Danh hiệu là Đức Chúa Trời: Trong lời trách mắng A-na-nia, Phi-e-ro đã nói: "Sao quỉ Sa-tan đã đầy dẫy lòng ngươi, đến nỗi ngươi nói dối cùng Đức Thánh Linh?" (Công-vụ 5:3). Rồi trong câu sau đó, người nói: "Ấy chẳng phải ngươi nói dối loài người, bèn là nói dối Đức Chúa Trời."

(2) Những danh từ biểu hiệu Đức Chúa Trời đều được qui cho Đức Thánh Linh:

Đức Thánh Linh ở khắp mọi nơi: "Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa" (Thi thiên 139:7). Đức Thánh Linh được diễn tả là một Đấng toàn trí: "Vì Đức Thánh Linh dò xét mọi sự, cả đến sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời nữa" (I Cô-rinh-tô 2:10). Sự toàn năng đã được qui cho Đức Thánh Linh: "Mọi điều đó là công việc của đồng một Đức Thánh Linh mà thôi, theo ý Ngài muốn, phân phát sự ban cho riêng cho mỗi người" (I Cô-rinh-tô 12:11).

3) Đức Thánh Linh được thể hiện như Đấng đang làm công việc của Đức Chúa Trời

Đức Thánh Linh khiến con người nhận biết tội lỗi; Đức Thánh Linh là nguyên động lực của sự tái tạo hay tái sanh. Trong Rô-ma 8:11 sự tái tạo đã được coi là công trình của Đức Thánh Linh. "Lại nếu Thánh Linh của Đấng làm cho Đức Chúa Jê-sus sống lại từ trong kẻ chết ở trong anh em, thì Đấng làm cho Đức Chúa Jê-sus Christ sống lại từ trong kẻ chết cũng sẽ nhờ Thánh Linh Ngài ở trong anh em mà khiến thân thể hay chết của anh em lại sống."

II. Lời hứa về sự hiện đến của Đức Thánh Linh

Trong sự diễn tiến các biến cố của thời Cựu Ước, khi có sự thể hiện của Đức Thánh Linh là có điểm biểu lộ đặc biệt sự có mặt và quyền năng của Ngài. Đức Thánh Linh hiện đến một cách nhất định và ở lại thế gian.

1) Những dự luận trong Kinh Thánh Cựu Ước

Nhiều thế kỷ trước lễ Ngũ tuần, sự giáng lâm của Đức Thánh Linh đã được dự ngôn: "Sau đó, ta sẽ đổ Thần ta trên cả loài xác thịt; con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri; những người già cả các ngươi sẽ thấy chiêm bao, những kẻ trai trẻ các ngươi sẽ xem sự hiện thấy. Trong những ngày đó, dầu những đầy tớ trai và đầy tớ gái, ta cũng đổ Thần ta lên" (Giô-ên 2:28-29). Đến ngày lễ Ngũ tuần trọng đại, Phi-e-rơ đã ghi chép lời dự ngôn này và tuyên bố rằng những điều tiên tri đã được thực hiện theo như những việc xảy ra trong ngày đó (Công-vụ 2:17-18).

2) Lời hứa của Đức Chúa Jêsus

Chính Đức Chúa Jêsus đã hứa chắc chắn về sự hiện đến của Đức Thánh Linh. Trong sứ điệp truyền cho các môn đồ Ngài trái khi giã từ, ở phòng cao, Chúa đã phán: "Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các ngươi một Đấng Yên-ủi khác, để ở với các ngươi đời đời. Tức là Thần lễ thật" (Giăng 14:16-17). "Nhưng Đấng Yên-ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhơn danh ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự" (Giăng 14:26). "Vì nếu ta không đi Đấng Yên-ủi sẽ không đến cùng các ngươi đâu; song nếu ta đi thì ta sẽ sai Ngài đến" (Giăng 16:7). Trong ngày thăng thiên, Chúa phán cùng các môn đồ Ngài rằng: "Còn về phần các ngươi, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao" (Lu-ca 14:49).

III. Sự hiện đến của Đức Thánh Linh

Chúng ta đọc đoạn ghi nhận sự kiện trọng đại này trong Công-vụ-các-sứ-đồ 2:14: "Đến ngày lễ Ngũ tuần, môn đồ nhóm họp tại một chỗ. Thình lình, có tiếng từ trời đến như tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn đồ ngồi. Các môn đồ thấy lưỡi rời rạc từng cái một, như lưỡi bằng lửa hiện ra, đậu trên mỗi người trong bọn mình. Hết thấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói."

Có nhiều điều liên hệ đến sự xuất hiện của Đức Thánh Linh cần được đề cập tới.

1) Một sự kiện nhất định

Sự xuất hiện của Đức Thánh Linh là một điều nhất định như sự giáng sanh của Đức Chúa Jêsus Christ. Sẽ không còn có lễ Ngũ tuần nào nữa, cũng như sẽ không có sự hiện thân nào khác của Con Đức Chúa Trời. Có thể có những sự từng trải về ngày lễ Ngũ tuần, khi con người nam, nữ, đem đời mình qui phục Đức Thánh Linh một cách đầy đủ hơn, những sẽ không bao giờ có một lễ Ngũ tuần như đã xảy ra ở phòng trên. Những người căn cứ vào lễ Ngũ tuần, cho nó có quyền uy của một cuộc ban phúc lành lần thứ nhì, đều đã bị lầm lẫn trong sự nhận định. Lễ Ngũ tuần là sự hiện đến của Đức Thánh Linh, để nhận lấy công việc mình ở thế gian.

2) Chỉ một lần cho muôn đời

Trong lời hứa về sự hiện đến của Đức Thánh Linh, Đức Chúa Jêsus Christ đã phán: "Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng yên ủi khác, để ở với các người đời đời" (Giăng 14:16). Đức Thánh Linh đã đến thế gian gần hai ngàn năm và Ngài sẽ ở lại đây đời đời.

3) Có những dấu hiệu cập theo

Ta cần nhận định những biểu trưng đầy ý nghĩa sau đây:

(1) Tiếng động như gió mạnh thổi ào ào:--(Công-vụ 2:2). Lời ghi chép không nói rằng gió là Đức Thánh Linh. Nhưng sự xuất hiện của Đức Thánh Linh đã được cập theo bởi một tiếng động, như gió mạnh thổi ào ào là một dấu hiệu của Đức Thánh Linh. Chúa chúng ta cũng đã diễn tả Đức Thánh Linh như vậy: "Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động; nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu. Hễ người nào sanh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy"(Giăng 3:8).

Sự biểu trưng của Đức Thánh Linh như trên gợi ý niệm quyền năng. Có một quyền năng lớn lao phi thường trong sự thổi ào ào của gió lốc, một quyền năng làm cây trốc gốc và tòa nhà kiên cố bị phá hủy. Đức Thánh Linh là Thánh Linh của quyền năng.

(2) Lưỡi như lửa: Ở đây cũng thế, tài liệu ghi chép không có nói rằng Đức

Thánh Linh là lửa, nhưng sự xuất hiện của Đức Thánh Linh đã được phụ theo bởi những lưỡi tách rời như ngọn lửa.

Lửa là một nguyên động lực vừa tẩy lọc vừa hủy diệt, kim loại được bỏ vào lửa để cho cặn dơ bị cháy tiêu. Chất cặn dơ bị thiêu hủy thì kim loại còn lại được lọc sạch. Cùng một lối, Đức Thánh Linh thanh lọc đời sống ra khỏi tội lỗi. Khi Đức Thánh Linh đến, tội lỗi phải ra đi.

4) Dem lại những hậu quả cải biến

Hậu quả sự xuất hiện của Đức Thánh Linh có thể tóm tắt trong một chữ quyền năng. Đó là điều Đức Chúa Jêsus phán về ý nghĩa hiện đến của Ngài: "Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lãnh quyền phép," (Công-vụ 1:8). Và đã phán cùng các môn đồ hãy chờ đợi cho đến khi quyền năng ấy xuất hiện. "Còn về phần các người, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao" (Lu-ca 24:49). Sự hiện đến của Đức Thánh Linh đã được đánh dấu bằng một quyền năng kỳ diệu. Đó không phải là quyền năng vật chất mà là quyền năng thần linh.

(1) Quyền năng cải biến: Sự hiện đến của Đức Thánh Linh đã biến đổi những người đàn ông bà đàn bà trong phòng, từ một đám người sợ sệt sau những cánh cửa đóng kín, thành một nhóm can đảm, đã tung cửa chạy ra ngoài những con đường đông đúc của thành phố, để công bố Tin Lành của Chúa bị đóng đinh và đã sống lại.

(2) Quyền năng chỉ giáo: Tập hợp tại thành Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ là dân chúng từ khắp nơi của đế quốc La-mã, nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Đức Thánh Linh đã ban cho các môn đồ quyền năng nói những thứ tiếng đó: "Hết thảy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác nhau theo như Đức Thánh Linh đã ban cho mình nói" (Công-vụ 2:4).

(3) Quyền năng thuyết phục: Đám dân chúng được nghe Phi-e-rơ giảng đã bị thuyết phục về tội lỗi mình: "Chúng nghe bấy nhiêu lời, trong lòng cảm động, bèn hỏi Phi-e-rơ và các sứ đồ khác rằng: Hỡi anh em, chúng ta phải làm chi?" (Công-vụ 2:37).

(4) Quyền năng cứu chuộc: Khi Phi-e-rơ bảo cho họ biết những gì phải làm, họ bèn vâng phục: "Vậy, những kẻ nhận lời đó đều chịu phép báp têm; và trong ngày ấy, có độ ba ngàn người thêm vào Hội Thánh" (Công-vụ 2:41).

IV. Công việc của Đức Thánh Linh

Đức Chúa Jêsus đã phán nhiều điều Đức Thánh Linh sẽ làm. Công trình của Đức Thánh Linh sẽ được thể hiện dưới ba hình thức.

1) Trong cá nhân:

Đức Thánh Linh làm gì trong và cho cá nhân con người?

(1) Sự thuyết phục: Đức Thánh Linh đã thuyết phục cá nhân về tội lỗi. Đức Thánh Linh đã khải thị bản chất và hậu quả của tội lỗi, cùng khiến con người tỉnh ngộ để nhận biết chính mình đã phạm tội trước Đức Chúa Trời thánh khiết.

Đức Thánh Linh dùng nhiều phương pháp để thuyết phục. Có khi Ngài dùng sự rao giảng cách công khai về Tin Lành, như trong ngày lễ Ngũ tuần. Có khi đó là lời chứng nghiệm của kẻ khác như trường hợp của Đa-vít (II Sa-mu-ên 12:13). Có khi là một từng trải ghê gớm như trường hợp tên cai ngục tại thành Phi-líp.

(2) Sự tái tạo: Khi con người đã tự nhận là mình phạm tội thì họ có hai thái độ; họ có thể cứng lòng và chống lại Đức Thánh Linh, hoặc họ có thể mở lòng bởi đức tin để tiếp nhận Đức Thánh Linh. Nếu họ theo từng trải sau, thì Đức Thánh Linh sẽ vào lòng họ để thực hiện một công trình đầy ân điển và biến đổi, gọi là sự tái tạo, hay sự tái sanh.

Con người cũ của tội lỗi bị chết đi, để cho một người mới trong Chúa Jêsus Christ xuất hiện. Người ta có thể không hiểu sự diễn biến xảy ra như thế nào, nhưng người ta có thể kinh nghiệm điều này được. Người mù được Chúa Jêsus làm cho sáng mắt lại đã nói rằng có nhiều điều anh không hiểu về việc này, nhưng có điều anh biết chắc chắn là: "Tôi đã mù mà bây giờ lại sáng" (Giăng 9:25).

Chúa chúng ta đã tuyên bố rằng, kinh nghiệm sự tái tạo là điều cần thiết trước khi người ta có thể vào nước của Đức Chúa Trời: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh lại, thì không được vào nước Đức Chúa Trời" (Giăng 3:5).

(3) Sự nên thánh: "Nên thánh" có ý nghĩa là thánh hoá. Sự Thánh hóa là sự

diễn tiến của nội tâm để trở nên Thánh. Sự Thánh hóa là công trình của Đức Thánh Linh: "Nên thánh bởi Đức Thánh Linh" (Rô-ma 15:16).

Sự thuyết phục là công trình của Đức Thánh Linh khi Ngài đến gõ cửa lòng; sự tái tạo là công trình của Đức Thánh Linh khi Ngài nhập vào lòng bằng cửa đức tin đã mở; sự Thánh hóa là công trình của Đức Thánh Linh khi Ngài ngự trong lòng.

Sự Thánh hoá là sự lớn lên trong đời sống tín đồ Cơ đốc, và cũng như sự lớn lên cơ thể, sự Thánh hóa được diễn tiến một cách tuần tự. Nó bắt đầu bằng sự tái tạo và kết thúc bằng sự vinh hiển. Có nhiều người lớn lên mau hơn những người khác, lại có nhiều người lớn cao hơn những người khác, nhưng nếu nói về đời sống thông thường của mỗi người, thì có một sự lớn lên và phát triển thuộc linh. Sự lớn lên này sẽ tương xứng với sự đầy đầy Thánh Linh trong lòng và trong đời sống.

(4) Sự yên ủi: Đức Thánh Linh là Đấng Yên ủi vĩ đại của lòng người. Khi Chúa Jêsus phán cùng các môn đồ rằng Ngài phải giã từ họ, thì lòng họ tràn ngập sự buồn rầu: "Nhưng vì ta đã nói những điều đó cho các ngươi, thì lòng các ngươi chứa chan sự phiền não" (Giăng 16:6). Nhưng Ngài đã hứa chắc với họ rằng Đấng Yên ủi sẽ đến và đem lại sự bình an, vui vẻ cho họ: "Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban các ngươi một Đấng Yên ủi khác, để ở với các ngươi đời đời, tức là Thần lễ thật." (Giăng 14:16-17). Ấy vậy, một phần công trình của Đức Thánh Linh là đem lại nguồn an ủi cho những quả tim đau khổ.

(5) Sự soi sáng: Đức Thánh Linh khai thị lẽ thật cho trí và lòng của người tin nhận Ngài. Ngài là một giáo sư vĩ đại. Đức Chúa Jêsus đã phán: "Lúc nào Thần lễ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật," (Giăng 16:13).

Đức Thánh Linh soi sáng cho đầu óc tín đồ, để họ có thể hiểu được chân lý của lời Đức Chúa Trời: "Vả, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự rồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng" (I Cô-rinh-tô 2:14). Kinh Thánh thật ra là một quyển sách, không phải dành cho những kẻ chẳng có Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

(6) Sự cầu xin hộ: Như đã trình bày, người tín đồ Cơ đốc có hai Đấng cầu

thay cho mình: Đấng Christ ở bên tay phải của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh ở trong lòng. Trong Rô-ma 8:26-27, công việc cầu thay của Đức Thánh Linh đã được đề cập đến như sau: "Cũng một lẽ ấy, Đức Thánh Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin dâng cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đức Thánh Linh lấy sự thở than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta. Đấng dò xét lòng người hiểu biết ý tưởng của Thánh Linh là thể nào, vì ấy là theo ý Đức Chúa Trời mà Ngài cầu thể cho các thánh đồ vậy." Với hai Đấng cầu thay, một ở trên trời và một ở thể gian, người tín đồ Cơ đốc đã được bảo vệ mạnh mẽ.

Công trình của Đức Thánh Linh trong đời sống các tín đồ, đã được tóm tắt trong danh hiệu đặt ra cho Ngài--Paraclete. Đó là chữ nguyên gốc Hy-lạp Parakletos có nghĩa là gọi đến bên cạnh, nói rộng ra là người giúp đỡ. Đức Thánh Linh là Đấng giúp đỡ cho tín đồ Cơ đốc trong mọi nhu cầu hằng mong.

Danh hiệu "Paraclete" đặt cho Đức Thánh Linh thể theo trước bản của Giăng. Trong bản Kinh Thánh được công nhận, danh từ này được dịch ra Anh-ngữ bằng một chữ đồng nghĩa với "Đấng Yên ủi" trong tiếng Việt. Ngôn ngữ thế giới không có tiếng nào diễn đạt hết ý nghĩa của danh từ Hy-lạp nói trên. Đức Thánh Linh bao gồm ý nghĩa của những chữ đã được dùng để diễn tả, và còn hơn thế nữa. Ngài là Đấng chỉ giáo, hướng dẫn, yên ủi, cầu thay. v.v... Ngài thỏa mãn mọi nhu cầu của tín đồ Cơ đốc.

2) Trong giáo hội

Kinh Thánh cho ta biết rằng Đức Thánh Linh ngự trong Hội Thánh. Vì thế Hội Thánh được gọi là đền thờ của Đức Thánh Linh. Nói với giáo hội ở Cô-rinh-tô Phao lô đã viết: "Anh em há chẳng biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong anh em sao?" (I Cô-rinh-tô 3:16). Và nói với người Ê-phê-sô ông đã viết: "Anh em cũng nhờ Ngài mà được dự phần vào nhà đó, đang trở nên nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh" (Ê-phê-sô 2:22).

Vậy công việc Đức Thánh Linh trong giáo hội là gì? Có nhiều điều cần được ghi nhận văn tắt sau đây.

(1) Xây dựng: "Ấy vậy, Hội Thánh trong cả xứ Giu-đê, xứ Ga-li-lê và xứ Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, gây dựng và đi trong đường kính sợ Chúa,

lại nhờ Đức Thánh Linh vừa giúp, thì số của Hội được thêm lên" (Công-vụ 9:13). Đức Thánh Linh đã gây dựng Hội Thánh.

(2) Hướng dẫn: "Đương khi môn đồ thờ phượng Chúa và kiêng ăn, thì Đức Thánh Linh phán rằng: "Hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lơ đứng làm công việc ta đã gọi làm" (Công-vụ 13:2). "Ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta đã ưng rằng chẳng gán gánh nặng nào khác cho anh em ngoài những điều cần dùng" (Công vụ 15:28). Ấy vậy, Đức Thánh Linh đã hướng dẫn Hội Thánh ở An-ti-ốt để phát động một công cuộc truyền giáo vĩ đại và hướng dẫn giáo hội thành Giê-ru-sa-lem giải quyết một vấn đề khó khăn.

(3) Ban cho các ân tứ: Ta hãy nghe lời Phao lô nói với Hội Thánh ở Cô-rinh-tô: "Vả, có sự ban cho khác nhau, nhưng chỉ có một Đức Thánh Linh... Đức Thánh Linh tỏ ra trong mỗi một người, cho ai nấy đều được sự ích chung. Vả, người này nhờ Đức Thánh Linh, được lời nói khôn ngoan; kẻ kia nhờ một Đức Thánh Linh ấy, cũng được lời nói trí thức. Bởi một Đức Thánh Linh, cho người này được đức tin, cũng bởi một Đức Thánh Linh ấy, cho kẻ kia được ơn chữa tật bệnh; người thì được làm phép lạ; kẻ thì được nói nhiều thứ tiếng khác nhau, người thì được thông giải các thứ tiếng ấy. Mọi điều đó là công việc của đồng một Đức Thánh Linh mà thôi, theo ý Ngài muốn, phân phát sự ban cho riêng cho mỗi người" (I Cô-rinh-tô 14:4,7-11).

(4) Ban quyền năng để hầu việc: "Nhưng khi Đức Thánh Linh giảng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép," (Công-vụ 1:8). Đó là lời của Chúa sống lại hứa cùng các môn đồ Ngài. Nhờ có quyền năng của Đức Thánh Linh mà Hội Thánh đầu tiên đã thắng tiến và chiến thắng. Không có Đức Thánh Linh, Hội Thánh là một tổ chức rời rạc và vô hiệu.

3) Trong thế gian:

Nói về công trình của Đức Thánh Linh, Chúa Jê-sus đã phán: "Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi vì họ không tin ta; về sự công bình và về sự phán xét. Về tội lỗi vì họ không tin ta; về sự công bình vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa; về sự phán xét vì vua chúa thế gian này đã bị đoán xét" (Giăng 16:8-11).

Nói "thế gian" là Đức Chúa Jê-sus muốn nói đến thế gian xấu xa và vô tín. Gia-cơ cũng đã dùng lời này khi người nói: "Hỡi bọn tà dân kia, anh em há chẳng biết làm bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời

hay sao? Cho nên, ai muốn làm bạn với thế gian, thì người ấy trở nên kẻ nghịch thù của Đức Chúa Trời vậy" (Gia-cơ 4:4). Và đó cũng là lời của Giảng khi nói: "Chớ yêu thế gian, cũng đừng yêu các vật ở thế gian nữa; nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Trời chẳng ở trong người ấy" (I Giăng 2:15).

Chữ "tự cáo" cũng dịch là thuyết phục hay khiển trách. Nó mang ý nghĩa thuyết phục bằng cách trưng bày chứng cứ. Đức Thánh Linh tự cáo thế gian về ba điều:

(1) Tự cáo về tội lỗi: "Về tội lỗi vì họ không tin ta." Đức Thánh Linh thuyết phục thế gian về sự hiển nhiên của tội lỗi và về bản chất của nó. Ngài bày tỏ rằng, tội lỗi lớn nhất trong các tội, là sự vô tín. Đức Chúa Jêsus đã không phán: "Về tội lỗi vì chúng ta là những kẻ tà dâm, sát nhân, say sưa", những "vì chúng nó không tin nơi ta." Đó là tội lỗi mà thế giới thời bấy giờ phạm phải mà thế gian ngày nay cũng mắc vào.

(2) Thuyết phục về sự công nghĩa: "Về công bình vì ta sẽ đi về cùng Cha, và các ngươi sẽ chẳng thấy ta nữa." Các nhà lãnh tụ Do-thái đã lên án Đức Chúa Jêsus là kẻ phạm tội: "Chúng ta biết người đó là kẻ có tội" (Giăng 9:24). Đức Chúa Jêsus đã xưng nhận mình là công nghĩa: "Trong các ngươi, có ai bắt ta thú tội được chăng?" (Giăng 8:46). Sự sống lại và trở về cùng Đức Chúa Cha của Ngài, là một bằng chứng về sự công nghĩa của Ngài.

Không ai có thể xưng mình là công nghĩa, vì tất cả đều đã phạm tội. Bởi sự chết đền tội, sự sống lại và trở về cùng Cha, Đấng Christ đã ban sự công nghĩa cho người tin tưởng: "Nhưng hiện bây giờ, sự công bình của Đức Chúa Trời, mà luật pháp và các đấng tiên tri đều làm chứng cho, đã được bày tỏ ra ngoài luật pháp: tức là sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi sự tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, cho mọi người nào tin" (Rô-ma 3:21-22); "Và được ở trong Ngài, được sự công bình, không phải công bình của tôi bởi luật pháp mà đến, bèn là bởi tin đến Đấng Christ mà được, tức là công bình đến bởi Đức Chúa Trời và đã lập lên trên đức tin" (Phi-líp 3:9).

(3) Thuyết phục về sự phán xét: "Về sự phán xét vì vua chúa thế gian này đã bị đoán xét," Tội lỗi đem lại sự phán xét. Điều này đã được chứng minh bởi sự phán xét Sa-tan, vua chúa thế gian này. Ở Thập tự giá nó tưởng đã thu lượm được chiến thắng vẻ vang nhất. Nhưng tình thế lại thay đổi thành một thất bại chua cay nhất. Ở đó nó đã bị xét xử và kết án.

Nếu kẻ ngự trị thế gian này đã bị kết tội, thì những ai ở thế gian này chắc chắn sẽ bị phán xét. Phao lô khi đứng trước mặt Phê-lít, "Nói về sự công bình, sự tiết độ và sự phán xét ngày sau" (Công -vụ 24:25).

V. Thành quả của Đức Thánh Linh:

Nếu Đức Thánh Linh ngự trong đời sống, sự hiện diện của Ngài sẽ được thể hiện bằng vài đức tính và ân tứ mà chỉ có Đức Thánh Linh mới tạo ra được. Phao lô gọi đó là những thành quả của Đức Thánh Linh: "Nhưng trái của Thánh Linh ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ" (Ga-la-ti 5:22). Đó cũng tỉ như cây nho với ba chùm nho khác nhau.

1) Sự thành quả trong đời sống nội tại

Chùm nho thứ nhất là sự thể hiện trong đời sống nội tâm--tình yêu thương, niềm vui mừng và sự bình an. Tình yêu thương đề cập đến ở đây không phải là thứ tình cảm thường được mạng danh là tình yêu. Đó là một cái gì sâu xa hơn, rộng rãi hơn, cao cả và vĩ đại hơn. Đó là nguyên lý chỉ đạo căn bản cho đời sống, một cái gì chỉ có Thánh Linh Đức Chúa Trời mới có thể tạo nên được.

Đi với tình yêu thương có sự vui mừng. Sự vui mừng ở đây rất khác với sự khoái lạc. Sự khoái lạc tùy thuộc những điều kiện bên ngoài còn nỗi vui mừng tuôn tràn từ quả tim, biệt lập với những điều kiện ngoại tại. Thế gian có thể cho sự khoái lạc mà không thể cho được niềm vui.

Rồi đến sự bình an. Khi Đức Thánh Linh ngự trong lòng, Ngài đem lại sự bình an--sự bình an cho lương năng đã biết nỗi đau đớn gây nên bởi tội lỗi, sự bình an cho tâm lòng đã từng bị tan vỡ, sự bình an cho tâm hồn đã từng bị khuấy động.

2) Sự thành quả trong đời sống ngoại tại

Chùm nho thứ nhì là thành quả được thể hiện trong đời sống bên ngoài--sự nhịn nhục, hiền hoà và nhân hậu. Sự nhịn nhục có nghĩa là sự chịu đựng một cách bình tĩnh nổi bất công. Đó là khả năng nhận lấy sự đối xử tệ ác mà không trả thù, tiếp xúc với những phần tử quá khích mà không giận tức, dằn lòng trước mọi sự lạm dụng và phi báng.

Rồi đến sự hiền hòa. Đó là một bước đi quá sự kiên tâm. Sự kiên tâm có tính cách thụ động; nó đứng yên một chỗ. Sự hiền hòa có tính cách chủ động; đó là sự hành động để giúp đỡ người khác. Sự hiền hòa thắng lợi, trong khi sự hung ác bị thất bại.

Tiếp theo sự hiền hòa là lòng nhân hậu. Đó là một ân tứ gồm có hai phương diện: Lòng nhân hậu có nghĩa là sự thanh khiết của đời sống và sự quên mình để giúp người. Lòng nhân hậu còn cao hơn sự hiền hòa. Sự hiền hòa giúp người trong lúc cần đến, còn lòng nhân hậu tự tạo ra những cơ hội để giúp đỡ. Lòng nhân hậu là sự công nghĩa đang tác động.

3) Sự thành quả trong bản ngã

Chùm nho thứ ba là thành quả được thể hiện trong bản ngã cá nhân--sự trung tín, ôn hòa và tiết chế. Sự trung tín có nghĩa là sự trung thành, lòng trung trực--trung trực với con người và trung trực với Đức Chúa Trời.

Sự ôn hòa không có nghĩa là sự mềm yếu. Đức Chúa Jêsus đã có thái độ ôn hòa nhưng Ngài không mềm yếu. Sự ôn hòa là điều trái ngược với tinh thần: kiêu ngạo, khoác lác và không bao dung.

Tiếp theo sự ôn hòa là sự tiết chế. Có bao giờ con người tự kiềm chế mình? Con người đã vật lộn với những thèm muốn, dục vọng và xu hướng làm điều ác của chính bản tính mình, và đã đi đến chỗ thất bại. Thánh Linh Đức Chúa Trời là quyền năng duy nhất ở thế gian có thể làm cho con người tự chủ được.

VI. Phản ứng của con người trước Đức Thánh Linh

Kinh Thánh Tân Ước đã ghi chép nhiều thái độ con người có thể có, để đáp lại Đức Thánh Linh.

1) Con người có thể nghịch với Đức Thánh Linh

Đó là chữ Ê-tiên đã dùng khi ngỏ lời với những kẻ đã phản đối trách vụ ông: "Hỡi những người cứng cổ, lòng và tai chẳng cắt bì kia! các người cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài; tổ phụ các người thế nào thì các người cũng thế ấy" (Công-vụ 7:51). Đó là thái độ của kẻ vô tín, lòng dạ cứng rắn chống lại với Đức Thánh Linh. Và người tín đồ Cơ đốc đôi khi cũng phạm

tội chống lại Đức Thánh Linh, khi họ từ chối không theo sức thúc đẩy mà Đức Thánh Linh đã đặt trong lòng họ.

2) Con người có thể khinh lờn Đức Thánh Linh

Đó là chữ ông Moffatt (một dịch giả Kinh Thánh) dùng để dịch Hê-bơ-rơ 10:29: "Lại khinh lờn Đức Thánh Linh ban ơn." Chữ này đã được dùng bởi những kẻ mà Đức Thánh Linh đã tác động mãnh mẽ. Nó cũng gần giống như tội lỗi không thể tha thứ được. Những kẻ phạm tội khinh miệt Đức Thánh Linh là những kẻ đã chối bỏ Ngài một cách vô cớ và ngạo mạn, và đã đặt Ngài ra ngoài đời sống của họ.

3) Con người có thể làm buồn Đức Thánh Linh

Phao lô khi viết cho các tín hữu Cơ đốc đã dùng chữ này: "Anh em chớ làm buồn cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời, vì nhờ Ngài mà anh em được ấn chứng đến ngày cứu chuộc" (Ê-phê-sô 4:30). Dĩ nhiên là Đức Thánh Linh bị buồn phiền bởi những kẻ vô tín khi họ chống đối lại Ngài, nhưng Ngài lại cũng bị buồn phiền bởi những tín đồ Cơ đốc khi họ hờ hững và không vâng phục. Đó là hình ảnh của người cha bị buồn phiền bởi một đứa con ngỗ nghịch và cứng đầu.

4) Con người có thể dập tắt Đức Thánh Linh

Phao lô ngõ lời cùng các tín hữu ở Ê-phê-sô, đã dùng chữ này: "Chớ dập tắt Đức Thánh Linh" (I Ê-phê-sô 5:19). Hình ảnh này tượng trưng sự dập tắt lửa bằng cách đổ nước lên trên. Đức Thánh Linh đã được diễn tả như lửa. Sự hiện đến của Đức Thánh Linh trong ngày lễ Ngũ tuần đã được tòng thuộc bởi những cái lưỡi như ngọn lửa. Đức Thánh Linh nhen nhúm ngọn lửa tình yêu thương và nhiệt thành trong lòng mọi tín đồ Cơ đốc. Con người có thể dập tắt Đức Thánh Linh bởi sự dửng dưng, hờ hững và bất tuân của họ.

5) Con người có thể được đầy dẫy Đức Thánh Linh

Đó là điều lý tưởng mà Phao lô đã khuyến khích, các tín hữu người Ê-phê-sô: "Đừng say rượu, vì rượu xui cho luông tuồng; nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh" (Ê-phê-sô 5:18). Có điểm khác biệt giữa sự có Đức Thánh Linh và đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Mỗi tín đồ Cơ đốc đều có Đức Thánh Linh: "Song nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ thì người ấy chẳng thuộc về Ngài" (Rô-ma 8:9). Chính sự hiện đến của Đức Thánh Linh trong lòng, và quyền năng tái tạo của Ngài đã dựng nên một tín đồ Cơ đốc. Tuy nhiên người ta có thể có Đức Thánh Linh, mà không được đầy dẫy Đức Thánh Linh. Người ta có thể là một tín đồ Cơ đốc, mà không phải là một tín đồ Cơ đốc đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Một tín đồ Cơ đốc ví như một thùng đựng nước. Đấng Christ đã phán về Sau-lơ ở Tạt-sơ: "Vì ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta" (Công-vụ 9:15). Và A-na-nia đã nói dùng Sau-lơ: "Chúa là Jêsus này, đã hiện ra cùng anh trên đường anh đi tới đây, đã sai tôi đến, hầu cho anh được sáng mắt lại và đầy Đức Thánh Linh" (Công-vụ 9:17).

Một thùng chứa nước muốn được đầy dẫy nước trong, trước khi nó được trút bỏ nước đục, và trước khi một tín đồ Cơ đốc được đầy dẫy Đức Thánh Linh, họ phải trút bỏ--trút bỏ bản ngã, trút bỏ tội lỗi, trút bỏ tất cả những gì không hòa hợp với Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Một người không thể cầm giữ vật gìn không thánh khiết mà được đầy dẫy Đức Thánh Linh.

(2) Đầu phục: Trước khi một thùng chứa được đầy nước, người ta phải có thùng ấy, và một tín đồ Cơ đốc không thể đầy dẫy Đức Thánh Linh cho đến khi nào họ hoàn toàn qui phục Đức Thánh Linh.

Chúng ta thử lấy ví dụ khác. Một người kia có một cái nhà cho thuê. Nhưng có vài vật mà anh muốn giữ lại trong nhà. Anh bèn để những vật ấy vào trong một cái phòng, khoá cửa lại bỏ chìa khóa vào túi. Anh nói với người thuê nhà: "Ông có thể sử dụng tất cả nhà, trừ cái phòng này, tôi để dành riêng cho tôi."

Đó là cách đối xử của một số người đối với Đức Thánh Linh. Có một điều gì trong đời sống họ mà họ không muốn trút bỏ. Có một cái phòng mà họ không muốn nhường lại. Nếu họ đóng cửa phòng đó, và nói với Đức Thánh Linh: "Ngài có thể có tất cả đời tôi trừ một cái phòng tôi đã dành riêng cho tôi." Người này không thể nào có được sự đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Đấng Christ Xây Dựng Hội Thánh

"Ta sẽ lập Hội Thánh ta trên đá này" (Ma-thi-ơ 16:18)

Nơi nào công trình của Chúa cần được thực hiện, sau khi Ngài từ giã thế gian, Chúa đều có dự bị sẵn. Ngài đã lập Hội Thánh (Ma-thi-ơ 16:18) và đã sai Đức Thánh Linh xuống để ban quyền phép cho Hội Thánh (Giăng 15:26). Điều này có nghĩa là Hội Thánh là một tổ chức thiên thượng, được cửu mang, hoạch định và ủy nhiệm bởi Đức Chúa Trời.

Danh từ "Hội Thánh" đã được dùng trong Kinh Thánh Tân Ước với hai nghĩa. Danh từ này thường chỉ một giáo hội địa phương, nhưng trong vài trường hợp lại chỉ toàn thể tín đồ. Trong chương này, chúng ta thảo luận về Hội Thánh như là một giáo hội địa phương, nhưng tuy vậy, hai nghĩa của danh từ không luôn luôn được phân định rõ rệt.

I. Tính Chất Của Hội Thánh:

Hội Thánh là gì? Trong Kinh Thánh Tân Ước, danh từ này không bao giờ được dùng để chỉ một cơ sở vật chất. Và nó cũng không có nghĩa là một tổ chức quốc gia, hoặc có tính cách phổ thông khắp thế giới. Theo nghĩa địa phương, thì danh từ Hội Thánh có thể được định nghĩa vắn tắt là một đoàn thể các tín đồ đã chịu phép báp têm, tình nguyện hợp tác trong những giao thiệp có tính cách thế ước, và tổ chức thể theo mẫu mực do Kinh Thánh Tân Ước qui định, cùng sống trong sự vâng phục Đấng Christ là nhà lãnh đạo tối thượng của Hội.

Theo định nghĩa vắn tắt này, vài đặc tính của Hội Thánh chân chính đã được nêu ra. Đó là một đoàn thể. Tiếng Hy Lạp chỉ Hội Thánh có nghĩa là gọi ra ngoài. Nguyên sơ danh từ này đã chỉ sự tập hợp dân chúng được gọi ra khỏi nhà và sở làm của họ, để tham gia những lợi ích công cộng.

Chúa chúng ta đã dùng chữ " Hội Thánh" để chỉ đoàn thể gồm các môn đồ Ngài. Họ là những người đã được gọi ra ngoài. Nhưng không phải mỗi đoàn thể dân chúng nào cũng là một Hội Thánh là đoàn thể của những người tin Chúa.

Chỉ có những người tin Chúa mới là hội viên của Hội Thánh. Nhưng không phải đoàn thể những người tin Chúa nào , cũng lập thành Hội Thánh.

Phải là đoàn thể của những người tin Chúa đã chịu phép báp têm.

Kinh Thánh Tân Ước chỉ chép Hội Thánh của những người tin Chúa đã làm phép báp têm. Nhưng không phải mỗi đoàn thể những người tin Chúa đã làm phép báp têm nào cũng có thể được gọi là Hội Thánh. Phải là một đoàn thể tổ chức theo mẫu mực đã qui định trong Kinh Thánh Tân Ước. Tuy nhiên, một Hội Thánh chân chính còn đòi hỏi nhiều điều hơn thế nữa.

Hội Thánh là một đoàn thể những người tin Chúa đã làm phép báp têm, tình nguyện hợp tác trong những giao thiệp có tính cách thể ước, thể theo mẫu mực do Kinh Thánh Tân Ước qui định và nguyện vọng vâng phục Đấng Christ, vị lãnh đạo tối cao của Hội. Một Hội Thánh chân chính là một cơ thể hoạt động, một tổ chức hành động.

1) Một cơ quan hằng sống

Một trong những hình ảnh gợi ý nhất đã được dùng để chỉ Hội Thánh là hình ảnh của một cơ thể mà Đấng Christ là đầu não: "Ngài đã bắt muôn vật phục dưới chân Đấng Christ và ban cho Đấng Christ làm đầu Hội Thánh. Hội Thánh là thân thể của Đấng Christ" (Ê-phê-sô 1 22:33). "Chính Ngài là đầu của thân thể tức là Hội Thánh" (Cô-lô-se 1:18). "Vả, như trong một thân chúng ta có nhiều chi thể, và các chi thể không làm một việc giống nhau, thì cũng vậy, chúng ta là nhiều người mà hiệp nên một thân trong Đấng Christ, và hết thảy chúng ta đều là các phần chi thể của nhau" (Rô-ma 12:4-5).

Hình ảnh Hội Thánh là cơ thể của Đấng Christ, đã được mô tả đầy đủ hơn, trong I Cô-rinh-tô 12 12-27. Vì cơ thể gồm có nhiều bộ phận nhỏ lớn khác nhau và không cùng một nhiệm vụ, nhưng cả thảy đều cùng hoạt động chung nhau, cho nên Hội Thánh cũng gồm nhiều hội viên, không cùng một tuổi tác và khả năng nhưng đều chung làm việc dưới sự lãnh đạo của Đấng Christ.

Điều này có nghĩa là Hội Thánh hơn cả một tổ chức; đó là một cơ quan, một cái gì hằng sống. Là cơ thể của Đấng Christ, Hội Thánh là môi giới để Đấng Christ thực hiện công trình Ngài thể gian.

2) Đền thờ thuộc linh

Nói với Hội Thánh ở Cô-rinh-tô, Phao lô đã viết: "Anh em há chẳng

biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong anh em sao?" (I Cô-rinh-tô 3:16). Trong Kinh Thánh Cựu Ước, chúng ta có đền thờ làm bằng vật liệu, đền thờ xây cất bằng gỗ và đá. Trong Kinh Thánh Tân Ước chúng ta có đền thờ thiêng liêng làm bằng đá hằng sống, những con người nam và nữ đã được cứu chuộc: " Và anh em cũng như đá sống, được xây nên nhà thiêng liêng" (I Phi-e-rơ 2:5).

Đền thờ vật chất đã được xây cất để làm chỗ ngự cho Đức Chúa Trời.

Về đền thờ mà mình đã xây dựng, Sa-lô-môn đã nói: " Đức Giê-hô-va đã phán rằng, Ngài sẽ ngự trong nơi tối tăm. Nhưng tôi đã cất một cái đền cho Chúa trú ngụ, một nơi cho Chúa ở đời đời" (II Sử ký 6: 1-2).

Đức Chúa Trời đã hứa rằng Ngài sẽ ngự trong đền thờ này : " Bấy giờ có lời của Đức Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng. Về nhà này mà người đang xây cất , nếu người vâng theo các luật lệ ta, noi theo các mạng lệnh ta, giữ và đi mạng lệnh ta, giữ và đi trong hết thảy các điều răn của ta, thì ta sẽ vì người làm hoàn thành lời ta đã hứa cùng Đa-vít, cha người. Ta sẽ ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên, chẳng hề bỏ Y-sơ-ra-ên, là dân ta" (I Các vua 6:11-13).

Vì là nơi ngự của Đức Chúa Trời, đền thờ phải được giữ gìn một cách thánh khiết. Ở Giê-ru-sa-lem, Đức Chúa Jêsus đã có dịp tẩy uế đền thờ hai lần. Chắc chắn rằng Ngài cũng nhiệt thành gìn giữ đền thờ thuộc linh của Ngài thánh khiết: " Ví có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, chính anh em là đền thờ" (I Cô-rinh-tô 3:17).

Trong đền thờ thời Cựu Ước, có một số người được đặc trách làm thầy tế lễ, phục sự trước mặt Chúa. Đó là một đặc ân mà chỉ có một số được hưởng. Nhưng trong Hội Thánh thời Tân Ước, tất cả đều là những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời: " Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời" (I Phi-ơ-rơ 2:9); "...và làm cho chúng ta nên nước Ngài, nên thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha Ngài" (Khải huyền 1:6).

Một trong những công việc của thầy tế lễ là dâng của lễ thiêng liêng. Vì thế Phi-ơ-rơ đã nói: " Và anh cũng như đá sống, được xây nên nhà thiêng liêng, làm chức tế lễ thánh, dâng dâng của tế lễ thiêng liêng, nhờ Đức Chúa Trời" (I Phi-ơ-rơ 2:5). Sự dâng của lễ trong một đền thờ thuộc linh là sự dâng tế lễ thiêng liêng. Sự dâng tế lễ đó có những gì?

(1) Sự dâng hiến một tấm lòng đã tan vỡ và hối hận

Đa-vít đã nhận chân rằng: " Vì Chúa không ưa thích của lễ, bằng vậy, tôi chắc đã dâng; Của lễ thiêu cũng không đẹp lòng Chúa: Của lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm thần đau thương; Đức Chúa Trời ôi! Lòng đau thương thống hối Chúa không khinh dễ đâu" (Thi-thiên 51:16-17). Chúa không nhận của lễ nào khác đâu, cho đến khi có sự hiến dâng một tấm lòng tan vỡ và ăn năn.

(2) Sự dâng hiến lời ngợi khen

Trong Hê-bơ-rơ 13:15, chúng ta có đoạn khuyến cáo này: " Vậy, hãy cậy Đức Chúa Jêsus mà hằng dâng tế lễ bằng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miệng xứng danh Ngài ra."

(3) Sự hiến dâng những hành động tốt đẹp

Tiếp theo, cũng trong Hê-bơ-rơ 13:16, chúng ta đọc; " Chớ quên việc lành và lòng bố thí, vì sự tế lễ dường ấy đẹp lòng Đức Chúa Trời."

(4) Sự hiến dâng trọn vẹn cuộc đời

Một trong những câu Kinh Thánh quen thuộc là Rô-ma 12:1 : " Vậy, hỡi anh em tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của anh em."

II. Sự tổ chức một Hội Thánh

Những mẫu mực tổ chức một Hội Thánh theo Kinh Thánh Tân Ước như thế nào? Có hai đặc điểm chính yếu:

(1) Sự gia nhập tình nguyện

Một Hội Thánh gồm có những người tình nguyện gia nhập. Không có ai là hội viên củ hội Thánh khi sanh ra. Và không có ai được đưa vào Hội Thánh trái với ý muốn của họ. Mỗi người tự ý lựa chọn và quyết định. Kẻ khác có thể tìm cách gây ảnh hưởng và giúp đỡ trong sự lựa chọn, nhưng sự quyết định tùy thuộc mỗi người.

(2) Sự bình đẳng về đặc ân

Trong một Hội Thánh mỗi tín hữu có quyền lợi và đặc ân bằng nhau. Người già, người trẻ, kẻ giàu người nghèo, người có học hay dốt nát, đều được hoàn toàn bình đẳng. Một vài người, nhờ khả năng và sự trau luyện sẽ trở nên bậc chỉ đạo; nhưng không thể hành quyền trên các anh em của họ.

(3) Tánh cách tự trị

Một Hội Thánh là một đoàn thể tự trị. Không có cá nhân hay tổ chức nào đứng trên và có quyền chỉ huy Hội Thánh cả. Mỗi Hội Thánh, dưới quyền Đức Chúa Trời, tự điều dẫn công việc mình không để kẻ khác ngăn trở. Và trong Hội Thánh không có cơ quan cai trị. Quyền cai trị thuộc về các hội viên, nhưng lúc nào cũng thể theo quyền uy thiên thượng. Những vấn đề thuộc về tổ chức hay chánh sách được qui định bởi sự biểu quyết của toàn thể hội chúng, dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh.

2) Một tổ chức độc lập

Một Hội Thánh có thể hiệp tác với những Hội Thánh khác đồng phái, nhưng công việc riêng của hội không khi nào để cho các hội khác kiểm soát.

(1) Trong sự giao thiệp với các Hội Thánh khác

Không có Hội Thánh nào, dù cho phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng nhiều đến đâu, lại có một quyền uy nào đối với Hội Thánh khác, dầu Hội Thánh này có thể rất nhỏ bé. Không có nhóm Hội Thánh nào có thể bảo một Hội Thánh khác những gì hội này phải làm hoặc không nên làm. Họ có thể cho ý kiến, nhưng sự quyết định công việc phải làm là do từng Hội Thánh tự liệu.

(2) Trong sự giao thiệp với các tổ chức đồng phái

Có những hiệp hội và nghị hội trong đó những đại diện của các Hội Thánh gặp nhau để trao đổi ý kiến và bàn định sự hợp tác, nhưng những tổ chức này không có quyền uy gì trên Hội Thánh địa phương.

Hợp tác chứ không phải bắt buộc, đó là nguyên tắc hướng dẫn các Hội Thánh và cũng nhờ nguyên tắc ấy mà các Hội Thánh đó liên lạc nhau chặt

chẽ trong tình thân hữu và sự hầu việc Chúa. Dĩ nhiên là phải có sự đồng ý trong giáo lý và thực hành, vì " Nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?" (A-mốt 3:3).

(3) Trong sự giao thiệp với chính quyền dân sự

Chính quyền quốc gia không kiểm soát bất cứ Hội Thánh hoặc tổ chức tôn giáo nào. Không có Hội Thánh hoặc tổ chức tôn giáo nào có quyền uy đối với chính quyền. Hai bên đều có những địa hạt khác nhau, nên cần giữ cách biệt và riêng biệt nếu vấn đề hợp nhất được đặt ra.

Nhưng Hội Thánh và chính quyền có những quyền lợi cần được tôn trọng. Đức Chúa Jêsus đã phán : " Vậy, hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời" (Ma-thi-ơ 22:21). Tín đồ của Hội Thánh phải là những công dân tốt trong một quốc gia, biết tuân theo luật pháp của chính quyền, nếu những luật pháp ấy không xâm phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Và chính quyền bảo vệ các Hội Thánh cùng những hoạt động của Hội, nếu Hội không hoạt động trái với quyền lợi quốc gia.

III. Các Chức Viên Trong Một Hội Thánh

Hai chức viên trong Hội Thánh được ghi chép trong Tân Ước, là mục sư và chấp sự. Trong I Cô-rinh-tô 12:28, Phao-lô nói: " Đức Chúa Trời đã lập trong Hội Thánh, thứ nhất là sứ đồ, thứ nhì là đứng tiên tri, thứ ba là thầy giáo, kế đến kẻ làm phép lạ, rồi kẻ được ơn chữa bệnh, cứu giúp, cai quản, nói nhiều thứ tiếng." Tuy nhiên, những nhân vật vừa kể là những người đã được ban phó những ân tứ đặc biệt, để phụng sự đặc biệt, chứ không phải là những chức viên trong Hội Thánh.

1) Mục sư

Danh từ này ngày nay đã trở nên thông dụng, nhưng Kinh Thánh Tân Ước chỉ nói đến có một lần: " Ấy chính Ngài đã cho người này làm sứ đồ, kẻ kia làm tiên tri, người khác làm thầy giảng Tin Lành, kẻ khác nữa làm mục sư và giáo sư" (Ê-phê-sô 4:11). Trong Kinh Thánh Tân Ước, vị mục sư được gọi là trưởng lão hoặc " giám mục" nghĩa là người coi sóc tất cả. Vì thế chúng ta có ba danh từ để chỉ một chức vụ: mục sư, trưởng lão và giám mục.

Có người cho rằng có lẽ các tín đồ Báp-tít, tiền nhân của chúng ta đã bỏ không dùng danh từ " giám mục" hoặc " trưởng lão" vì có người đã dùng những danh từ này, sai lạc với ý nghĩa ghi chép trong Kinh Thánh, và đã dùng danh từ " mục sư" nghĩa là người chăn chiên, vì danh từ này chưa bị dùng sai.

Trong các Hội Thánh vào thời Tân Ước, hình như có hơn một mục sư trong một Hội Thánh. Nhưng có bao nhiêu người, chúng ta không được biết. Số mục sư có lẽ được ấn định tùy theo Hội Thánh lớn hay nhỏ. Lúc viết thư ngỏ cùng các Hội Thánh Phao lô luôn luôn dùng số nhiều khi chỉ chức vụ này: " Gởi cho hết thầy các thánh đồ trong Đức Chúa Jêsu Christ, ở thành Phi-líp, cùng cho các giám mục và các chấp sự" (Phi-líp 1:1).

Khi Phao-lô ghé lại thành Mi-lê, " Bèn sai người đi tới thành Ê-phê-sô mời các trưởng lão trong Hội Thánh đến" (Công-vụ-các-sứ-đồ 20:17).

(1) Phẩm cách mục sư

Điều này đã được trình bày trong I Ti-mô-thê 3:1-7 và Tít 1:6-9 gồm có tánh tình đứng đắn, danh tiếng tốt, tài dẫn đạo và giáo huấn. Nói tóm lại, một mục sư phải có khiếu bẩm sinh, nhờ ân điển và huấn luyện. Đó là một tiêu chuẩn cao đẹp mà ai không cố gắng đạt tới, thì không thể nào chiếm được chỗ tốt đẹp trong chức vụ này.

(2) Bôn phận của mục sư

Bôn phận của mục sư bao hàm trong danh hiệu của chức vị đó. Mục sư được gọi là " trưởng lão" nghĩa là già hơn. Danh hiệu này chỉ sự kinh nghiệm và sự đáng tôn kính. Danh hiệu " giám mục" chỉ sự trông nom coi sóc. Giám mục trông coi một Hội Thánh, dẫn đạo và điều hòa công việc của hội. "Mục sư" nghĩa là người chăn chiên. Người chăn chiên diu dắt, cho ăn và bảo vệ đàn chiên của mình. Người chăn chiên tìm kiếm những con chiên lạc và giúp đỡ yếu kém, bơ vơ. Vì thế mục sư là giảng sư, giáo sư, nhà lãnh đạo và cố vấn.

(3) Sự cung dưỡng mục sư

Phao lô nhấn mạnh về sự các mục sư phải được cung dưỡng xứng đáng của những người mà họ giúp việc. Ngỏ lời với Hội Thánh ở Cô-rinh-tô, ông đã nói: " Anh em há chẳng biết rằng ai hầu việc thánh thì ăn của dâng trong

đền thờ thì có phần nơi bàn thờ sao? Cũng vậy, Chúa có truyền rằng ai rao giảng Tin Lành thì được nuôi mình bởi Tin Lành: (I Cô-rinh-tô 9: 13-14).

Khi Chúa chúng ta sai các môn đồ đi rao giảng và giúp đỡ dân chúng. Ngài bảo họ không nên đem tiền bạc theo mình: " Vì người làm công đáng được tiền lương mình" (Lu-ca 10:7). Mục sư " không ham tiền bạc" (Ti-mô-thê 3:3), nhưng phải được cung dưỡng xứng đáng bởi các người mà họ giúp việc.

2) Chấp sự

Danh từ " chấp sự" nghĩa là giúp việc hay làm công. Nghĩa gốc chỉ người nào giúp việc trong nhà, cho quốc gia hay trong Hội Thánh. Nhưng theo thời gian, danh từ đã biến nghĩa và chỉ những người đã được lựa chọn để làm những công việc đặc biệt ở Hội Thánh. Mục sư và chấp sự thường được nói đến chung nhau trong Kinh Thánh Tân Ước: " Gởi cho hết thầy các thánh đồ trong Đức Chúa Jêsus Christ, ở thành Phi-líp, cùng cho các giám mục và các chấp sự" (Phi-líp 1:1). Phao lô nói đến hai chức vị liền nhau khi nói đến phẩm cách của họ ở chương ba của I Ti-mô-thê.

(1) Nguồn gốc của chức vụ

Chúng ta tìm thấy những chuyện nói về nguồn gốc chức vụ của chấp sự trong chương sáu của sách Công-vụ- các-sứ-đồ, mặc dù danh từ chấp sự không được nêu ra. Họ có cả thầy bảy người, nhưng thế không có nghĩa là mỗi Hội Thánh phải có đúng bảy người thôi. Số lượng chấp sự tùy phạm vi lớn nhỏ của Hội Thánh. Đối với vài Hội Thánh thì ba đến bốn chấp sự có thể đủ, trong khi năm mươi chấp sự không thể coi là quá nhiều đối với những Hội Thánh khác. Những chấp sự đầu tiên đã được toàn thể hội chúng chọn lựa và được các sứ đồ để riêng ra đăng hầu việc bởi sự đặt tay và cầu nguyện.

(2) Phẩm cách chấp sự

Phẩm cách của chấp sự đã được bày tỏ trong sách Công-vụ 6:3 và trong I Ti-mô-thê 3:8-13. Phẩm cách chấp sự rập giống phẩm cách của giám mục. Đạo đức và một thanh danh chói rạng là những điểm chính của một chấp sự. Lễ dĩ nhiên là còn những đức tính khác như sự khôn khéo trong công việc và tài lãnh đạo; nhưng dù cho một người có nhiều phẩm cách đến đâu mà thiếu đạo đức thì không xứng đáng làm chấp sự.

(3) Bồn phận của chấp sự

Điều này Tân Ước không có qui định rõ ràng. Những chấp sự đầu tiên, đã được chọn lựa, để quản trị tài chánh của hội, để cho các sứ đồ có thể có nhiều thì giờ cầu nguyện và truyền giảng lời Chúa. Nhưng họ cũng là người lãnh đạo tinh thần của Hội Thánh. Điều này được chứng minh bởi tiêu chuẩn đạo đức cần phải có.

Trong mọi hoạt động của Hội Thánh, chấp sự là người phụ lực của mục sư. Hẳn nhiên là bồn phận của chấp sự không phải chỉ có việc trao những đĩa đựng tiền dâng và giúp ở bàn ăn của Chúa.

IV Những nghi lễ trong Hội Thánh

Trong các Hội Thánh vào thời Tân Ước, có hai lễ thức sau đây được gọi là "nghi lễ". Những nghi lễ này không có khả năng cứu rỗi và tự nó không có quyền năng ban phúc lãnh. Đó chỉ là sự biểu trưng của nhiều chân lý quan trọng, cần được thực hiện cách trung thành thể theo mệnh lệnh của Chúa.

1) Lễ báp têm

Nghi lễ này đã gây ra nhiều cuộc tranh luận trong suốt những năm qua, một phần lớn bởi nhiều người quan niệm nó theo các tác văn của loài người, thay vì theo Tân Ước. Vậy Kinh Thánh đã nói gì?

(1) Nguồn gốc

Lễ báp têm đã được thực hiện lần đầu tiên bởi Giăng Báp têm, người đã được uỷ thác nhiệm vụ thiên thượng: " Có một người Đức Chúa Trời sai đến, tên là Giăng: (Giăng 1:6). Đức Chúa Trời đã sai Giăng đến chẳng những để rao giảng về sự ăn năn để được tha tội, mà còn để làm phép báp têm cho những người đã ăn năn rồi, như một hình thức bên ngoài, tượng trưng cho sự thay đổi bên trong: " Nhưng Đấng sai ta làm phép báp têm bằng nước" (Giăng 1:33).

Đức Chúa Jêsu đã thừa nhận nghi lễ bằng cách chịu người làm phép báp têm, như đã ghi chép trong Ma-thi-ơ 3 13-17, và bởi mạng lệnh Ngài đã phán cùng các môn đồ, khi giã từ: " Vậy hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhơn danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh mà làm phép báp têm cho họ" (

Ma-thi-ơ 28:19).

Ấy vậy, chịu phép rửa tội là một hành động tình nguyện của cá nhân, tuân theo lời phán dạy của Chúa mình.

(2) Cách thức

Phép rửa tội là sự chìm mình trong nước. Đó là nghĩa của chữ rửa tội theo nguồn gốc Hy-lạp. Và đó là hành động duy nhất, đúng theo lời mô tả trong Tân Ước: " Rồi cả hai đều xuống nước, và Phi-líp làm phép rửa tội cho hoạn quan. Khi ở dưới nước lên, thì Thánh Linh của Chúa đem Phi-líp đi" (Công vụ 8:38-39). Những lời này mô tả sự chìm mình trong nước.

Phao lô diễn tả phép rửa tội như một sự chôn cất và sống lại: " Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép rửa tội trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại" (Rô-ma 6:4-5).

(3) Người nào có thể chịu phép rửa tội

Chỉ riêng những người tin Chúa mới chịu phép rửa tội. Điều này đã được chứng dẫn bằng những ví dụ và giáp điều trong Tân Ước. Tân Ước không có ghi chép lễ rửa tội cho những người không tuyên bố mình sẽ tin Chúa.

Sự cần thiết phải tin nhận Đấng Christ như một điều kiện tiên quyết của phép rửa tội được chứng dẫn, đã được chứng giải trong câu chuyện những người ở thành Ê-phê-sô, có ghi chép trong sách Công-vụ 19 :1-5. Những người này đã chịu lễ rửa tội của Giăng, nhưng hiển nhiên là không có đức tin cứu chuộc nơi Đấng Christ. Khi họ được hướng dẫn tin tưởng thật sự vào Đấng Cứu Thế, họ bèn chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Jêsus. Hành động thứ nhất không phải là phép rửa tội thật sự, vì đó không phải là phép rửa tội của người tin Chúa.

(4) Sự tượng trưng

Có ba chân lý tượng trưng trong nghi lễ rửa tội. Lễ này nhắc lại sự chôn và sống lại của Chúa, đồng thời tuyên bố sự từng trải đổi mới trong đời sống

tín đồ, sự chết của con người cũ tội lỗi, và sự sống lại của một con người mới trong Chúa. Lễ này còn bày tỏ niềm hy vọng tốt lành về sự sống lại vinh hiển của thể xác, lúc Chúa tái lâm.

2) Tiệc Thánh của Chúa

Nghi lễ này cũng là đầu đề cho nhiều cuộc tranh biện, cả trong ý nghĩa và thực hành.

(1) Một lễ thức để ghi nhớ

Tiệc Thánh đã được Chúa thiết lập ở phòng trên cao trước khi Ngài chết trên thập tự giá. Buổi lễ đã được cử hành để ghi nhớ cái chết cứu chuộc của Chúa. Khi đưa mẩu bánh mì cho các môn đồ, Ngài đã phán: "Hãy lấy ăn đi này là thân thể ta: (Ma-thi-ơ 26:26). Và khi đưa chén cho họ, Ngài lại phán: "Hết thầy hãy uống đi; vì này là huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội: (Ma-thi-ơ 26:27-28).

Bánh mì và rượu nho tự nó không có hiệu lực thiêng liêng gì; nhưng đó là kỷ niệm ghi nhớ thân thể gãy vỡ và máu huyết tuôn đổ của Đấng Cứu Thế. Mục đích cao cả của sự giữ đúng nghi lễ này là rao giảng sự chết của Chúa chúng ta: "Ấy vậy, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến" (I Cô-rinh-tô 11:26).

(2) Một nghi lễ của Hội Thánh

Tiệc Thánh của Chúa là một nghi lễ của Hội Thánh, cần được giữ đúng với sự tham gia của những người đã nhận chịu các điều kiện ghi truyền trong Tân Ước--- đức tin được cứu rồi, chịu phép báp têm và làm tín hữu trong Hội Thánh.

3) Trọng tâm của Tin Lành

Hai nghi lễ tượng trưng cho hai chân lý trọng tâm của Tin Lành, là sự chết cứu chuộc và sự sống lại vinh hiển của Chúa chúng ta. Ngỏ lời với các tín đồ ở Cô-rinh-tô, Phao Lô đã viết: "Hỡi anh em, tôi nhắc lại cho anh em Tin Lành mà tôi đã rao giảng và anh em đã nhận lấy, cùng đứng vững vàng trong đạo ấy, và nhờ đạo ấy, anh em được cứu rồi, miễn là anh em giữ lấy y như lời tôi đã giảng cho; bằng không, thì anh em dù có tin cũng vô ích. Và, trước hết tôi đã dạy dỗ anh em điều mà chính tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng

Christ chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại, theo lời Kinh Thánh" (I Cô-rinh-tô 15:1-4). Để bảo toàn chân lý mà nó tượng trưng, những nghi lễ phải được giữ đúng theo mẫu mực ghi chép trong Tân Ước.

V. Công việc của Hội Thánh

Đấng Christ đã thiết lập Hội Thánh như một trung gian để thực hiện công trình Ngài ở thế gian. Hội Thánh phải giải quyết mọi nhu cầu của loài người, nhưng công việc chính của Hội Thánh là rao giảng Tin Lành cho toàn thế giới. Công việc của Hội thánh vì thế có tánh cách vừa địa phương, vừa phổ cập khắp thế gian. Đức Chúa Jêsus đã phác họa công việc của Hội Thánh khi Ngài phán: " Và làm chứng cho ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất" (Công-vụ 1:8). Họ đã bắt đầu trong nhà, nhưng đã không ngừng nơi đây. Vào một dịp khác Chúa Jêsus đã phán: " Ruộng là thế gian," (Ma-thi-ơ 13:38).

1) Trong dân chúng sở tại

Một Hội Thánh thực hiện công việc của mình trong dân chúng sở tại bằng cách tổ chức sự thờ phượng công cộng và giúp đỡ những nhu cầu của dân chúng cả về mặt vật chất lẫn tinh thần luôn luôn phải được chú trọng nhiều hơn.

Hội Thánh tìm cách đem kẻ hư mất đến chỗ từng trải sự cứu chuộc trong Đấng Christ, bằng cách rao giảng Tin Lành và bằng cách sự cá nhân chứng đạo. Hội Thánh vươn tay giúp đỡ những người thiếu thốn, cả trong lẫn ngoài hội. Hội Thánh cố gắng bảo tồn tiêu chuẩn luân lý cao đẹp, xây dựng sự công nghĩa và công bình trong mọi sự giao tiếp của đời sống.

Hội Thánh địa phương chỉ làm nhiệm vụ mình cách mỹ mãn bằng sự duy trì một tiêu chuẩn cao đẹp cho đời sống các giáo hữu trong hội. Hội Thánh không thể chiến thắng được thế gian bằng cách thỏa hiệp với thế gian. " Chúa phán rằng: Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó, đừng đá động đến đồ ô uế" (II Cô-rinh-tô 6:17). Vì sự sống còn của Hội Thánh và công việc mình, Hội Thánh duy trì một kỷ luật đúng đắn. Mỗi Hội Thánh phải cố gắng giúp đỡ các giáo hữu đạt đến tiêu chuẩn Đức Chúa Jêsus Christ đã đề ra.

Phao lô đã diễn tả cách kỳ diệu quyền năng của Hội Thánh trong sự thờ

phượng Chúa trong I Cô-rinh-tô 14:23-25: " Vậy, khi cả Hội Thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói tiếng lạ, mà có kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao? Song nếu ai nấy đều nói tiên tri mà người chẳng tin hoặc kẻ tầm thường vào nghe, thì họ sẽ bị mọi người bắt phục, và bị mọi người xét đoán, sự kín giấu trong lòng họ đã tỏ ra; họ bèn sấp mặt xuống đất, thờ lạy Đức Chúa Trời, và nói rằng thật có Đức Chúa Trời ở giữa anh em. "

(2) Trong thế giới

Thi hành sứ mạng của mình trong thế giới, mỗi Hội Thánh hợp tác với các Hội Thánh đồng phái, để gởi Tin Lành cho tất cả quốc gia và giúp đỡ những quốc gia này, trong những nhu cầu của họ. Đó là nghĩa của hiệp hội và nghị hội.

Khi những đại diện các Hội Thánh gặp nhau ở Augusta thuộc tiểu bang Georgia, vào tháng 8, 1845 để thành lập Liên Nghị hội Báp-tít Nam phương Hoa kỳ họ đã bày tỏ mục đích lập hội như sau: " Để thực hiện những ý định tốt lành của các hội viên bằng cách vạch một chương trình phát triển phối hợp và điều dẫn năng lực của toàn thể giáo phái trong một cố gắng thiêng liêng truyền bá Tin Lành."

Chỉ nhờ sự hợp tác như thế mà các Hội Thánh nói trên, mới có cơ thực hiện một cách hữu hiệu nhất, chương trình Chúa đã vạch ra. Hội Thánh hợp tác như vậy phải đào tạo cán bộ trong mọi lãnh vực, và cung cấp phương tiện thực hiện những công việc phải làm. Vì thế cần phải thành tín trong sự cầu nguyện, trong đời sống và trong sự quản trị tài sản vật chất.

Những Điều Chúng Ta Tin Nhận

Thế Giới Ngày Mai

"Nền đạo lành Đức Chúa Trời, và quyền phép của đời sau" (Hê-bơ-rơ 6:5)

Đức Chúa Jê-sus đã phán, trong hai dịp, về "Thế giới ngày mai" hay "đời sau" (Ma-thi-ơ 12:32; Mác 10:30). Từ ngữ này cũng được dùng hai lần trong sách Hê-bơ-rơ 2:5, 6:5. Có sự tương phản giữa thế giới ngày nay hay

đời nay, với đời sau.

Nhiều người quá lưu tâm đến những sự việc của thế giới ngày nay, nên quên rằng có một thế giới ngày mai.

Những tri thức của chúng ta về đời sau có giới hạn. Có nhiều điều chúng ta không biết về điểm này. Tuy nhiên đã có những điều khảo thí, đủ làm thỏa mãn sự cần hiểu của chúng ta.

I. Sự Chết

Sự chết về phần thể xác là số phận chung của loài người: "Theo như đã định cho loài người phải chết một lần" (Hê-bơ-rơ 9:27). Tất cả mọi người đã sống trên quả đất đều đã chết, trừ hai ngoại lệ vinh diệu là Hê-nóc và Ê-li: "Bởi đức tin Hê-nóc được cất lên và không hề thấy sự chết" (Hê-bơ-rơ 11:5). "Hai người cứ vừa đi vừa nói với nhau, kìa có một cái xe lửa và ngựa lửa phân rẽ hai người; Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc" (II Các Vua 2:11). Tất cả mọi người sống ở thế gian đều sẽ chết, trừ phi Chúa giáng lâm trong thế hệ này.

Vậy sự chết là gì? Thật là một câu hỏi khó trả lời, cũng như câu hỏi sự sống là gì? Sự chết không phải là sự chấm dứt hiện hữu. Nó chấm dứt đời sống trên thế gian, nhưng khi một người chết, người đó không ngừng hiện hữu. Đức Chúa Jêsus đã phán: "Đừng sợ kẻ giết chết thân thể mà không giết được linh hồn" (Ma-thi-ơ 10:28).

Sự chết là sự phân rẽ linh hồn với thân thể. Nhà thông thái đã bày tỏ như sau: "Và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó" (Truyền-đạo 12:7). Đôi khi sự chết được mô tả như là sự trút bỏ linh hồn. Đó là từ ngữ đã được dùng chỉ cái chết của Đức Chúa Jêsus khi Ngài đã kêu to lên, và đã trút linh hồn (Ma-thi-ơ 27:50).

Có hai hình ảnh ngôn từ được dùng trong Kinh Thánh Tân Ước để diễn tả sự chết. Hình ảnh thứ nhất ám chỉ thân thể và được gọi là sự ngủ. Trong sự chết hình như thân thể bị ngủ. Chúng ta thấy danh từ "ngủ" được dùng nhiều lần.

Chuyện kể sự chết của Ê-tiên đã kết thúc với câu: "Người vừa nói rồi lời đó, thì ngủ" (Công-vụ 7:60). Và nói về Đa-vít thì có lời ghi chép rằng: "Vả, vua Đa-vít lúc còn sống, làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời, đoạn qua đời"

(Công-vụ 13:36).

Phao-lô an ủi những giáo hữu ở thành Tê-sa-lô-ni-ca về sự chết của những thân nhân họ rằng: "Hỡi anh em, chúng tôi chẳng muốn anh em không biết về phần người đã ngủ, hầu cho anh em chớ buồn rầu như người khác không có sự trông cậy" (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13). Danh từ ngủ cũng gợi ý sự thức. Trong lúc chết thân thể ngủ nhưng sẽ có một sự thức lúc hồi sinh.

Hình ảnh thứ nhì dùng để nói về sự chết, có liên quan đến linh hồn, hay phần thuộc linh và được đề cập đến như một sự ra đi. Đó là hình ảnh thường dùng nhất của Phao-lô: "Muốn đi ở với Đấng Christ" (Phi-líp 1:23). Bàn về cái chết của mình mà ông cho rằng gần đến Phao-lô người đã nói: "Kỳ qua đời của ta gần rồi" (II Ti-mô-thê 4:6). Đó là hình ảnh của một chiếc tàu nhỏ neo để ra khơi.

Thế nên, lúc chết thân thể con người được đặt nằm dưới lòng đất; còn linh hồn thì đi về một thế giới khác, ở đây nó sẽ sống đời đời.

II. Trạng thái trung gian

Điều này chỉ vị trí và tình trạng của kẻ chết, giữa sự chết và sự sống lại. Khi người ta chết thì người ta đi về đâu? Linh hồn có ra đi không? Danh từ Hê-bơ-rơ trong Kinh Thánh Cựu Ước--Sheol--đồng nghĩa với danh từ Hy-lạp Hades trong Kinh Thánh Tân Ước. Tiếc thay trong bản Kinh Thánh "King James", những chữ này đã được dịch ra là địa ngục. Nhưng đó là một sự dịch sai lầm đã được sửa chữa trong bản sau. Chữ này có nghĩa là chỗ ở của sự chết, mà không nói gì đến trạng thái của người chết. Tất cả những người chết đều ở "Hades" (chỗ người chết ở).

Điều này không có nghĩa là địa ngục đã bị bãi bỏ. Có một chữ dịch đúng danh từ địa ngục là Gehenna, và đó là chữ mà Chúa Cứu Thế của chúng ta đã dùng, khi Ngài phán: "Thà rằng một tay mà vào sự sống, còn hơn đủ hai tay mà sa xuống địa ngục, trong lửa chẳng hề tắt" (Mác 9:43).

Vài chân lý về tình trạng của kẻ chết đã được khai thị trong Kinh Thánh

1) Người công nghĩa

Linh hồn của người tín đồ Cơ đốc sẽ trở nên như thế nào, khi họ chết đi? Có người nói nó nằm ngủ dưới mộ với thể xác. Quan niệm này hoàn toàn

trái ngược với vài đoạn trong Kinh Thánh. Đức Chúa Jêsus đã phán cùng tên ăn trộm trên cây thập tự giá rằng : "Hôm nay, ngươi sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi" (Lu-ca 23:43). Bàn đến cái chết của mình, Phao-lô đã nói : "Muốn đi đến ở với Đấng Christ" (Phi-líp 1:23). Trong Khải-huyền 14:13 chúng ta có điều hứa chắc sự ban phước lành: "Từ rày, phước thay cho những người chết, là người trong Chúa."

Thế là ba chân lý đã được khai thị về cái chết của người công nghĩa: Họ được vào lạc viên; họ được ở với Đấng Christ; và họ được sung sướng. Điều này trái ngược với mọi lý thuyết của một lò luyện tội, mà nơi đây các linh hồn công nghĩa phải qua một giai đoạn khổ sở, trước khi họ được vào nơi đầy phúc lành của kẻ đã được cứu chuộc.

2) Kẻ hung ác

Kinh Thánh khai thị rất ít về tình trạng kẻ hung ác giữa sự chết và sự sống lại.

Tất cả những sự hiểu biết của chúng ta về điều này đã được bày tỏ trong hai đoạn Kinh Thánh. Trong thí dụ về người giàu với La-xa-rô, Đức Chúa Jêsus đã phán: "Người giàu cũng chết, người ta đem chôn người ở nơi âm phủ đang bị đau đớn, ngược mắt lên" (Lu-ca 16:22-23). Trong II Phi-e-rơ 2:9, chúng ta có đoạn mô tả cái chết của người công nghĩa: "Chúa biết cứu chữa người tin kính khỏi cơn cám dỗ và hành phạt kẻ không công bình, cầm chúng nó lại để chờ ngày phán xét." Cũng như người chết công nghĩa được ở trước mặt Chúa trong tình trạng phước hạnh, kẻ chết hung ác bị chia cách với Chúa và bị ở trong một trạng thái khốn nạn.

III. Sự trở lại của Đấng Christ

Bởi có quá nhiều lý thuyết về sự tái lâm của Đấng Christ, nên có người không chú ý đề cập đến giáo thuyết này. Theo lời của Đức Chúa Trời, thì đó là hy vọng được ban phước hạnh của tín đồ Cơ đốc: "Đang chờ sự trông cậy hạnh phước của chúng ta, và sự hiện ra của vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ" (Tít 2:13).

Ở đây, sự hiểu biết của chúng ta cũng bị giới hạn. Đi quá xa những điều khai thị trong Kinh Thánh luôn luôn vẫn là một điều nguy hiểm. Tuy nhiên, có nhiều chân lý đã được phát lộ về sự tái lâm của Đấng Christ.

1) Sự chắc chắn Chúa sẽ tái lâm

Không có chân lý nào trong lời Đức Chúa Trời được bày tỏ rành rẽ hơn điều này. Ở đây ta chỉ cần trưng dẫn vài đoạn.

Khi các môn đồ đứng trên núi Ô-li-ve, nhìn lên các tầng trời Chúa đã thăng thiên, "thì có hai người nam, mặc áo trắng hiện đến trước mặt, và nói rằng: Hỡi người Ga-li-lê, sao các người đứng ngóng lên trời làm chi? Jêsus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy" (Công-vụ 1: 10-11).

Phao-lô đã nói: "Vì sẽ có tiếng kêu lớn, và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống" (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16). Và trong Hê-bơ-rơ 9:28 "Đấng Christ... sẽ trở lại hiện ra lần thứ hai, không phải cất tội đi nữa, nhưng để ban sự cứu rỗi cho kẻ chờ đợi Ngài."

Đức Chúa Jêsus đã phán cùng các môn đồ: "Các người từng nghe ta nói rằng: Ta đi, và ta trở lại cùng các người" (Giăng 14:28). Ngài đã phán dạy cho các môn đồ nhiều điều về sự sẵn sàng cho ngày tái lâm, của Ngài. Đoạn hai mươi bốn trong sách Ma-thi-ơ và những đoạn tương tự trong các sách Tin Lành khác đã trình bày rất nhiều về sự trở lại của Chúa.

2) Tánh cách sự tái lâm của Đấng Christ

Nhiều điều đã được khai thị về điểm này.

(1) Một lối riêng biệt và hiển nhiên

Hai người hiện đến trước mặt các môn đồ trên núi Ô-li-ve đã nói: "Jêsus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy" (Công-vụ 1:11). Ngài sẽ trở lại cùng một lối riêng biệt như khi Ngài lên trời. Và sự tái lâm của Ngài sẽ hiển nhiên, ai cũng trông thấy. "Kìa, Ngài đến giữa những đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy" (Khải-huyền 1:7). Sự tái lâm của Ngài vì thế có nhiều ý nghĩa hơn sự trở lại trong tinh thần.

(2) Thịnh linh và không đoán trước được

Đó là lời Đức Chúa Jêsus tự mô tả về sự tái lâm của Ngài. Sự tái lâm sẽ

đến bất thần như một ánh chớp loá lên: "Vì như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến ở phương tây, thì sự Con Người đến sẽ cũng thế ấy" (Ma-thi-ơ 24:27). Con người ở thế gian sẽ không đoán trước được sự tái lâm này: "Vì cũng như trong những ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường, cho đến ngày Nô-ê vào tàu,--và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đùa đem đi hết thảy,-- khi Con Người đến cũng như vậy" (Ma-thi-ơ 24:38-39).

(3) Trong sự vinh hiển vĩ đại

"Khi Con Người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh" (Ma-thi-ơ 25:31); "Bấy giờ người ta sẽ thấy Con Người lấy đại quyền đại vinh ngự đến trên đám mây" (Mác 13:26). "Vì nếu ai hổ thẹn về ta và về lời ta, thì Con Người sẽ hổ thẹn về họ, khi Ngài ngự trong sự vinh hiển của mình, của Cha và của thiên sứ thánh mà đến" (Lu-ca 9:26).

3) Thì giờ Chúa hiện đến

Có nhiều điều lẫn lộn trong sự con người cố gắng ấn định thời giờ tái lâm của Đấng Christ. Từ ngày Chúa đã lên trời, chẳng có lúc nào không có người mong ước Ngài sẽ trở lại trong thế hệ của họ. Tốt hơn hết là chúng ta nên ghi nhớ những điều Chúa chúng ta đã phán về sự trở lại của Ngài.

(1) Thời giờ này chỉ có Cha được biết mà thôi

Chúng ta có những lời này của Đức Chúa Jêsus trong Mác 13:32: "về ngày giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa, song chỉ Cha mà thôi."

Đây là một trong những bí mật mà Đức Chúa Cha đã giữ kín trong lòng Ngài. Và chính làm thế là hay hơn cả. Ta thử tưởng tượng nếu con người biết ngày giờ Chúa tái lâm. Nếu sự kiện vinh hiển này xảy ra gần kề, thì thế nào cũng có sự hỗn loạn như trong trường hợp của Phao-lô ở thành Tê-sa-lô-ni-ca.

Nếu thì giờ đó được biết là còn ở trong tương lai xa thẳm, con người chắc sẽ hoàn toàn không để ý đến nó nữa. Nhưng vì bởi chẳng ai biết được nó sẽ là bao giờ, cho nên mọi người khá sống trong sự sẵn sàng: "Vậy thì các ngươi cũng hãy chực sẵn, vì Con Người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ" (Ma-thi-ơ 24:44).

(2) Cảnh cáo sự tò mò tìm hiểu các bí mật của Đức Chúa Trời

Con người không nên tọc mạch đi vào những điều bí ẩn mà Đức Chúa Trời thấy không cần phải khai thị. Các môn đồ hỏi Chúa sắp thăng thiên, về thời giờ phục hưng của nước Y-sơ-ra-ên, Ngài đã phán: "Kỳ hạn và giờ ngày mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các ngươi chẳng nên biết" (Công-vụ 1:7).

(3) Một thái độ chờ đợi

Thái độ về phía con cái Đức Chúa Trời phải là một thái độ chờ đợi. Chúa có thể tái lâm bất cứ giờ phút nào. Đức Chúa Jêsus đã phán: "Vậy hãy tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến" (Ma-thi-ơ 24:42). Sự dự bị hay nhất cho ngày Chúa tái lâm là sốt sắng trong công việc Ngài đã giao phó cho chúng ta làm. "Phước cho đầy tớ đó, khi chủ đến thấy làm như vậy!" (Ma-thi-ơ).

4) Thời kỳ thiên niên

Cuộc tranh luận về ngày giờ Chúa chúng ta tái lâm đã đặt ra vấn đề thời kỳ thiên niên được bàn cãi nhiều nhất. Danh từ này nguyên gốc lấy ở từ ngữ La-tinh, có nghĩa là một ngàn năm. Thời kỳ một ngàn năm chỉ được ghi chép có một lần trong Kinh Thánh, ở sách Khải-huyền 20 1-10. Sự giải thích gặp phải nhiều khó khăn, trong một đoạn Kinh Thánh có quá nhiều hình ảnh và biểu tượng, như đoạn này.

Tuy nhiên, có nhiều đoạn Kinh Thánh khác làm sáng tỏ vấn đề.

Có hai phái giải thích mệnh danh là phái tiền thiên niên và phái hậu thiên niên. - đây chúng ta chỉ có thể phác họa sơ nội dung giáo điều của hai phái mà thôi.

(1) Phái tiền thiên niên

Thế theo phái này, thế giới càng ngày càng đi về chỗ gian ác, cho đến cùng độ, lúc Đấng Christ trở lại. Sự hiện đến của Ngài sẽ gồm có hai mặt:

Trước hết, sẽ có sự hiện đến của Đấng Christ để đưa các thánh Ngài lên trời, trong lúc ấy kẻ chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại, và những tín đồ

Cơ-độc còn sống sẽ được biến hóa, và tất cả sẽ cùng được đưa lên trên các tầng mây để gặp Chúa. Điều này đôi khi được gọi là sự hoan hỉ và đã được mô tả trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:15-17. Và tiếp theo đó sẽ có một thời kỳ đau trên mặt đất. Lúc bấy giờ xứ Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại cùng Chúa và trở thành những sứ giả truyền bá Tin Lành.

Rồi kế đó sẽ có sự hiện đến với các thánh Ngài. Khi thời kỳ đau khổ chấm dứt thì Đấng Christ sẽ tái lâm với các thánh Ngài và sự phán xét các quốc gia sẽ tiếp diễn. Sa-tan sẽ bị nhốt và Đấng Christ sẽ ngự trị với các thánh Ngài trong một ngàn năm. Đến hết thời kỳ này, Sa-tan sẽ được thả ra và cuộc chiến tranh vĩ đại ở Armageddon sẽ xảy ra và Đấng Christ sẽ thắng trận cuối cùng, và Sa-tan sẽ bị ném vào hồ lửa. Rồi đến sự sống lại của kẻ gian ác và sự phán xét trước ngai trắng vĩ đại.

(2) Phái hậu thiên niên

Thế theo sự giải thích của phái này, sẽ có một cuộc đăc thắng tiệm tiến của Tin Lành trong thế giới mà tuyệt điểm là một thời kỳ công nghĩa, công bằng và hòa bình sẽ được nối tiếp trong một ngàn năm. Vài nhà bình giảng hiện kim đã cho thời kỳ thiên niên là một thời gian vô hạn định, trải qua từ lúc Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá cho đến ngày tận thế. Lúc Đấng Christ xuất hiện thì có cho sự tái sinh toàn thể của kẻ chết, cả công nghĩa lẫn gian ác, tiếp theo đó là sự phán xét.

Có lẽ đa số tín đồ Cơ-độc ngày nay thấy sự nhiệt thành hầu việc Chúa là điều quan trọng, hơn là sự bỏ phí thì giờ tranh luận về những chi tiết liên hệ đến sự giải thích đúng đắn thời kỳ thiên niên, hoặc những chi tiết thuộc về ngày giờ và cách thức tái lâm của Chúa. Điều chắc chắn sự hiện đến và chiến thắng của Ngài mà ai cũng công nhận phải là nguồn hy vọng và niềm hứng khởi thường xuyên của chúng ta.

IV. Sự sống lại

Trong khi những tín đồ Cơ-độc đứng đắn có thể không đồng quan điểm với nhau về hai sự sống lại, một của người công nghĩa, hai của kẻ gian ác, thì tất cả đều nhìn nhận rằng cả người công nghĩa lẫn kẻ gian ác đều sẽ được sống lại. Điều này đã được cả Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước dạy rõ. Trong Đa-ni-ên, chúng ta đọc thấy sự bày tỏ chân lý như sau: "Và nhiều kẻ ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, kẻ thì để được sống đời đời, kẻ thì để chịu sự xấu hổ như nhục đời đời." Và Phao-lô nói: "Và tôi có sự trông cậy này nơi

Đức Chúa Trời, như chính họ cũng có vậy tức là sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình (Công-vụ 24:15).

Những câu hỏi mà người ta đã đặt ra cho Phao-lô trong thời kỳ bấy giờ cũng còn được nêu lên: "Nhưng có kẻ sẽ nói rằng: Người chết sống lại thế nào? lấy xác nào mà trở lại?" (I Cô-rinh-tô 15:35). Sự kiện sống lại của thân thể chẳng nên cho là điều khó chấp nhận đối với những ai tin ở Đức Chúa Trời. Như Phao-lô đã nói với Ac-ríp-ba: "Làm sao các ông lại cho rằng chẳng có thể nào tin được sự Đức Chúa Trời khiến những kẻ chết sống lại."

Nếu Đức Chúa Trời lúc nguyên sơ đã dựng nên thân thể con người từ cát bụi, thì há Ngài không dựng nổi thân thể từ cát bụi sao? Sự cứu chuộc sẽ không được trọn vẹn cho đến lúc có sự sống lại. Khi một tín đồ Cơ-đốc chết, linh hồn họ đi đến ở cùng Chúa, nhưng thể xác họ được chôn dưới đất. Đó có phải là sự kết thúc không? Kinh Thánh nói: "Không phải thế." Thể xác sẽ được sống lại, một thể xác được cứu chuộc, hợp với một linh hồn được cứu chuộc.

Tính chất của thân thể được sống lại sẽ ra sao? Kinh Thánh khai thị rất ít về sự sống lại của kẻ gian ác, nhưng có nhiều chân lý về sự sống lại của người công nghĩa. Sự sống lại của Đấng Christ khiến cho chúng ta tin chắc, sự sống lại, và là mẫu mực sống lại của con cái Ngài. Hai sự việc đã được chứng minh.

1) Căn nguyên được duy trì

Sự sống lại của thân thể, trong phạm vi có thật, sẽ được thực hiện với thể xác của chính người đã chết. Thân thể của Đức Chúa Jêsus đã ra khỏi mồ. Ngài tự hiện ra sống động giữa các môn đồ, và cho họ thấy những dấu đinh đóng ở tay Ngài. Trong một phạm vi có thật nào đó, chính thân thể ấy của Chúa đã được chôn ở dưới mồ. Cùng một cách, thân thể con cái Đức Chúa Trời cũng sẽ được sống lại như vậy.

2) Thân thể biến đổi

Thân thể được sống lại sẽ khác với thể xác lúc chết. Phao-lô nói: "Thịt và máu chẳng hưởng nước Đức Chúa Trời được, và sự hay hư nát không hưởng sự không hay hư nát được" (I Cô-rinh-tô 15:50). Ông mô tả sự biến đổi của thể xác như sau: "Thân thể đã gieo ra là hay hư nát, mà sống lại là không hay hư nát; đã gieo ra là nhục, mà sống lại là vinh; đã gieo ra là yếu,

mà sống lại là mạnh; đã gieo ra là thể huyết khí mà sống lại là thể thiêng liêng" (cùng một chương câu 42:44).

Theo như trên chúng ta biết rằng thân thể sống lại sẽ không bị hư nát, nhưng mạnh mẽ, vinh hiển và thiêng liêng. Nó sẽ như thân thể của Đấng Christ vinh hiển: "Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy cũng từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài" (Phi-líp 3:20-21). "về sự chúng ta sẽ ra thể nào thì điều đó chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến chúng ta sẽ giống như Ngài vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy" (I Giăng 3:2).

V. Sự phán xét

Vài nhà bình giảng cho rằng sẽ có nhiều cuộc phán xét trong khi có người cho rằng chỉ có một mà thôi. Tuy nhiên tất cả đều công nhận là có sự phán xét. Kinh Thánh Tân Ước có chứa đựng những điều bày tỏ rành mạch như sau: " Vì Ngài đã chỉ định một ngày, mà Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian" (Công-vụ 17:31). "Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét" (Hê-bơ-rơ 9:27).

1) Mục đích

Mục đích của sự phán xét không phải là để quyết định số phận. Điều này đã được định sẵn lúc người ta chết. Sẽ không có một dịp may thứ nhì trong thế giới ngày mai. Tiến sĩ thần học A.B. Strong nói: "Mục đích sự phán xét cuối cùng không phải là sự xác nhận mà là sự biểu lộ đặc trưng và là sự ấn định trạng thái ngoại tại thích ứng" (Hệ-thống thần đạo học: Systematic Theology trang 582).

Phao-lô nói: "Bởi vì chúng ta phải ứng hầu trước tòa án Đấng Christ hầu cho mỗi người nhận lãnh tùy theo điều thiện hay điều ác mình đã làm lúc còn trong xác thịt" (II Cô-rinh-tô 5:10).

Mục đích của sự phán xét sẽ là sự ban thưởng và hình phạt. Không phải tất cả những người được cứu rồi đều được thưởng giống nhau và không phải kẻ hư mất đều bị xử phạt như nhau. Đức Chúa Trời sẽ trả lại cho mỗi người thể theo việc làm của họ. Sự ban thưởng và sự xử phạt sẽ được áp dụng thể theo trường hợp và phẩm hạnh.

2) Nhân vật

Kinh Thánh tuyên bố rằng chính Đấng Christ sẽ làm thẩm phán: "Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ" (Công-vụ 17:31). "Bởi vì chúng ta thấy đều phải ứng hầu trước toà án Đấng Christ, hầu cho mọi người nhận lãnh tùy theo điều thiện hay điều ác mình đã làm lúc còn trong xác thịt" (II Cô-rinh-tô 5:10).

Đáng duy nhất xưng danh Cứu Chúa là Đấng con người phải đứng trước mặt Ngài đã chịu phán xét. Có một ngày Đức Chúa Jêsus đã đứng trước Phi-lát; rồi có một ngày Phi-lát sẽ đứng trước Đức Chúa Jêsus.

3) Tính chất

Tính Chất sự phán xét cuối cùng sẽ như thế nào?

(1) Cá nhân

Như vậy mỗi người trong chúng ta sẽ khai trình việc mình với Đức Chúa Trời" (Rô-ma 12:14). Cá nhân sẽ không bị lẫn lộn trong số đông. Và mỗi người sẽ khai trình việc mình, chứ không phải việc người khác.

(2) Phổ cập

Sự phán xét bao hàm tất cả mọi người. "Vì chúng ta hết thảy sẽ ứng hầu trước tòa án Đức Chúa Trời" (Rô-ma 14:10). Không ai có thể lẫn trốn được. "Tôi thấy những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước toà" (Khải huyền 20:12).

(3) Đầy đủ

Sự phán xét sẽ bao gồm tư tưởng, lời nói và hành động. "Vậy chớ xét đoán sớm quá, hãy đợi chờ Chúa đến, chính Chúa sẽ tỏ những sự giấu trong tối ra nơi sáng, và bày ra những sự dự định trong lòng người" (I Cô-rinh-tô 4:5). Đức Chúa Jêsus đã phán: "Và ta bảo các ngươi, đến ngày phán xét, mỗi người đã nói những lời vô cớ, đều sẽ phải khai trình" (Ma-thi-ơ 12:36). Và trong Khải-huyền 20:13, chúng ta đọc: "Và mỗi người trong bọn sẽ bị xử đoán tùy công việc mình làm."

(4) Công bằng và không tư vị

Đức Chúa Trời không tư vị ai. Sự con người đứng trên mặt đất không có liên lạc gì với sự con người đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Và công lý sẽ không bị làm lẫn. Mỗi người sẽ nhận lấy phần xứng đáng của mình.

(5) Chung thẩm

Sự phán xét có tính cách chung kết, và sẽ không có sự xử lại. Lời phán xét của ngày đó sẽ còn mãi đời đời.

VI. Trạng thái cuối cùng

Tiếp theo sự phán xét, cả những người công nghĩa và hung ác đều đi vào trạng thái cuối cùng có tính cách vĩnh cửu trong thời gian.

1) Người công nghĩa

Trạng thái cuối cùng của người công nghĩa có thể được nghiên cứu trên hai phương diện:

(1) Tình trạng của họ

Kinh Thánh nói rằng người công nghĩa đi vào một cuộc sống đời đời. "Rồi những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công nghĩa sẽ vào sự sống đời đời" (Ma-thi-ơ 25:46). Mỗi tín đồ Cơ-đốc đều có sự sống đời đời. "Ai tin Con thì được sự sống đời đời" (Giăng 3:36). Nhưng sự vinh hiển cuối cùng thuộc về thế giới ngày mai.

Sự sống đời đời hơn sự hiện hữu đời đời một trời một vực. Nó không chỉ nhiều về số lượng thời gian sống, mà chỉ phẩm chất của sự sống. Đó là cuộc sống hoàn toàn, vinh hiển và đầy quyền năng; một cuộc sống không bị ràng buộc bởi những giới hạn của thời gian. Đức Chúa Jêsus đã phán: "Và sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật cùng Jêsus Christ là Đấng Cha đã sai đến" (Giăng 17:3). Đó là một sự sống bầu bạn với Đức Chúa Trời và hầu việc Ngài cách vui thích.

(2) Chỗ ở của họ

Chỗ ngự cuối cùng của người công nghĩa là thiên đàng. Đức Chúa Jêsus mô tả chỗ ở thật sự: "Ta đi sắm sẵn cho các ngươi một chỗ. Khi ta đã

đi, và đã sẵn sàng cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó." (Giăng 14:23).

Trong lời của Đức Chúa Trời, thiên đàng đã được mô tả bằng nhiều hình ảnh nhưng không có mỹ từ nào có thể tả chính xác sự vinh hiển ở đây. Mọi điều làm cho đau đớn và buồn khổ đã bị cất bỏ: "Sẽ không có sự chết; không có than khó, kêu ca hay đau đớn khổ sở nữa." (Khải huyền 21:4). Thiên đàng sẽ bao gồm tất cả mọi thứ làm thỏa mãn những ước vọng sâu xa nhất của linh-hồn--sự nghỉ ngơi, bình an, vui vẻ, tình thân mến và hầu việc.

2) Kẻ gian ác

Trạng thái cuối cùng của kẻ gian ác cũng có thể được xem xét theo hai phương diện:

(1) Tình trạng của họ

Cũng như người công bình được đi vào sự sống đời đời, thì kẻ gian ác đi vào sự chết đời đời. Nhưng cũng như sự sống đời đời, ban sơ không chỉ sự hiện hữu đời đời, sự chết đời đời cũng không có nghĩa là chấm dứt hiện hữu. Đó là sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời và sự vinh hiển của một cuộc sống đời đời. Cũng như người công nghĩa sống một tình trạng bình an vui vẻ, kẻ gian ác sống trong tình trạng khốn khổ và đau đớn: "Sẽ có tiếng khóc lóc và nghiến răng, khi các người thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp cùng hết thấy các Đấng tiên tri đều ở trong nước Đức Chúa Trời" (Lu-ca 13:28).

(2) Chỗ ở của họ

Chỗ ở cuối cùng của kẻ gian ác được gọi là hỏa ngục. Chỗ này cũng vậy, đó là một chỗ có thật. Nó đã được mô tả bằng một giọng văn bóng bẩy nhưng không tránh được tánh cách ghê gớm thật sự của nó. Đức Chúa Jêsu đã nói đến nó như một nơi tối tăm ở phía ngoài và như một chỗ mà "sâu bọ của chúng chẳng hề chết và lửa chẳng hề tắt" (Mác 9:48). Chỗ ở của kẻ gian ác có thật và đời đời.

Khi chúng ta nghĩ đến những điều này thì những lời trong Giăng 3:16 càng trở nên quý giá: "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy, không bị hư mất mà được sự sống đời đời." Và chúng ta càng cảm thấy nhiệm vụ của chúng ta là chia sẻ Tin Lành cứu rỗi cho một thế giới đang hư mất trong tội lỗi.

Nguồn: Vô danh
Người đăng: Thành Viên VNthuquan
Thời gian: 27/12/2003 9:26:54 SA